

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN ĐỀ TÀI

1.1 Lý do chọn đề tài

Trong sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ thế giới, có thể nói rằng ngành công nghệ thông tin phát triển với tốc độ nhanh nhất và ngày càng thể hiện được vai trò to lớn, hết sức quan trọng đối với toàn bộ đời sống con người. Hầu hết các lĩnh vực trong xã hội đều ứng dụng công nghệ thông tin, nhiều phần mềm đã mang lại hiệu quả không hề phụ nhận. Song thực tiễn luôn đặt ra những yêu cầu mới đòi hỏi ngành công nghệ thông tin không ngừng phát triển để thỏa mãn và đáp ứng những thay đổi của cuộc sống. Ngày nay, ứng dụng công nghệ thông tin và việc tin học hóa được xem là một trong những yếu tố mang tính quyết định trong hoạt động của các chính phủ, tổ chức, cũng như của các công ty ... nó đóng vai trò hết sức quan trọng, có thể tạo ra những bước đột phá mạnh mẽ. Việc xây dựng các trang web để phục vụ cho các nhu cầu riêng của các tổ chức, công ty thậm chí các cá nhân ngày nay không lấy gì làm xa lạ.

Ngày nay khi đời sống con người ngày càng phát triển, nhu cầu thời trang ăn mặc sẽ được chú trọng hơn. Cũng vì thế mà các shop thời trang xuất hiện ngày càng nhiều, sự cạnh tranh trên thị trường online cũng từ đó tăng lên nhanh chóng. Nhu cầu tìm kiếm nơi để bán hàng online nhanh chóng, tăng doanh thu một cách an toàn, thuận lợi. Nắm bắt được tình trạng hiện tại, em quyết định xây dựng website kinh doanh thời trang và hỗ trợ các seller có thể đăng ký bán hàng trên hệ thống

1.2 Mục tiêu của đề tài

- Áp dụng Framework Laravel để xây dựng thành công website kinh doanh online
- Quản lý, tùy chỉnh nội dung website nhanh chóng, tiện lợi
- Thực hiện các thao tác, các chức năng của website một cách gọn gàng, phù hợp với người dùng

- Giao diện website thu hút khách hàng
- Trình quản lý Admin tiện lợi dễ dàng sử dụng cho các seller
- Thanh toán online an toàn, bảo mật
- Phát triển được các tính năng nổi bật của website
- Đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của các seller

1.3 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Kiến thức về MVC và Framework Laravel
- Nghiên cứu cấu trúc và các thành phần của Laravel
- Kiến thức về PHP, cấu trúc OOP
- Kiến thức về html, css, javascript, jquery
- Kiến thức về CSDL Mysql
- Nghiên cứu API google map và tích hợp vào hệ thống
- Nghiên cứu API VNPay và tích hợp vào hệ thống
- Ứng dụng Framework Laravel vào xây dựng hệ thống website

1.4 Nội dung và phương pháp nghiên cứu

- Tìm đọc tài liệu trên trang chủ laravel.com, giáo trình, luận văn, thông tin trên mạng
- Tìm đọc các blog liên quan đến laravel
- Tìm hiểu và nghiên cứu các API google map và API VNPay từ tài liệu online
- Nghiên cứu lý luận, từ cơ sở lý luận làm sáng tỏ các vấn đề cho việc xây dựng website
- Phương pháp điều tra quan sát: thông qua việc quan sát nhu cầu mua bán thời trang của người dùng hiện tại
- Phương pháp thực nghiệm: nhằm khẳng định tính thuận lợi, nhanh chóng cho việc sử dụng website

1.5 Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Framework Laravel đã được một số tác giả tìm hiểu và nghiên cứu trước đó. Phần lớn các tác giả đều cho thấy một cách tổng quan về nội dung lý thuyết của Framework Laravel đồng thời cũng xây dựng một hệ thống phù hợp với môi trường và bản thân tác giả. Lập trình PHP và Framework Laravel đã được sử dụng nhiều trong các hệ thống lớn.

Đề tài nghiên cứu đáp ứng được nhu cầu mua bán của người dùng và seller. Trình quản lý đơn giản dễ dàng tiếp cận, sử dụng một cách tiện lợi nhanh chóng.

Đối với Admin, hệ thống đáp ứng được các nhu cầu quản lý, theo dõi tình trạng của website, thống kê quản lý. Đáp ứng được các yêu cầu như quản lý danh mục, quản lý thương hiệu, quản lý sản phẩm, quản lý đơn hàng tổng thể, quản lý kho voucher, quản lý vận chuyển, quản lý khách hàng, quản lý seller, hỗ trợ config một số setting của website như goong map key, flash sale date,...

Đối với Seller, hệ thống hỗ trợ tạo sản phẩm một cách chuyên nghiệp với 2 thuộc tính là size và color, tùy chỉnh với giá sản phẩm(giá sale, thời hạn sale, giá flash sale), có thể chỉnh sửa tùy thích với các sản phẩm đã tạo. Hệ thống cho phép tạo các voucher giảm giá cho giỏ hàng và vận chuyển nhằm tăng lượt tương tác từ khách hàng từ đó gia tăng doanh thu một cách nhanh chóng. Seller có theo dõi tình trạng đơn hàng, update trạng thái đơn hàng. Hệ thống hỗ trợ export sản phẩm, đơn hàng nhằm đáp ứng nhu cầu thống kê của seller. Update thông tin shop dễ dàng.

Đối với customer, website đáp ứng được nhu cầu tìm kiếm, mua hàng, xem tình trạng đơn hàng, các chương trình flash sale, apply các voucher khuyến mãi cho đơn hàng. Hỗ trợ thanh toán online bằng VNPay. Giao diện website nổi bật thu hút lượng truy cập từ khách hàng. Website xử lý nhanh chóng các tác vụ của người dùng tránh tình trạng timeout. Đối với sản phẩm website hỗ trợ chọn các thuộc tính và thêm vào giỏ hàng, giá sẽ tương thích với thuộc tính đã chọn.

Website sử dụng API goong map để tính khoảng cách từ địa chỉ shop của seller đến địa chỉ ship của customer từ đó tính được phí giao hàng cho đơn hàng

1.6 Cấu trúc của đề tài

- Chương 1: Tổng quan về đề tài
- Chương 2: Cơ sở lý thuyết
- Chương 3: Phân tích và thiết kế hệ thống
- Chương 4: Thực nghiệm và triển khai
- Kết luận
 - Kết quả đạt được
 - Hạn chế
 - Hướng phát triển
- Tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1 Tổng quan về Laravel

2.1.1 Khái niệm

Laravel là PHP Web Framework miễn phí, mã nguồn mở, được tạo bởi Taylor Otwell và dành cho việc phát triển các ứng dụng web theo mô hình kiến trúc mô hình MVC và dựa trên Symfony PHP Framework. Một số tính năng của Laravel như là sử dụng hệ thống đóng gói module, quản lý package (Composer), hỗ trợ nhiều hệ quản trị CSDL quan hệ (MySQL, MariaDB, SQLite, PostgreSQL,...), các tiện ích hỗ trợ triển khai và bảo trì ứng dụng.

2.1.2 Lịch sử phát triển của Laravel

Vốn là một .NET developer, khoảng năm 2010 – 2011, khi bắt đầu tiếp xúc với PHP, Taylor Otwell đã chọn CodeIgniter với những tính năng thịnh hành “vượt mặt” cả Symfony. Trong suốt thời gian làm việc với CodeIgniter, anh sớm nhận ra những hạn chế nhất định.

Nhằm khắc phục những hạn chế này, đồng thời phát huy khả năng xuất sắc về design-pattern của mình, Taylor quyết định tạo ra một Framework mới. Tiêu chí anh đặt ra là đơn giản, dễ hiểu, hỗ trợ developer thực hiện ý tưởng nhanh nhất bằng nhiều tính năng hỗ trợ.

Tháng 6/2011, Taylor Otwell đã đưa đến Laravel như một giải pháp thay thế cho CodeIgniter. Với giải pháp này, lập trình viên (developer) đã được hỗ trợ nhiều tính năng mới mẻ với thao tác vô cùng đơn giản. Eloquent ORM mạnh mẽ, xác thực đơn giản, phân trang hiệu quả, ...là những tính năng thu hút sự chú ý của đông đảo người dùng của phiên bản đầu tiên này.

Những ưu điểm vượt trội đó đã giúp Laravel nhanh chóng chiếm được chỗ đứng trên thị trường và phát triển mạnh mẽ.

Laravel hiện được phát hành theo giấy phép MIT, với source code được lưu trữ tại Github. Tính đến thời điểm hiện tại, Laravel đã phát triển đến phiên bản 9 với nhiều cải tiến.

2.1.3 Ưu điểm của Framework Laravel

- Sử dụng các tính năng (feature) mới nhất của PHP
- Sử dụng mô hình MVC (Model – View – Controller)
- Hệ thống xác thực (Authentication) và ủy quyền (Authorization) tuyệt vời
- Có hệ thống tài liệu chi tiết, dễ hiểu
- Cộng đồng hỗ trợ đông đảo
- Sử dụng composer để quản lý PHP package
- Sử dụng npm để quản lý các gói Javascript, giao diện
- Hỗ trợ Eloquent ORM, Query Builder, Template Engine (Blade)
- Hỗ trợ routing mạnh mẽ
- Hỗ trợ biến Laravel thành một web service API với Restful API.
- Cung cấp các lệnh cần thiết để phát triển ứng dụng với Artisan.
- Hỗ trợ tạo các trường trong cơ sở dữ liệu, thêm các cột trong bảng, tạo mối quan hệ giữa các bảng, .. với Migrations.
- Hỗ trợ test lỗi để sửa chữa với Unit Testing.

2.2 Cài đặt Framework Laravel

2.2.1 Yêu cầu hệ thống

Trước khi cài đặt laravel, cần phải đảm bảo rằng Apache, PHP, mysql đã được cài đặt, đối với từng phiên bản của laravel thì yêu cầu hệ thống cần phải đảm bảo được các yêu cầu sau:

- Sử dụng phiên bản PHP phải từ 5.5.9 trở lên
- Cần phải mở OpenSSL PHP Extension (trong file php.env)
- Cần phải mở PDO PHP Extension (trong file php.env)

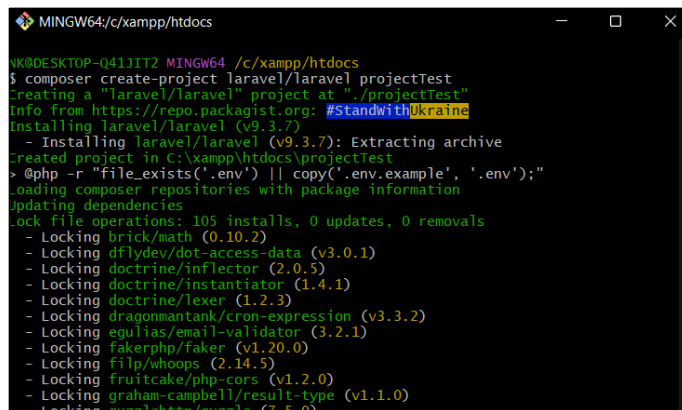
2.2.2 Cài đặt Framework Laravel

Cách 1: Thông qua Laravel Installer

- Mở Terminal (CMD hoặc Git Bash), gõ dòng lệnh sau: “composer global require “laravel/installer””.
- Sau khi cài đặt xong, bạn di chuyển vào thư mục htdocs của XAMPP
- Mở cửa sổ lệnh (nhấn Shift + chuột phải và chọn Command Window Here/Git Bash Here đối với Windows) và gõ: “laravel new nameProject”. Câu lệnh này sẽ cài phiên bản mới nhất của laravel
 - + nameProject: Tên project (thư mục) của mình

Cách 2: Thông qua Composer

- Di chuyển thẳng vào thư mục htdocs của XAMPP. Tại đây, mở cửa sổ lệnh và gõ “composer create-project --prefer-dist laravel/laravel nameProject”. Câu lệnh này sẽ cài phiên bản mới nhất của laravel
 - + nameProject: Tên project (thư mục) của mình

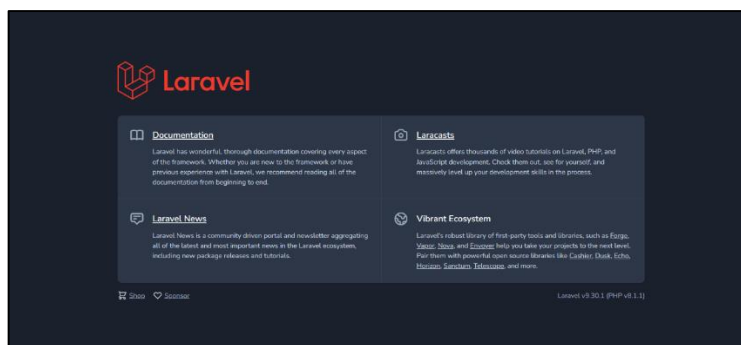


```
MINGW64:/c/xampp/htdocs
NK@DESKTOP-Q41JIT2 MINGW64 /c/xampp/htdocs
$ composer create-project laravel/laravel projectTest
Creating a "laravel/laravel" project at "./projectTest"
Info from https://repo.packagist.org: #StandWithUkraine
Installing laravel/laravel (v9.3.7)
- Installing laravel/laravel (v9.3.7): Extracting archive
Created project in C:\xampp\htdocs\projectTest
> @php -r "file_exists('.env') || copy('.env.example', '.env');"
Loading composer repositories with package information
Updating dependencies
Lock file operations: 105 installs, 0 updates, 0 removals
- Locking brick/math (0.10.2)
- Locking dflydev/dot-access-data (v3.0.1)
- Locking doctrine/inflector (2.0.5)
- Locking doctrine/instantiator (1.4.1)
- Locking doctrine/lexer (1.2.3)
- Locking dragonmantank/cron-expression (v3.3.2)
- Locking egulias/email-validator (3.2.1)
- Locking fakerphp/faker (v1.20.0)
- Locking filp/whoops (2.14.5)
- Locking fruitcake/php-cors (v1.2.0)
- Locking graham-campbell/result-type (v1.1.0)
- Locking guzzlehttp/guzzle (7.5.0)
```

Hình 2.1 Minh họa khi tạo project thông qua composer

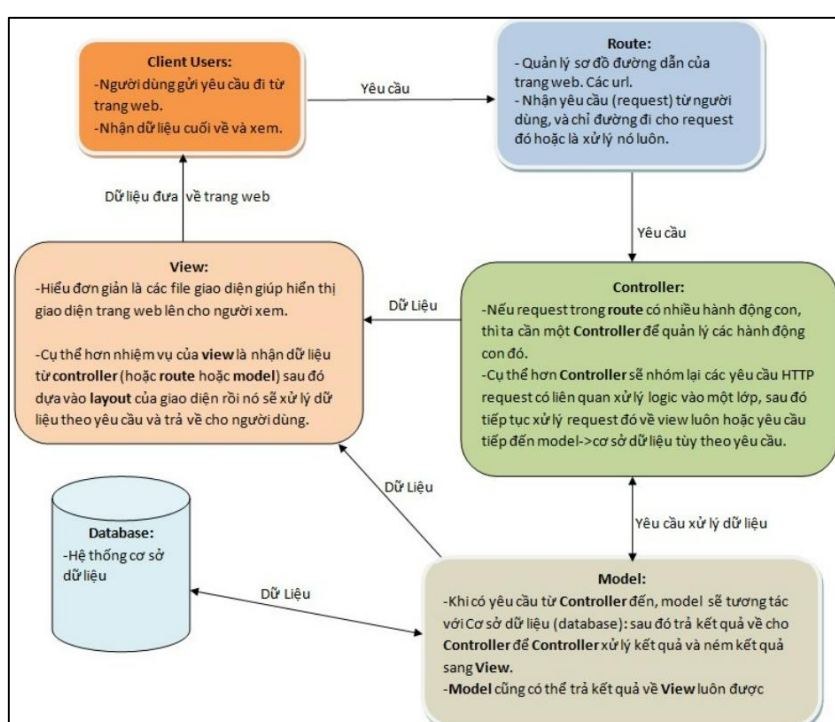
Sau khi cài đặt hoàn tất, mở WebServer, đến thư mục Public trong thư mục Laravel project hoặc từ thư mục Laravel project, gõ lệnh: “php artisan serve”. Màn hình console sẽ xuất hiện thông báo: “Server running on [http://127.0.0.1:8000].”.

Lúc này, vào trình duyệt gõ: http://127.0.0.1:8000.



Hình 2.2 Minh họa giao diện khi khởi chạy project laravel

2.3 Sơ đồ luồng hoạt động của Laravel



Hình 2.3 Sơ đồ luồng hoạt động của laravel

2.4 CSDL MySQL

2.4.1 Khái niệm

MySQL là một hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu mã nguồn mở (Relational Database Management System – được gọi tắt là RDBMS). Hệ thống hoạt động theo mô hình client – server, dựa trên ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc (SQL) và được phát triển, phân phối, hỗ trợ bởi Tập đoàn Oracle.

2.4.2 Ưu và nhược điểm

- Ưu điểm:

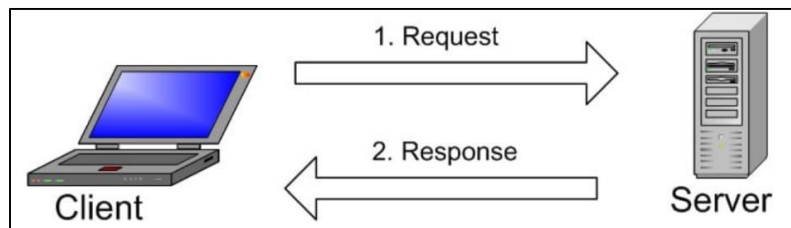
- Miễn phí: MySQL được phát hành theo giấy phép nguồn mở.
- Dễ sử dụng: Nó hoạt động trên nhiều hệ điều hành với nhiều ngôn ngữ bao gồm Java, C, C++, PHP,... Bởi vậy, nó cung cấp một hệ thống các hàm tiện ích mạnh mẽ và tiện lợi.
- Tốc độ nhanh chóng: MySQL là hệ cơ sở dữ liệu dễ dùng, có tốc độ nhanh và hoạt động ổn định ngay cả với các tập dữ liệu lớn.
- Hỗ trợ cơ sở dữ liệu lớn: MySQL có thể hỗ trợ cơ sở dữ liệu lên tới 50 triệu hoặc nhiều hơn trong một bảng. Giới hạn kích thước tệp mặc định cho 1 bảng là 4GB nhưng có thể tăng hạn mức nếu hệ điều hành có xử lý được. Giới hạn lý thuyết có thể lên tới 8 triệu TB.
- Chương trình mạnh mẽ: MySQL là một chương trình mạnh mẽ theo đúng nghĩa. Nó có thể xử lý một tập hợp lớn các chức năng của các gói cơ sở dữ liệu mạnh mẽ và đắt tiền nhất.
- Tính bảo mật cao: MySQL sở hữu nhiều tính năng bảo mật cấp cao. Bởi vậy, nó cực kỳ thích hợp cho các ứng dụng có truy cập cơ sở dữ liệu trên internet.
- Đa tính năng: MySQL hỗ trợ nhiều chức năng SQL được mong chờ từ một hệ quản trị CSDL quan hệ cả trực tiếp và gián tiếp.
- Khả năng tùy biến cao: Giấy phép GPL mã nguồn mở cho phép các lập trình viên sửa đổi phần mềm MySQL sao cho phù hợp với môi trường sử dụng của riêng họ.

- Nhược điểm

- Độ tin cậy chưa cao: Do các chức năng cụ thể được xử lý với MySQL (giao dịch, kiểm toán, tài liệu tham khảo,...) khiến cho nó kém tin cậy hơn so với một số hệ quản trị CSDL khác.

- Giới hạn: MySQL sẽ không làm tất cả và nó sẽ đi kèm một số hạn chế nhất định về chức năng mà một ứng dụng có thể cần đến.
- Dung lượng hạn chế: Nếu bản ghi của của chúng ta lớn dần lên thì việc truy xuất dữ liệu sẽ khó khăn hơn. Khi đó, chúng ta phải áp dụng nhiều biện pháp nhằm tăng tốc độ truy xuất dữ liệu (ví dụ như: chia tải database ra nhiều server, tạo cache MySQL,...)

2.4.3 Cách thức hoạt động của MySQL



Hình 2.4 Mô tả luồng hoạt động của MySQL

MySQL hoạt động dựa trên mô hình client – server. Cốt lõi của MySQL là máy chủ MySQL, xử lý tất cả các hướng dẫn CSDL hoặc các lệnh. Máy chủ SQL có sẵn như một chương trình riêng biệt để sử dụng trong môi trường mạng client – server. Nó như một thư viện có thể được nhúng hoặc liên kết vào các ứng dụng riêng biệt.

MySQL hoạt động cùng một số chương trình tiện ích hỗ trợ quản trị CSDL MySQL. Các lệnh được gửi đến MySQL Server thông qua máy khách được cài đặt trên máy tính.

MySQL được phát triển ban đầu nhằm mục đích xử lý CSDL lớn nhanh chóng. Mặc dù hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu này chỉ được cài đặt trên một máy, nhưng nó có thể gửi CSDL đi nhiều vị trí. Người dùng có thể truy cập vào thông qua nhiều giao diện máy khách MySQL khác nhau. Các giao diện này gửi các câu lệnh SQL đến máy chủ và hiển thị kết quả.

CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

3.1. Phân tích các yêu cầu của hệ thống

3.1.1. Tổng quan yêu cầu

- Phương pháp áp dụng: phân tích, khảo sát, thiết kế, quan sát
- Các thành phần yêu cầu thiết yếu của hệ thống:
 - + Source code của hệ thống (sử dụng framework Laravel)
 - + Dịch vụ web (hosting + domain), dung lượng đáp ứng đủ cho quá trình vận hành website, server đủ mạnh để đáp ứng được lượng truy cập lớn từ người dùng
 - + Hệ thống mạng: băng thông lớn hơn 50 KBps (400 kbps), độ trễ nhỏ hơn 150 ms, tránh gây tình trạng tắc nghẽn hệ thống khi đang vận hành
 - + Hệ thống hoạt động 24/7
 - + Hệ thống phải có cơ chế backup data khi xảy ra sự cố
 - + Tối ưu hóa các tác vụ hành động từ người dùng khi sử dụng
 - + An toàn thông tin, bảo mật dữ liệu người dùng
 - + Giao diện đẹp mắt, thời trang, hiện đại dễ dàng thu hút khách hàng
 - + Hỗ trợ thanh toán online giúp cho việc xử lý được nhanh chóng, dễ dàng hơn. Bảo mật các thông tin thanh toán giao dịch từ khách hàng

3.1.2. Yêu cầu chức năng

Hệ thống phải đáp ứng đủ các chức năng:

- Người dùng (User)
 - + Đăng nhập, đăng ký, quên mật khẩu, đặt lại mật khẩu, social login
 - + Khách hàng đăng nhập, xem lịch sử đơn hàng, chi tiết đơn hàng, hủy đơn hàng, thay đổi thông tin cá nhân, theo dõi danh sách địa chỉ giao hàng, thêm hoặc cập nhật địa chỉ giao hàng.

- + Xem danh sách sản phẩm từ các trang như trang chủ, trang danh mục, trang flash sale, trang tìm kiếm.
- + Xem chi tiết sản phẩm, hiển thị đầy đủ thông tin từ sản phẩm, hiển thị flash đối với sản phẩm đang được ưu đãi
- + Tìm kiếm theo tên sản phẩm
- + Giỏ hàng, Thêm sản phẩm vào giỏ hàng, cập nhật sản phẩm trong giỏ hàng, xóa sản phẩm từ giỏ hàng
- + Trang checkout, thêm mới hoặc chỉnh sửa địa chỉ giao hàng, áp dụng được các voucher giảm giá từ các shop, tách đơn hàng riêng lẻ cho từng seller
- + Áp dụng xu khi tiến hành đặt đơn hàng
- + Các chương trình sale, flash sale
- Người bán (Seller)
 - + Quản lý sản phẩm
 - + Quản lý đơn hàng
 - + Quản lý voucher giảm giá
 - + Chỉnh sửa thông tin shop
 - + Theo dõi thông tin dữ liệu ở trang dashboard
- Quản trị hệ thống (Admin)
 - + Quản lý danh mục
 - + Quản lý thương hiệu
 - + Quản lý sản phẩm
 - + Quản lý đơn hàng
 - + Quản lý vận chuyên
 - + Quản lý khách hàng
 - + Quản lý người bán
 - + Quản lý voucher
 - + Theo dõi dữ liệu từ của website ở trang dashboard

3.1.3. Yêu cầu phi chức năng

- Hiệu năng hoạt động: yêu cầu thời gian, tài nguyên sử dụng, công suất tối đa đáp ứng được luồng vận hành của hệ thống

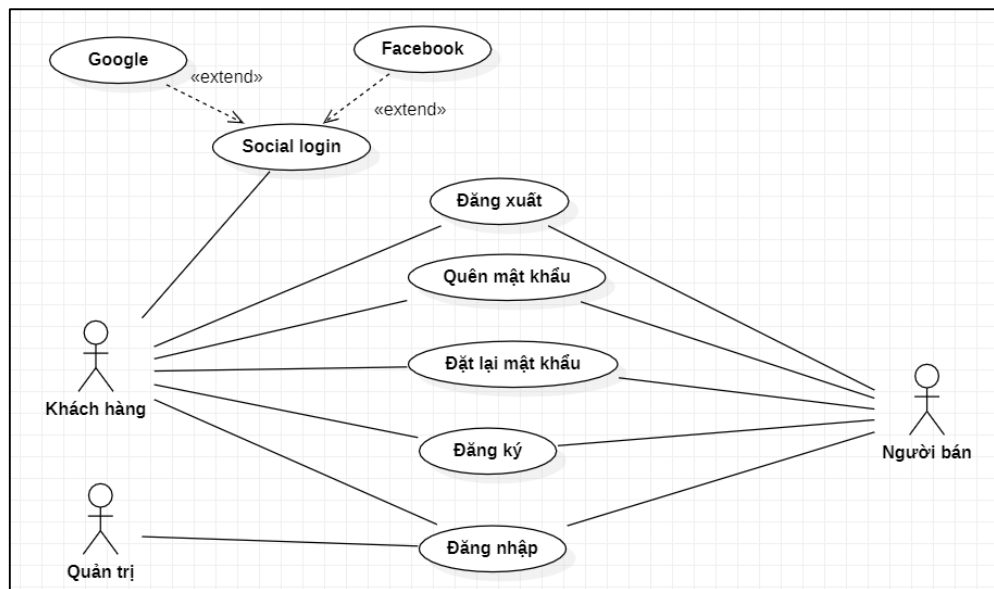
- Tương thích với phiên bản mới nhất của Laravel và PHP 8.1
- Độ an toàn cao, bảo mật tốt, rủi ro thấp
- Dung lượng đủ đáp ứng cho website
- Chịu được lượng truy cập lớn từ người dùng
- Tốc độ load trang nhanh chóng, tối ưu các request để dẫn đến timeout cho hệ thống
- Hỗ trợ backup data hàng tuần từ hosting

3.2. Phân tích, thiết kế và mô tả luồng hoạt động các chức năng trong website

3.2.1. Đặc tả Use Case Chung

➤ Xác thực người dùng

- Sơ đồ use case



Hình 3.1 Sơ đồ Use Case xác thực người dùng

- Đặc tả chi tiết chức năng

Bảng 3.1 Đặc tả chi tiết chức năng xác thực người dùng

Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Xác thực người dùng

Tác nhân tham gia	Khách hàng, Người bán, Quản trị hệ thống
Mô tả	Xác thực người dùng cho hệ thống
Điều kiện cần	<ul style="list-style-type: none"> - Đăng nhập, reset mật khẩu: đã có tài khoản đăng nhập trước đó - Đăng ký: phải có email đã xác thực
Kết quả	Xác thực người dùng thành công
Luồng nghiệp vụ chính	<p>➤ Đăng nhập</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập vào hệ thống <ul style="list-style-type: none"> - Khách hàng: tiến hành click chọn button đăng nhập - Người bán: Truy cập với uri là ashion/seller/login - Quản trị: Truy cập với uri là ashion/admin/login 2. Sau đó điền thông tin đăng nhập bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Email (*) - Password (*) 3. Click button đăng nhập 4. Hệ thống kiểm tra thông tin đăng nhập 5. Chuyển hướng đến trang chủ đối với khách hàng hoặc trang dashboard đối với người bán và quản trị khi đăng nhập thành công 6. Kết thúc. <p>➤ Đăng ký</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập vào hệ thống

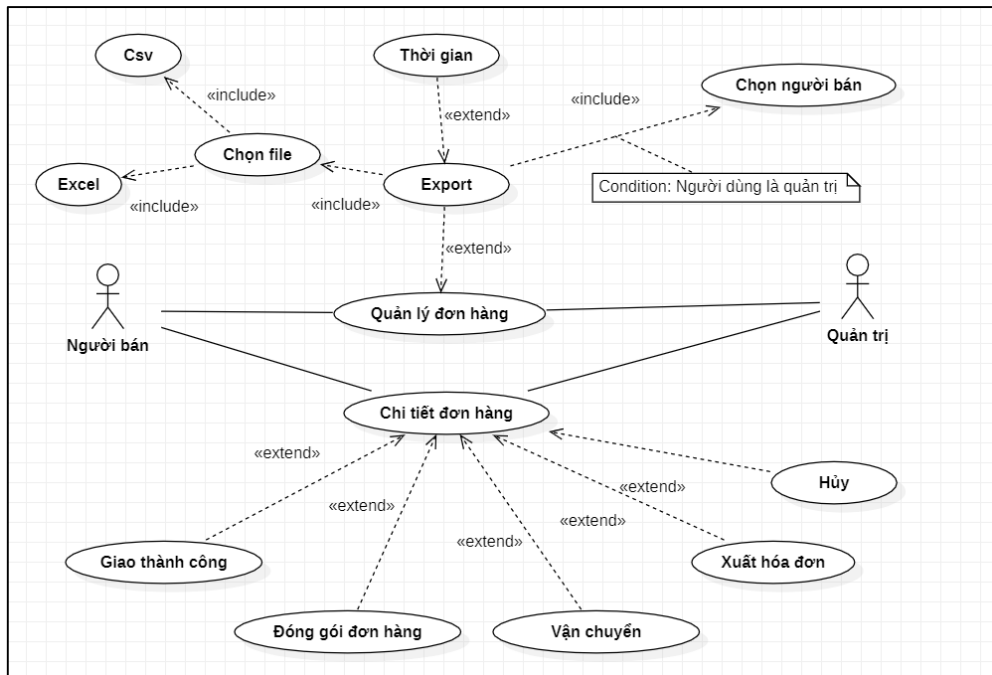
	<ul style="list-style-type: none"> - Khách hàng: tiến hành click chọn button đăng ký - Người bán: Truy cập với uri là ashion/seller/register <p>2. Sau đó điền thông tin đăng ký gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khách hàng: <ul style="list-style-type: none"> • Email (*) • Mật khẩu (*) • Nhập lại mật khẩu (*) - Người bán: <ul style="list-style-type: none"> • Họ và tên (*) • Email (*) • Số điện thoại (*) • Mật khẩu (*) <p>3. Click button đăng nhập</p> <p>4. Hệ thống tiến hành kiểm tra thông tin đăng ký</p> <p>5. Chuyển hướng đến trang chủ đối với khách hàng hoặc trang dashboard đối với người bán khi đăng ký thành công</p> <p>6. Kết thúc.</p> <p>➤ Đăng xuất</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Click chọn button đăng xuất >> hệ thống xử lý và đăng xuất dữ liệu người dùng 2. Kết thúc <p>➤ Reset mật khẩu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập vào hệ thống <ul style="list-style-type: none"> - Khách hàng: tiến hành chọn button quên mật khẩu trên form đăng nhập
--	---

	<ul style="list-style-type: none"> - Người bán: Truy cập với uri là ashion/seller/login, sau đó chọn button quên mật khẩu 2. Hệ thống chuyển hướng sang form quên mật khẩu 3. Nhập thông tin yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> - Email (*) 4. Tiến hành click button đặt lại mật khẩu đối với khách hàng hoặc button gửi đối với người bán 5. Hệ thống xác thực thông tin và gửi mail đến với tài khoản yêu cầu thay đổi <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung mail chứa link xác thực thay đổi 6. Người dùng click vào link thay đổi mật khẩu >> chuyển hướng đến trang xác thực thay đổi mật khẩu 7. Người dùng điền thông tin gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Mật khẩu (*) - Nhập lại mật khẩu (*) 8. Sau đó click button lưu mật khẩu 9. Hệ thống xác thực thông tin 10. Chuyển hướng đến trang chủ đối với khách hàng hoặc trang dashboard đối với người bán khi thay đổi thành công 11. Kết thúc. <p><i>(*) Các trường có dấu sao là trường bắt buộc nhập</i></p>
Luồng thay thế	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Đăng nhập: Khách hàng sử dụng social để đăng nhập vào hệ thống

	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng chọn đăng nhập bằng Google hoặc FaceBook 2. Hệ thống chuyển hướng sang trang xác thực thông tin của social 3. Khách hàng tiến hành điền tài khoản và đăng nhập 4. Social chuyển hướng về lại hệ thống >> hệ thống xử lý lưu thông tin khách hàng >> đăng nhập vào hệ thống >> chuyển hướng đến trang chủ của website
<p>Ngoại lệ</p>	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Đăng nhập: nếu không tồn tại hoặc sai email, password hiển thị thông báo “Email hoặc mật khẩu không chính xác” ➤ Đăng ký: Nếu email đã tồn tại với account type thì thông báo “Email đã tồn tại” ➤ Reset mật khẩu: Nếu link reset hết thời hạn hiển thị thông báo “Link đã hết thời hạn”

➤ **Quản lý đơn hàng**

- Sơ đồ use case



Hình 3.2 Sơ đồ Use Case quản lý đơn hàng

- Đặc tả chi tiết chức năng Export đơn hàng

Bảng 3.2 Đặc tả chi tiết chức năng export đơn hàng

Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Export
Tác nhân tham gia	Người bán, Quản trị hệ thống
Mô tả	Export danh sách thông tin đơn hàng
Điều kiện cần	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống
Kết quả	Export danh sách đơn hàng thành công
Luồng nghiệp vụ chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập vào hệ thống quản lý 2. Click chọn tab đơn hàng <ul style="list-style-type: none"> - Người bán: Chọn quản lý - Quản trị: Chọn hệ thống hoặc người bán

	<p>3. Chọn button export >> hiển thị popup export chứa các thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Header: hiển thị title là “Export” - Body: <ul style="list-style-type: none"> • Loại file (*): type select <ul style="list-style-type: none"> ▪ Excel (mặc định select) ▪ Csv • Thời gian (tháng - năm): sử dụng datetime picker • Chọn người bán: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Condition: Người dùng đang là quản trị thì sẽ hiển thị field này - Footer: <ul style="list-style-type: none"> • Button: Trở về, click chọn sẽ đóng popup export • Button: Thực thi, click chọn sẽ thực thi yêu cầu, render file và thực hiện download file từ hệ thống <p>4. Click chọn button thực thi >> hệ thống xử lý và download file xuống trình duyệt</p> <p>5. Kết thúc.</p> <p><i>(*) Các trường có dấu sao là trường bắt buộc nhập</i></p>
Luồng thay thế	N/A
Ngoại lệ	N/A

- Thông tin file export gồm các column:
 - ID: Id đơn hàng
 - Code: Mã đơn hàng
 - Items Count: Số sản phẩm của đơn hàng

- Voucher Cart Id: Id voucher giảm giá tiền hàng
- Voucher Shipping Id: Id voucher giảm giá vận chuyển
- Shipping Amount: Phí giao hàng
- Discount Shipping Amount: Giảm giá giao hàng
- Discount Cart Amount: Giảm giá tiền hàng
- Est Delivery Time: Thời gian giao hàng dự kiến
- Est Delivery Number: Số ngày giao hàng dự kiến
- Status: trạng thái đơn hàng
- State: Tình trạng đơn hàng (thanh toán/ chưa thanh toán)
- Payment: Hình thức thanh toán
- Subtotal: Tổng tiền hàng
- Total: Tổng thanh toán
- User Full Name: Họ và tên người nhận
- User Telephone: Số điện thoại người nhận
- User Id: Id khách hàng
- Seller Id: Id người bán
- Coin: xu áp dụng
- User email: Email người nhận
- Delivery Id: Id vận chuyển

- Đặc tả chi tiết chức năng vận chuyển đơn hàng

Bảng 3.3 Đặc tả chi tiết chức năng vận chuyển đơn hàng

Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Vận chuyển
Tác nhân tham gia	Người bán, Quản trị hệ thống

Mô tả	Chuyển trạng thái đơn hàng sang đang vận chuyển (shipped)
Điều kiện cần	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống >> thực thi chức năng - Trạng thái đơn hàng “đang xử lý”
Kết quả	Chuyển trạng thái đơn hàng sang đang vận chuyển thành công
Luồng nghiệp vụ chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập vào hệ thống quản lý 2. Click chọn tab đơn hàng <ul style="list-style-type: none"> - Người bán: Chọn quản lý - Quản trị: Chọn hệ thống hoặc người bán 3. Click chọn mã đơn hàng >> hệ thống chuyển hướng sang trang chi tiết đơn hàng 4. Click chọn button vận chuyển >> hiển thị popup vận chuyển gồm các thông tin: <ul style="list-style-type: none"> - Header: hiển thị title là “Vận chuyển” - Body: <ul style="list-style-type: none"> • Field type select(*): chứa thông tin tên người vận chuyển và số điện thoại • Với Format : “Full Name Telephone” - Footer: <ul style="list-style-type: none"> • Button: Trở về, Click chọn sẽ đóng popup vận chuyển • Button: Thực thi, click chọn sẽ thực thi yêu cầu và chuyển trạng thái đơn hàng thành “đang vận chuyển” 5. Kết thúc.

	<i>(*) Các trường có dấu sao là trường bắt buộc nhập</i>
Luồng thay thế	N/A
Ngoại lệ	Nếu trạng thái đơn hàng hiện tại không phải là đang xử lý hiển thị thông báo “Hãy đóng gói đơn hàng”

- Đặc tả chi tiết chức năng giao thành công

Bảng 3.4 Đặc tả chi tiết chức năng giao thành công

Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Giao thành công
Tác nhân tham gia	Người bán, Quản trị hệ thống
Mô tả	Chuyển trạng thái đơn hàng thành đã giao thành công (completed)
Điều kiện cần	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống >> thực thi chức năng - Trạng thái đơn hàng “đang vận chuyển”
Kết quả	Chuyển trạng thái đơn hàng thành đã giao thành công
Luồng nghiệp vụ chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập vào hệ thống quản lý 2. Click chọn tab đơn hàng <ul style="list-style-type: none"> - Người bán: Chọn quản lý - Quản trị: Chọn hệ thống hoặc người bán 3. Click chọn mã đơn hàng >> hệ thống chuyển hướng sang trang chi tiết đơn hàng

	<p>4. Click chọn button giao thành công >> hệ thống thực thi yêu cầu >> chuyển trạng thái đơn hàng thành “đã giao thành công” >> gửi mail thông báo đến khách hàng</p> <p>5. Kết thúc.</p>
Luồng thay thế	N/A
Ngoại lệ	Nếu trạng thái đơn hàng hiện tại không phải là đang vận chuyển hiển thị thông báo “Hãy tạo vận chuyển”

- Đặc tả chi tiết chức năng đóng gói đơn hàng

Bảng 3.5 Đặc tả chi tiết chức năng đóng gói đơn hàng

Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Đóng gói đơn hàng
Tác nhân tham gia	Người bán, Quản trị hệ thống
Mô tả	Chuyển trạng thái đơn hàng sang đang xử lý (processing)
Điều kiện cần	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống >> thực thi chức năng - Trạng thái đơn hàng “đang đợi duyệt”
Kết quả	Chuyển trạng thái đơn hàng sang đang xử lý thành công
Luồng nghiệp vụ chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập vào hệ thống quản lý 2. Click chọn tab đơn hàng <ul style="list-style-type: none"> - Người bán: Chọn quản lý

	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị: Chọn hệ thống hoặc người bán <ol style="list-style-type: none"> 3. Click chọn mã đơn hàng >> hệ thống chuyển hướng sang trang chi tiết đơn hàng 4. Click chọn button đóng gói đơn hàng >> hệ thống thực thi yêu cầu và chuyển trạng thái đơn hàng thành “đang xử lý” 5. Kết thúc.
Luồng thay thế	N/A
Ngoại lệ	Nếu trạng thái đơn hàng hiện tại không phải là đang đợi duyệt hiển thị thông báo “ Trạng thái đơn hàng phải là "Đang đợi duyệt" ”

- Đặc tả chi tiết chức năng xuất hóa đơn

Bảng 3.6 Đặc tả chi tiết chức năng xuất hóa đơn

Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Xuất hóa đơn
Tác nhân tham gia	Người bán, Quản trị hệ thống
Mô tả	Xuất hóa đơn cho đơn hàng
Điều kiện cần	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống >> thực thi chức năng
Kết quả	Xuất hóa đơn thành công
Luồng nghiệp vụ chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập vào hệ thống quản lý 2. Click chọn tab đơn hàng <ul style="list-style-type: none"> - Người bán: Chọn quản lý

	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị: Chọn hệ thống hoặc người bán <ol style="list-style-type: none"> 3. Click chọn mã đơn hàng >> hệ thống chuyển hướng sang trang chi tiết đơn hàng 4. Click chọn button xuất hóa đơn >> hệ thống thực thi và xuất hóa đơn file PDF 5. Kết thúc.
Luồng thay thế	N/A
Ngoại lệ	N/A

- Đặc tả chi tiết chức năng hủy đơn hàng

Bảng 3.7 Đặc tả chi tiết chức năng hủy đơn hàng

Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Hủy đơn hàng
Tác nhân tham gia	Người bán, Quản trị hệ thống
Mô tả	Chuyển trạng thái đơn hàng sang đã hủy (canceled)
Điều kiện cần	<ul style="list-style-type: none"> - Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống >> thực thi chức năng - Trạng thái đơn hàng không phải là “đã giao thành công”
Kết quả	Chuyển trạng thái đơn hàng sang đã hủy
Luồng nghiệp vụ chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập vào hệ thống quản lý 2. Click chọn tab đơn hàng <ul style="list-style-type: none"> - Người bán: Chọn quản lý - Quản trị: Chọn hệ thống hoặc người bán

Tên Use - Case	Export sản phẩm
Tác nhân tham gia	Người bán, Quản trị hệ thống
Mô tả	Export danh sách thông tin sản phẩm
Điều kiện cần	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống
Kết quả	Export danh sách sản phẩm thành công
Luồng nghiệp vụ chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập vào hệ thống quản lý 2. Click chọn tab sản phẩm <ul style="list-style-type: none"> - Người bán: Chọn quản lý sản phẩm - Quản trị: Chọn quản lý sản phẩm (nếu export tất cả sản phẩm) hoặc sản phẩm của hệ thống (nếu export sản phẩm của hệ thống) hoặc sản phẩm của seller (nếu export sản phẩm của seller) 3. Chọn button export >> hiển thị popup export chứa các thông tin: <ul style="list-style-type: none"> - Header: hiển thị title là “Export” - Body: <ul style="list-style-type: none"> • Loại file (*): type select <ul style="list-style-type: none"> ▪ Excel (mặc định select) ▪ Csv • Thời gian (tháng - năm): sử dụng datetime picker • Trạng thái: type select - Footer: <ul style="list-style-type: none"> • Button: Trở về, click chọn sẽ đóng popup export

	<ul style="list-style-type: none"> • Button: Thực thi, click chọn sẽ thực thi yêu cầu, render file và thực hiện download file từ hệ thống <p>4. Click chọn button thực thi >> hệ thống xử lý và download file xuống trình duyệt</p> <p>5. Kết thúc.</p> <p><i>(*) Các trường có dấu sao là trường bắt buộc nhập</i></p>
Luồng thay thế	N/A
Ngoại lệ	N/A

- Thông tin file export gồm các column:
 - Product Model Id: Id của sản phẩm cha
 - Product Item Id: Id của sản phẩm con
 - Name: Tên của sản phẩm
 - Sku: Sku của sản phẩm
 - Slug: Slug của sản phẩm
 - Color: màu sắc của sản phẩm
 - Size: Kích cỡ của sản phẩm
 - Price: Giá ban đầu của sản phẩm
 - Sale Price: Giá sale của sản phẩm
 - Sale Type: Hình thức sale
 - Sale Time From: Ngày bắt đầu sale
 - Sale Time To: Ngày kết thúc sale
 - Flash Sale Price: giá flash sale của sản phẩm
 - Flash Sale Qty: số lượng flash sale
 - Stock Quantity: Số lượng sản phẩm trong kho
 - Status Model: Trạng thái của sản phẩm cha
 - Status Item: Trạng thái của sản phẩm con
 - Description: Mô tả

- Short description: mô tả ngắn
- Tags: tags của sản phẩm
- Weight: khối lượng của sản phẩm
- Unit Weight: đơn vị khối lượng
- Length: kích thước sản phẩm
- Delivery Type: Hình thức vận chuyển của sản phẩm
- Category: Danh mục chính
- Sub Category: Danh mục phụ
- Brand: thương hiệu
- Seller: Tên người bán
- Image: Ảnh của sản phẩm

- Đặc tả chi tiết chức năng thêm mới – cập nhật - xóa sản phẩm

Bảng 3.9 Đặc tả chi tiết chức năng thêm mới – cập nhật- xóa sản phẩm

Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Thêm mới - Cập nhật - Xóa
Tác nhân tham gia	Người bán, Quản trị hệ thống
Mô tả	Thêm mới – Cập nhật – Xóa sản phẩm
Điều kiện cần	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống
Kết quả	Thêm mới – Cập nhật – Xóa sản phẩm thành công
Luồng nghiệp vụ chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập vào hệ thống quản lý 2. Click chọn tab sản phẩm <ul style="list-style-type: none"> - Người bán: Chọn quản lý sản phẩm - Quản trị: Chọn quản lý sản phẩm (xem tất cả quản phẩm) hoặc sản phẩm của hệ thống (xem sản phẩm của hệ thống) hoặc

	<p>sản phẩm của seller (xem sản phẩm của seller)</p> <ul style="list-style-type: none"> ➤ Xóa <ol style="list-style-type: none"> 3. Click chọn button xóa >> hiện thi alert thông báo “Xóa hay không” >> click xóa >> hệ thống thực thi xóa sản phẩm khỏi dữ liệu 4. Kết thúc ➤ Thêm mới – Cập nhật <ol style="list-style-type: none"> 3. Click chọn cập nhật để chỉnh sửa hoặc thêm sản phẩm 4. Hệ thống chuyển hướng sang trang edit sản phẩm, form gồm các thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin cơ bản: <ul style="list-style-type: none"> • Ảnh sản phẩm(*): Upload tối đa 5 - 6 hình ảnh • Tên sản phẩm (*) • Slug (*) • Danh mục ngành hàng (*) • Tags • Thương hiệu (*) - Giá bán, kho hàng <ul style="list-style-type: none"> • Màu sắc • Kích cỡ • Table biến thể sản phẩm <ul style="list-style-type: none"> ○ Biến thể ○ Giá (*) ○ Giá khuyến mãi <ul style="list-style-type: none"> ▪ Giá khuyến mãi ▪ Ngày khuyến mãi
--	--

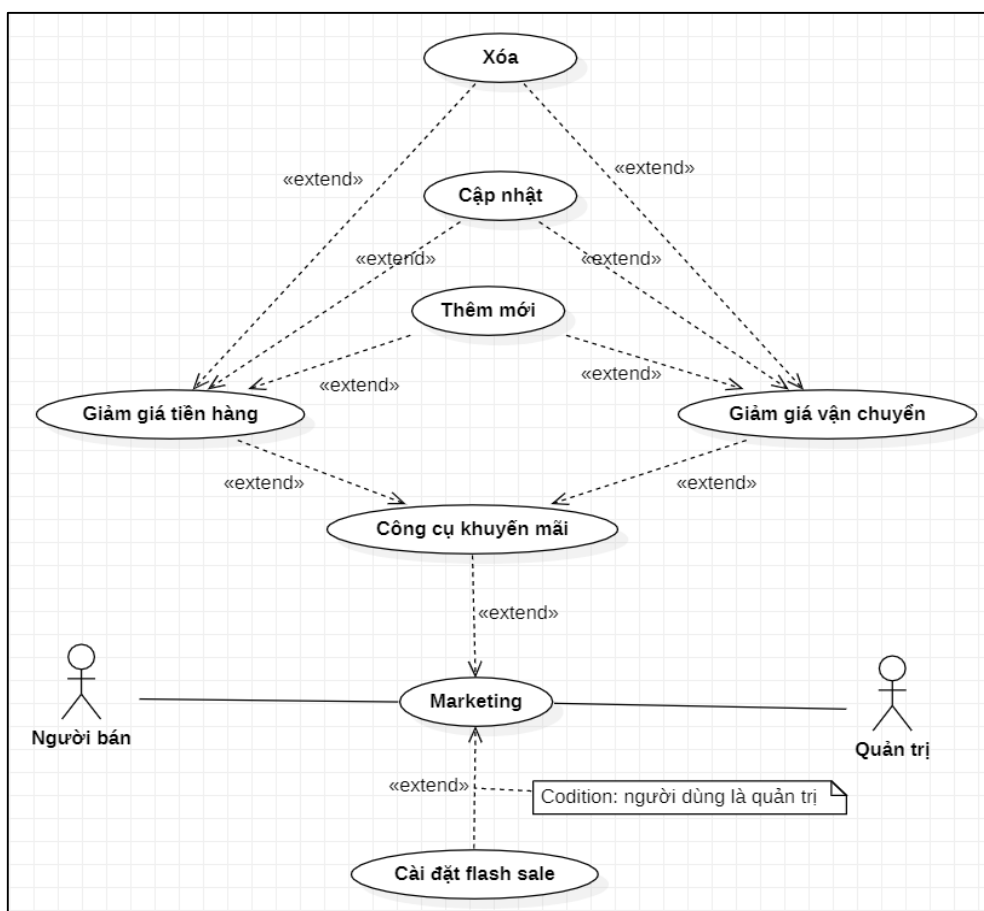
	<ul style="list-style-type: none"> ○ Flash sale <ul style="list-style-type: none"> ▪ Giá flash sale ▪ Số lượng ○ Kho ○ Sku ○ Trạng thái - Mô tả sản phẩm <ul style="list-style-type: none"> • Mô tả ngắn • Mô tả chi tiết - Vận chuyển <ul style="list-style-type: none"> • Khối lượng kiện hàng (*) (đơn vị: gam) • Kích thước kiện hàng (*) (dài-rộng-cao, đơn vị: cm) • Tùy chọn vận chuyển <p>5. Điền đầy đủ thông tin >> Click button gửi >> hệ thống xử lý và lưu dữ liệu sản phẩm</p> <p>6. Kết thúc</p> <p><i>(*) Các trường có dấu sao là trường bắt buộc nhập</i></p>
Luồng thay thế	<p>➤ Chức năng Vi phạm (người dùng là quản trị)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng update sản phẩm 2. Click button vi phạm >> hiển thị popup gồm các thông tin: <ul style="list-style-type: none"> - Header: hiển thị title Vi phạm - Body <ul style="list-style-type: none"> • Loại vi phạm (*): type select • Nội dung - Footer:

	<ul style="list-style-type: none"> • Button: Hủy, click chọn sẽ đóng popup • Button: Gửi, Click chọn sẽ thực thi yêu cầu <p>3. Click button gửi >> hệ thống thực thi yêu cầu chuyển trạng thái thành “vi phạm” và hiển thị thông báo “Cập nhật thành công”</p> <p>4. Kết thúc</p> <p>Note: Trạng thái đơn hàng là vi phạm: disable button</p> <p>➤ Chức năng Duyệt (người dùng là quản trị)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng update sản phẩm 2. Click chọn button duyệt >> hiển thị alert “tiếp tục duyệt” >> click ok để thực thi yêu cầu >> hệ thống xử lý và chuyển trạng thái sản phẩm sang enable và hiển thị thông báo “Cập nhật thành công” 3. Kết thúc <p>Note: Trạng thái đơn hàng không phải là vi phạm: disable button</p> <p>➤ Phần thông tin giá bán và kho hàng(Trang edit sản phẩm)</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Xử lý render row trong table biến thể sản phẩm <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng tích chọn attribute màu sắc hoặc kích cỡ hoặc cả 2 >> chọn value 2. Hệ thống xử lý và render thêm các row tương ứng vào table biến thể sản phẩm. Đối với trường hợp update hệ
--	---

	<p>thống kiểm tra biến thể với value tương ứng đó đã tồn tại trong sản phẩm hay chưa, nếu đã tồn tại thì lấy thông tin đó hiển thị trên row, nếu chưa tiến tạo mới row với dữ liệu trống</p> <p>3. Kết thúc</p> <p>(*) Các trường có dấu sao là trường bắt buộc nhập</p>
Ngoại lệ	<p>Hệ thống validate dữ liệu từ form input và trả về thông báo lỗi tương ứng</p>

➤ **Marketing (quản trị và người bán)**

- Sơ đồ use case



Hình 3.4 Sơ đồ Use Case quản lý marketing

- Đặc tả chi tiết chức năng Cài đặt flash sale

Bảng 3.10 Đặc tả chi tiết chức năng cài đặt flash sale

Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Cài đặt flash sale
Tác nhân tham gia	Quản trị hệ thống
Mô tả	Config thời gian flash sale cho hệ thống
Điều kiện cần	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống
Kết quả	Config thời gian flash sale thành công
Luồng nghiệp vụ chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập vào hệ thống quản lý 2. Click chọn tab marketing >> chọn cài đặt flash sale 3. Hệ thống chuyển hướng sang trang edit flash sale, Thông tin form có các thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"> - Field bắt đầu: Input type text - Field kết thúc: Input type text <p>Note: Format h:m:s</p> 4. Click chọn button lưu >> hệ thống xử lý lưu dữ liệu và trả về thông báo “Cập nhật flash sale thành công” 5. Kết thúc.
Luồng thay thế	N/A
Ngoại lệ	N/A

- Đặc tả chi tiết chức năng thêm mới – cập nhật - xóa giảm giá

Bảng 3.11 Đặc tả chi tiết chức năng thêm mới- cập nhật – xóa giảm giá

Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Thêm mới - Cập nhật – Xóa giảm giá
Tác nhân tham gia	Người bán, Quản trị hệ thống
Mô tả	Thêm mới – Cập nhật – Xóa giảm giá
Điều kiện cần	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống
Kết quả	Thêm mới – Cập nhật – Xóa giảm giá thành công
Luồng nghiệp vụ chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập vào hệ thống quản lý 2. Click chọn tab marketing <ul style="list-style-type: none"> ➤ Xóa <ol style="list-style-type: none"> 3. Click chọn giảm giá tiền hàng hoặc giảm giá vận chuyển 4. Click chọn button xóa >> hiện thi alert thông báo “Xóa hay không” >> click xóa >> hệ thống thực thi xóa giảm giá khỏi dữ liệu 5. Kết thúc ➤ Thêm mới <ol style="list-style-type: none"> 3. Click chọn công cụ khuyến mãi >> hệ thống chuyển hướng sang trang chọn khuyến mãi 4. Click chọn button tạo khuyến mãi >> hệ thống chuyển hướng sang trang edit

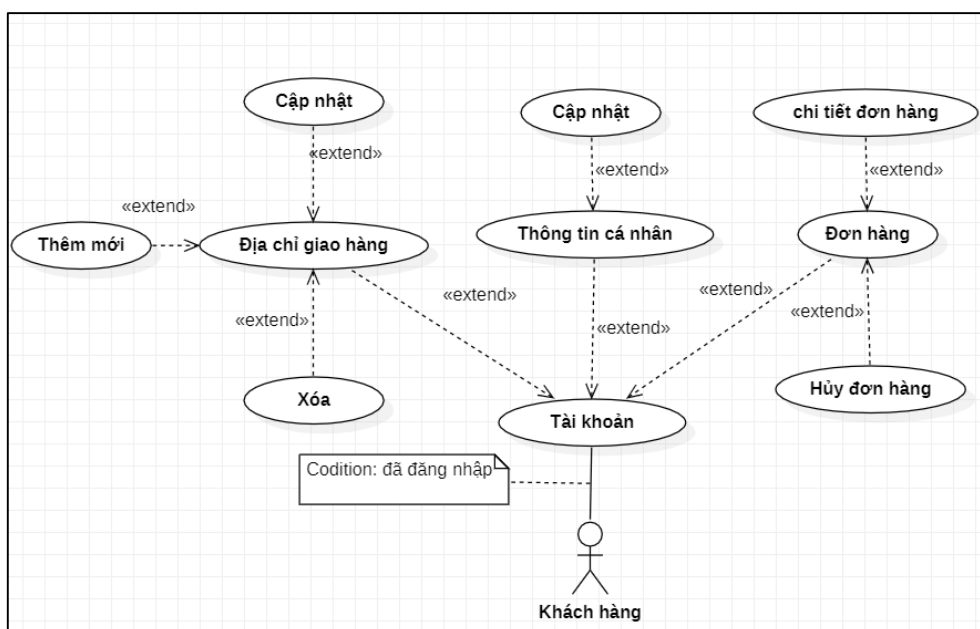
	<p>thông tin khuyến mãi, gồm các thông tin sau: (Form)</p> <ol style="list-style-type: none"> 5. Click button gửi >> hệ thống xử lý và gửi thông báo “Thêm mới mã giảm giá thành công” 6. Kết thúc <p>➤ Cập nhật</p> <ol style="list-style-type: none"> 3. Click chọn giảm giá tiền hàng hoặc giảm giá vận chuyển 4. Click chọn button cập nhật >> hệ thống chuyển hướng sang trang edit thông tin khuyến mãi, gồm các thông tin sau: (Form) 5. Click button gửi >> hệ thống xử lý và gửi thông báo “Cập nhật mã giảm giá thành công” 6. Kết thúc <p>❖ Form:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên khuyến mãi (*) - Code (*) - Ngày bắt đầu (*) - Ngày kết thúc (*) - Hình thức giảm giá (*) <ul style="list-style-type: none"> • Giảm giá cố định (default select) • Giảm giá theo phần trăm - Giá trị đơn hàng đạt tới (*) - Giá trị giảm (*) - Số lượng mã giảm giá (*) - Trạng thái (*)
--	--

	(*) Các trường có dấu sao là trường bắt buộc nhập
Luồng thay thế	N/A
Ngoại lệ	Hệ thống validate dữ liệu từ form input và trả về thông báo lỗi tương ứng

3.2.2. Đặc tả Use Case khách hàng

➤ Thông tin tài khoản

- Sơ đồ use case



Hình 3.5 Sơ đồ Use Case thông tin khách hàng

- Đặc tả chi tiết chức năng Thêm mới – Cập nhật – Xóa địa chỉ giao hàng

Bảng 3.12 Đặc tả chi tiết chức năng thêm mới- cập nhật – xóa địa chỉ giao hàng

Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Thêm mới - Cập nhật – Xóa địa chỉ giao hàng

Tác nhân tham gia	Khách hàng
Mô tả	Thêm mới – Cập nhật – Xóa địa chỉ giao hàng
Điều kiện cần	Khách hàng truy cập vào website và đăng nhập thành công
Kết quả	Thêm mới – Cập nhật – Xóa địa chỉ giao hàng thành công
Luồng nghiệp vụ chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng truy cập vào website 2. Hover vào tên khách hàng trên thanh Nav >> click chọn tài khoản >> hệ thống chuyển hướng sang trang thông tin tài khoản >> click chọn số địa chỉ >> chuyển hướng sang trang danh sách địa chỉ <ul style="list-style-type: none"> ➤ Xóa <ol style="list-style-type: none"> 3. Click chọn icon “X” để xóa >> hệ thống xử lý, xóa dữ liệu và hiển thị thông báo “Xóa địa chỉ thành công” 4. Kết thúc <ul style="list-style-type: none"> ➤ Thêm mới <ol style="list-style-type: none"> 3. Click chọn button thêm mới >> hệ thống chuyển hướng sang trang edit thông tin địa chỉ, gồm các thông tin sau: (Form) 4. Click button lưu >> hệ thống xử lý và gửi thông báo “Thêm mới địa chỉ thành công” 5. Kết thúc

	<p>➤ Cập nhật</p> <p>3. Click chọn icon “edit” >> hệ thống chuyển hướng sang trang edit thông tin địa chỉ, gồm các thông tin sau: (Form)</p> <p>4. Click button lưu>> hệ thống xử lý và gửi thông báo “Cập nhật địa chỉ thành công”</p> <p>5. Kết thúc</p> <p>❖ Form:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên (*) - Số điện thoại (*) - Địa chỉ (*) - Tỉnh/Thành phố (*) - Quận/Huyện (*) - Phường/Xã(*) - Trạng thái <p><i>(*) Các trường có dấu sao là trường bắt buộc nhập</i></p>
<p>Luồng thay thế</p>	<p>➤ Xóa</p> <p>3A. Trường hợp xóa địa chỉ đang có status là mặc định >> hệ thống kiểm tra list địa chỉ (sắp xếp theo id tăng dần) còn lại có lớn hơn 1 hay không, nếu lớn hơn set status mặc định cho địa chỉ đầu tiên trong list</p> <p>➤ Cập nhật – Thêm mới</p> <p>4A. Thêm mới hoặc cập nhật có set status là mặc định >> hệ thống kiểm tra xem có địa chỉ nào đang set trạng thái là mặc</p>

	định và khác địa chỉ hiện tại hay không nếu có thì set giá trị mặc định cho địa chỉ đó bằng false
Ngoại lệ	Hệ thống validate dữ liệu từ form input và trả về thông báo lỗi tương ứng

- Đặc tả chi tiết chức năng Cập nhật thông tin cá nhân

Bảng 3.13 Đặc tả chi tiết chức năng cập nhật thông tin cá nhân

Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Cập nhật thông tin cá nhân
Tác nhân tham gia	Khách hàng
Mô tả	Cập nhật thông tin cá nhân
Điều kiện cần	Khách hàng truy cập vào website và đăng nhập thành công
Kết quả	Cập nhật thông tin cá nhân thành công
Luồng nghiệp vụ chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng truy cập vào website 2. Hover vào tên khách hàng trên thanh Nav >> click chọn tài khoản >> hệ thống chuyển hướng sang trang thông tin tài khoản, hiển thị thông tin khách hàng gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Email (*) - Họ và tên - Số điện thoại - Giới tính

	<p>3. Click button Lưu >> hệ thống xử lý, lưu dữ liệu và hiển thị thông báo “cập nhật thông tin thành công”</p> <p>4. Kết thúc</p> <p><i>(*) Các trường có dấu sao là trường bắt buộc nhập</i></p>
Luồng thay thế	N/A
Ngoại lệ	Hệ thống validate dữ liệu từ form input và trả về thông báo lỗi tương ứng

- Đặc tả chi tiết chức năng đơn hàng

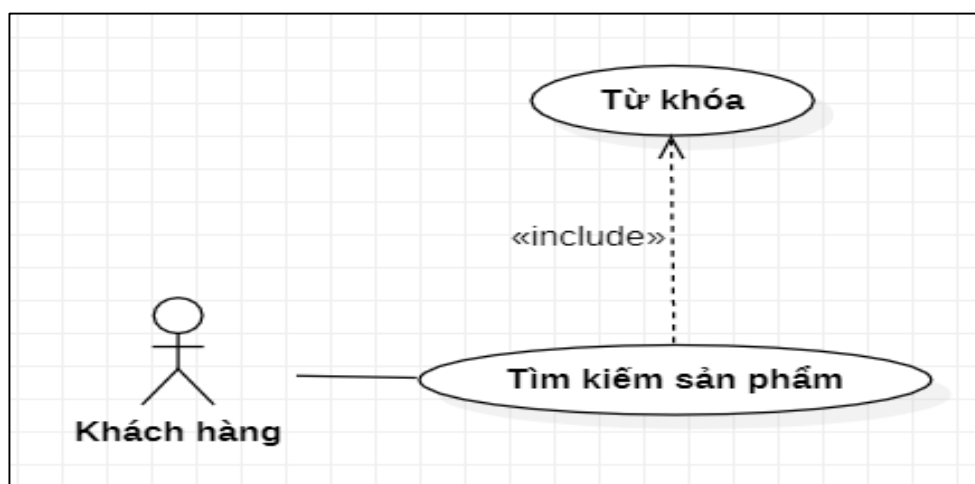
Bảng 3.14 Đặc tả chi tiết chức năng đơn hàng

Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Đơn hàng
Tác nhân tham gia	Khách hàng
Mô tả	Xem chi tiết đơn hàng và hủy đơn hàng
Điều kiện cần	Khách hàng truy cập vào website và đăng nhập thành công
Kết quả	Xem chi tiết đơn hàng và hủy đơn hàng thành công
Luồng nghiệp vụ chính	<p>1. Khách hàng truy cập vào website</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hover vào tên khách hàng trên thanh Nav >> click chọn tài khoản >> click chọn đơn hàng >> hệ thống chuyển hướng sang trang danh sách đơn hàng

	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Xem đơn hàng <ol style="list-style-type: none"> 2. Click chọn mã đơn hàng >> hệ thống chuyển hướng sang trang chi tiết đơn hàng 3. Kết thúc ➤ Hủy đơn hàng (button chỉ hiển thị khi trạng thái đơn hàng là đang đợi duyệt (pending), tình trạng chưa thanh toán và thời gian đặt nhỏ hơn 10 phút) <ol style="list-style-type: none"> 2. Click chọn button hủy >> hệ thống xử lý và hủy đơn hàng >> gửi thông báo về mail khách hàng 3. Kết thúc.
Luồng thay thế	N/A
Ngoại lệ	N/A

➤ **Tìm kiếm sản phẩm**

- Sơ đồ use case



Hình 3.6 Sơ đồ Use Case tìm kiếm sản phẩm

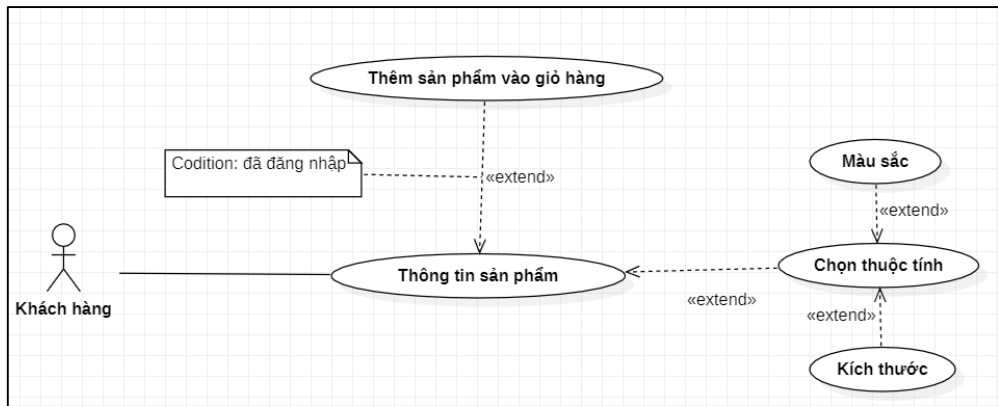
- Đặc tả chi tiết chức năng Tìm kiếm sản phẩm

Bảng 3.15 Đặc tả chi tiết chức năng tìm kiếm sản phẩm

Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Tìm kiếm sản phẩm
Tác nhân tham gia	Khách hàng
Mô tả	Tìm kiếm sản phẩm theo từ khóa
Điều kiện cần	Khách hàng truy cập vào website
Kết quả	Tìm kiếm sản phẩm theo từ khóa thành công
Luồng nghiệp vụ chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng truy cập vào website 2. Click chọn icon “Search” trên thanh Nav >> hiển thị popup điền từ khóa tìm kiếm 3. Điền thông tin >> click icon “search” >> hệ thống xử lý >> trả kết quả về trang tìm kiếm 4. Kết thúc
Luồng thay thế	3A. Trường hợp không có kết quả hiển thị text “Không tìm thấy sản phẩm phù hợp”
Ngoại lệ	N/A

➤ **Thông tin sản phẩm và thêm giỏ hàng**

- Sơ đồ use case



Hình 3.7 Sơ đồ Use Case thông tin sản phẩm và thêm giỏ hàng

- Đặc tả chi tiết chức năng Thông tin sản phẩm và thêm giỏ hàng

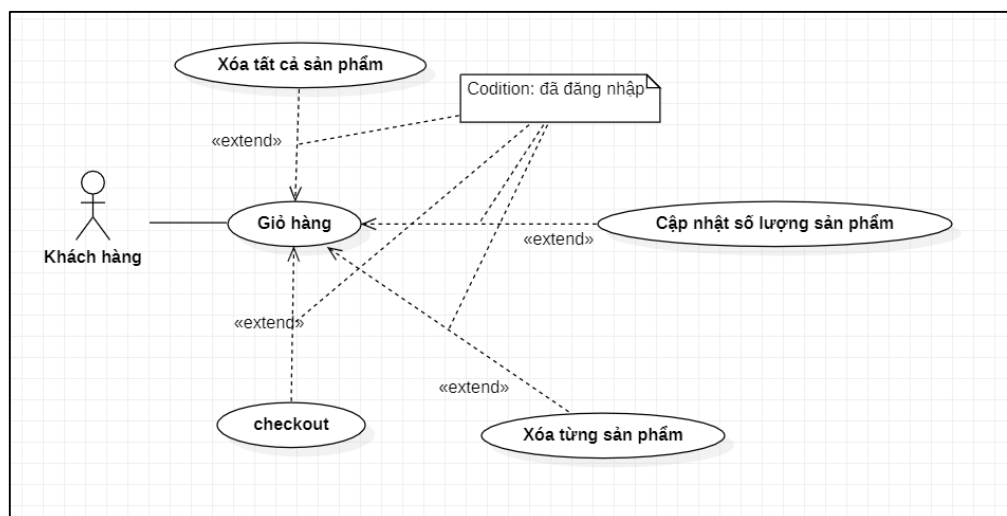
Bảng 3.16 Đặc tả chi tiết chức năng thông tin sản phẩm và thêm giỏ hàng

Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Thông tin sản phẩm và thêm giỏ hàng
Tác nhân tham gia	Khách hàng
Mô tả	Xem thông tin sản phẩm, lựa chọn các thuộc tính, thêm vào giỏ hàng
Điều kiện cần	Khách hàng truy cập vào website
Kết quả	Xem thông tin sản phẩm, lựa chọn thuộc tính và thêm giỏ hàng thành công
Luồng nghiệp vụ chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng truy cập vào website 2. Click chọn sản phẩm >> hệ thống chuyển hướng sang trang chi tiết sản phẩm 3. Thêm sản phẩm vào giỏ hàng (khi đã đăng nhập) 4. Kết thúc

Luồng thay thế	<p>2A. Hiện thị các sản phẩm và thuộc tính còn hàng. Sản phẩm có các thuộc tính tương ứng như size, color, khi chọn hệ thống sẽ render giá tương ứng với thuộc tính đã chọn. Trong trường hợp sản phẩm đang sale thì hiển thị giá sale, trường hợp đang trong chương trình flash sale thì hiển thị giá flash sale và thời gian kết thúc chương trình</p> <p>3A. Nếu khách hàng chưa đăng nhập, khi click add to cart sẽ hiển thị popup đăng nhập</p>
Ngoại lệ	N/A

➤ **Giỏ hàng**

- Sơ đồ use case



Hình 3.8 Sơ đồ Use Case giỏ hàng

- Đặc tả chi tiết chức năng của giỏ hàng

Bảng 3.17 Đặc tả chi tiết chức năng giỏ hàng

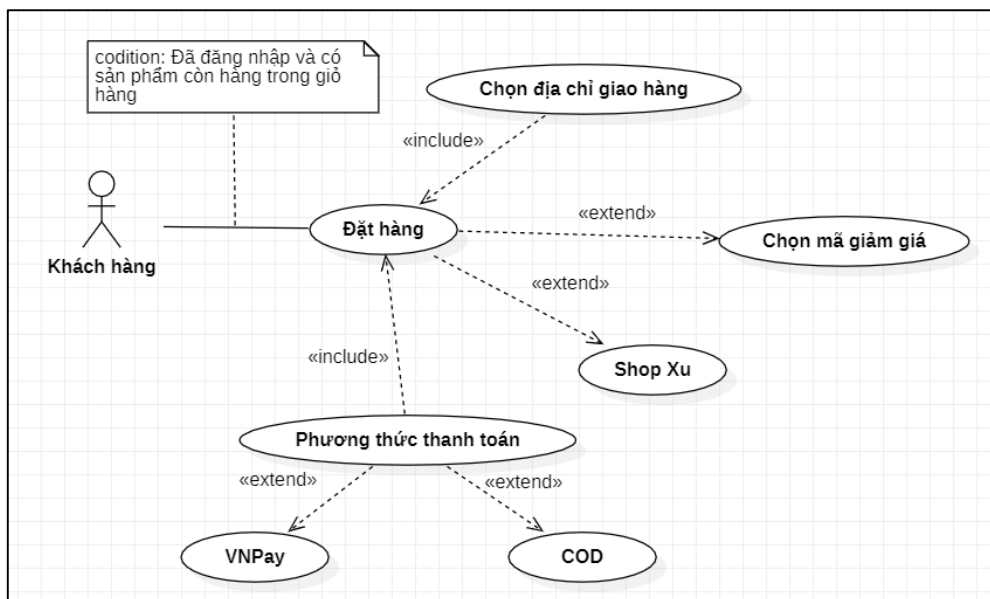
Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Giỏ hàng

Tác nhân tham gia	Khách hàng
Mô tả	Thực hiện các chức năng trên giỏ hàng
Điều kiện cần	Khách hàng truy cập vào website
Kết quả	Thực hiện các chức năng trên giỏ hàng thành công
Luồng nghiệp vụ chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng truy cập vào website 2. Click chọn icon “cart” hoặc hover vào Tên khách hàng click chọn giỏ hàng trên thanh Nav >> hệ thống chuyển hướng sang trang giỏ hàng 3. Click button xóa tất cả >> hệ thống xử lý, xóa tất cả sản phẩm khỏi giỏ hàng 4. Click icon “x” >> hệ thống xóa sản phẩm đã chọn khỏi giỏ hàng 5. Click button tăng giảm số lượng đối với từng sản phẩm >> click button cập nhật giỏ hàng >> hệ thống xử lý lưu số lượng sản phẩm vào giỏ hàng 6. Click button thanh toán >> hệ thống chuyển hướng sang trang checkout 7. Kết thúc
Luồng thay thế	<p>2A. Nếu không tồn tại sản phẩm trong giỏ hàng thì hiển thị “Không có sản phẩm trong giỏ hàng”</p> <p>2B. Trường hợp sản phẩm hết hàng sẽ bị disable và hiển thị text “Hết hàng”</p>

	5A. Khi cập nhật, nếu số lượng sản phẩm không đủ thì sẽ không cập nhật sản phẩm đó
Ngoại lệ	N/A

➤ **Đặt hàng**

- Sơ đồ use case



Hình 3.9 Sơ đồ Use Case đặt hàng

- Đặc tả chi tiết chức năng của đặt hàng

Bảng 3.18 Đặc tả chi tiết chức năng đặt hàng

Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Đặt hàng
Tác nhân tham gia	Khách hàng
Mô tả	Thực hiện chức năng đặt hàng
Điều kiện cần	<ul style="list-style-type: none"> - Khách hàng truy cập vào website - Đã đăng nhập - Có sản phẩm còn hàng trong giỏ hàng

Kết quả	Đặt hàng thành công
Luồng nghiệp vụ chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng truy cập vào website 2. Chuyển sang trang thanh toán 3. Chọn thông tin địa chỉ giao hàng 4. Chọn mã giảm giá (nếu có) 5. Click chọn áp dụng shop xu cho đơn hàng (nếu có) 6. Chọn phương thức thanh toán <ul style="list-style-type: none"> - COD: mặc định - VNPay 7. Click button đặt hàng >> hệ thống xử lý gửi mail thông báo đến khách hàng và người bán >> lưu thông tin đơn hàng 8. Kết thúc
Luồng thay thế	<p>❖ Nếu các sản phẩm trong giỏ hàng không cùng shop thì hệ thống tự động tách đơn và hiển thị thông chi tiết của từng đơn hàng</p> <p>3A. Nếu khách hàng chưa có thông tin địa chỉ giao hàng sẽ hiện button “Thêm địa chỉ mới”, nếu đã có sẽ hiện button “Thay đổi”</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khi click vào thêm mới >> hiển thị popup và chuyển sang tab edit thông tin giao hàng, nội dung Form thông tin giao hàng giống như Form thông tin địa chỉ giao hàng trong My Account >> Click button Hoàn thành >> hệ thống xử lý, lưu thông tin vận chuyển và tính phí vận chuyển cho

	<p>đơn hàng >> đóng popup >> hiển thị thông tin địa chỉ và phí giao hiện trên giao diện chi tiết đơn hàng</p> <p>2. Khi click thay đổi sẽ hiển thị popup tương tự như trên những chuyển sang tab “địa chỉ giao hàng của tôi”, ở đây hiển thị list địa chỉ giao hàng và button thêm mới địa chỉ trên body popup. Khách hàng chọn thêm mới địa chỉ chuyển qua tab “edit địa chỉ” >> nhập thông tin >> click button “hoàn thành” >> hệ thống kiểm tra địa chỉ đã tồn tại trong danh sách hay chưa nếu chưa thì lưu dữ liệu và chuyển sang tab “địa chỉ giao hàng của tôi” nếu có hiển thị thông báo “đã tồn tại”. Khách hàng chọn địa chỉ tương ứng trên tab “địa chỉ giao hàng của tôi” >> click button “Xác nhận” >> hệ thống xử lý, thay đổi thông tin địa chỉ giao hàng hiện tại và tính phí vận chuyển trên địa chỉ mới.</p> <p>3. Kết thúc</p> <p>4A. Khi click button “chọn hoặc nhập mã” >> hiển thị popup Chọn voucher (list voucher tương ứng với shop của đơn hàng). Các voucher không đủ điều kiện áp dụng sẽ bị disable. Khách hàng có thể nhập mã voucher để áp dụng cho đơn hàng</p>
--	--

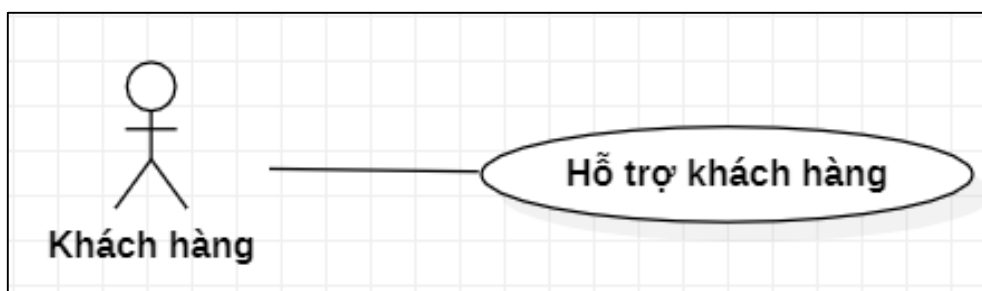
	5A. Khi chọn phương thức thanh toán là VNPay, khi tiến hành đặt hàng >> hệ thống sẽ chuyển hướng sang trang thanh toán của Vnpay, khách hàng thanh toán >> chuyển hướng sang trang cảm ơn, nếu thanh toán thành công hiển thị thông báo “Thanh toán Vnpay thành công” ngược lại hiển thị thông báo “Thanh toán VNPay không thành công! Đã chuyển phương thức thanh toán khi nhận hàng”
Ngoại lệ	N/A

Bảng 3.19 Phí ship cho các khoảng cách giao hàng

Khoảng cách (km)	Phí ship (đ)
distance \geq 2000	47000
1500 \leq distance $<$ 2000	42000
1000 \leq distance $<$ 1500	37000
500 \leq distance $<$ 1000	32000
250 \leq distance $<$ 500	27000
150 \leq distance $<$ 250	21000
50 \leq distance $<$ 150	17000
distance $<$ 50	10000

➤ **Hỗ trợ khách hàng**

- Sơ đồ use case



Hình 3.10 Sơ đồ Use Case hỗ trợ khách hàng

- Đặc tả chi tiết chức năng hỗ trợ khách hàng

Bảng 3.20 Đặc tả chi tiết chức năng hỗ trợ khách hàng

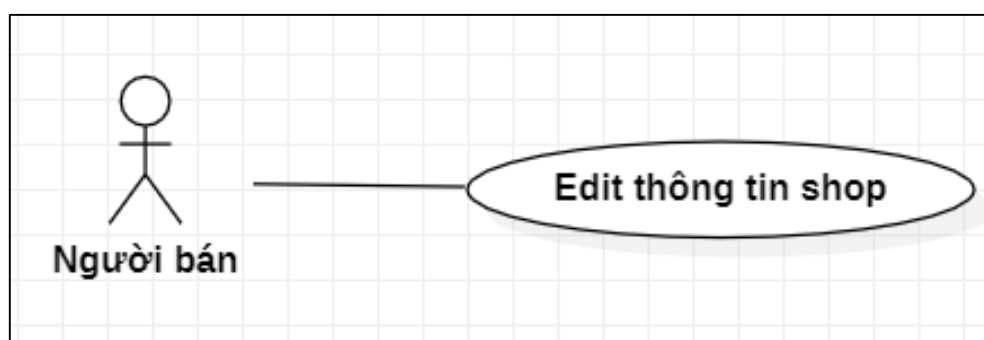
Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Hỗ trợ khách hàng
Tác nhân tham gia	Khách hàng
Mô tả	Gửi nội dung yêu cầu hỗ trợ cho quản trị hệ thống
Điều kiện cần	- Khách hàng truy cập vào website
Kết quả	Gửi yêu cầu hỗ trợ thành công
Luồng nghiệp vụ chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khách hàng truy cập vào website 2. Click vào “hỗ trợ khách hàng” dưới footer 3. Hệ thống chuyển hướng sang trang điền thông tin, nội dung gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Email (*) - Số điện thoại (*) - Nội dung phản hồi (*)

	<p>4. Click button “Gửi” >> hệ thống xử lý, lưu dữ liệu và chuyển hướng sang trang gửi yêu cầu thành công</p> <p>5. Kết thúc</p>
Luồng thay thế	N/A
Ngoại lệ	Hệ thống xử lý validate form input và hiển thị thông báo lỗi tương ứng

3.2.3. Đặc tả Use Case Người bán

➤ Edit thông tin shop

- Sơ đồ use case



Hình 3.11 Sơ đồ Use Case edit thông tin shop

- Đặc tả chi tiết chức năng Edit thông tin shop

Bảng 3.21 Đặc tả chi tiết chức năng edit thông tin shop

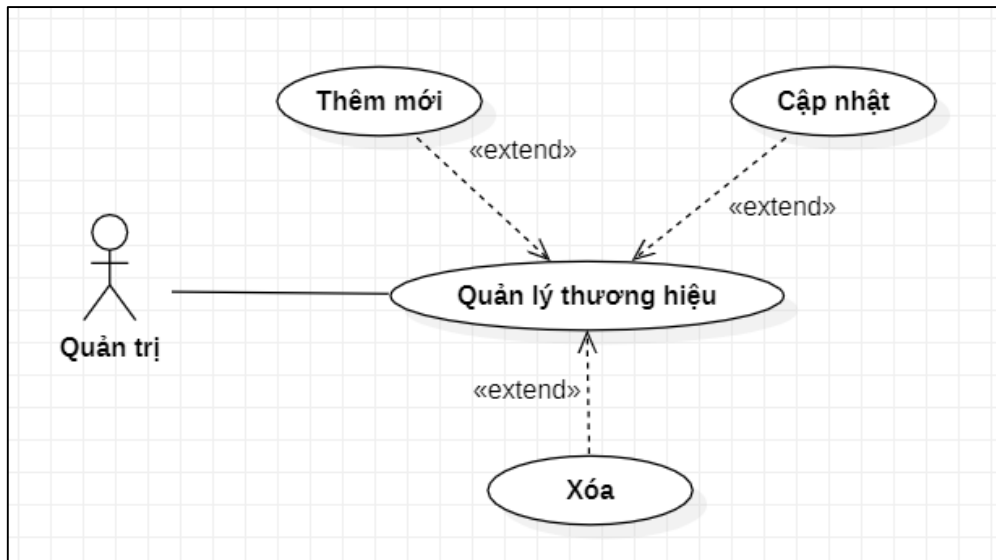
Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Edit thông tin shop
Tác nhân tham gia	Người bán
Mô tả	Edit thông tin shop
Điều kiện cần	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống

Kết quả	Edit thông tin thành công
Luồng nghiệp vụ chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập vào hệ thống quản lý 2. Click chọn tab shop >> chọn thông tin shop >> hệ thống chuyển hướng sang trang edit thông tin gồm các field sau <ul style="list-style-type: none"> - Image <ul style="list-style-type: none"> • Button: Tải ảnh lên, click để upload hình ảnh • Button: Reset, click để xóa hình ảnh - Tên shop (*) - Địa chỉ (*) - Tỉnh/Thành phố (*) - Quận/Huyện (*) - Phường/Xã (*) 3. Click button gửi hệ thống xử lý yêu cầu, lưu dữ liệu và hiện thị thông báo “Cập nhật thành công” <p><i>(*) Các trường có dấu sao là trường bắt buộc nhập</i></p>
Luồng thay thế	N/A
Ngoại lệ	Hệ thống xử lý validate form input và hiện thị thông báo lỗi tương ứng

3.2.4. Đặc tả Use Case Quản trị

➤ Quản lý thương hiệu

- Sơ đồ use case



Hình 3.12 Sơ đồ Use Case quản lý thương hiệu

- Đặc tả chi tiết chức năng Thêm – Cập nhật – Xóa thương hiệu

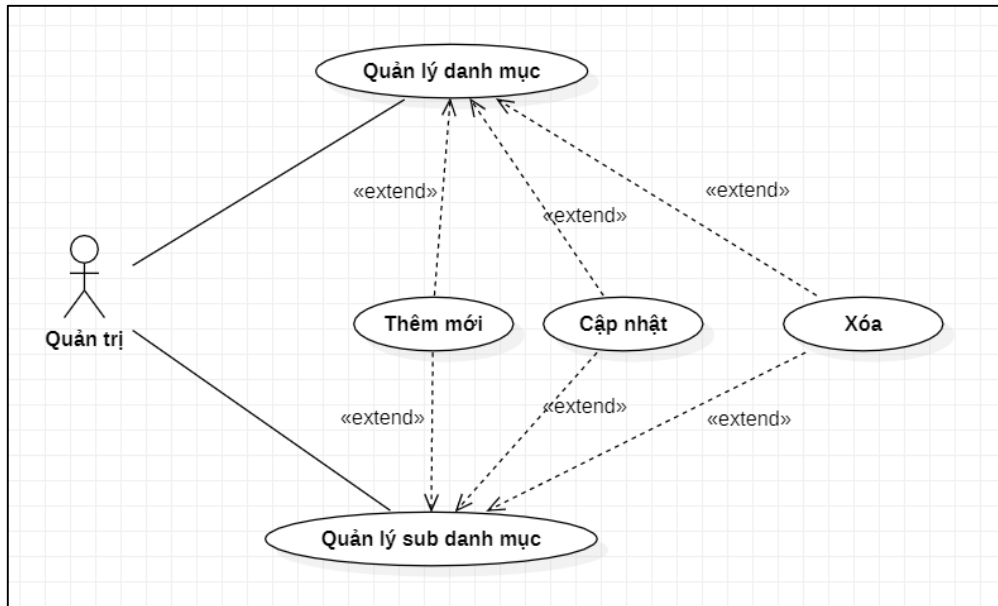
Bảng 3.22 Đặc tả chi tiết chức năng thêm –cập nhật – xóa thương hiệu

Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Thêm – Cập nhật – Xóa thương hiệu
Tác nhân tham gia	Quản trị
Mô tả	Thêm – Cập nhật – Xóa thương hiệu
Điều kiện cần	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống
Kết quả	Thêm – Cập nhật – Xóa thương hiệu thành công
Luồng nghiệp vụ chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập vào hệ thống quản lý <ul style="list-style-type: none"> ➤ Xóa 2. Click chọn quản lý thương hiệu >> hệ thống chuyển hướng sang trang danh sách thương hiệu

	<p>3. Click chọn button Xóa >> hiển thị alert “Xóa hay không” >> Click Ok >> hệ thống xử lý, xóa dữ liệu và hiển thị thông báo “Xóa thành công”</p> <p>4. Kết thúc</p> <p>➤ Cập nhật</p> <p>2. Click chọn quản lý thương hiệu >> hệ thống chuyển hướng sang trang danh sách thương hiệu >> Click button Cập nhật >> hệ thống chuyển hướng sang trang edit thương hiệu</p> <p>➤ Thêm mới</p> <p>2. Click chọn thêm mới thương hiệu >> hệ thống chuyển hướng sang trang edit thương hiệu</p> <p>3. Form edit gồm các thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên thương hiệu (*) - Slug (*) - Trạng thái <p>4. Click button gửi >> hệ thống xử lý, lưu dữ liệu và hiển thị thông báo “Thêm mới/Cập nhật thành công”</p> <p>5. Kết thúc</p> <p><i>(*) Các trường có dấu sao là trường bắt buộc nhập</i></p>
Luồng thay thế	N/A
Ngoại lệ	Hệ thống xử lý validate form input và hiển thị thông báo lỗi tương ứng

➤ **Quản lý danh mục – sub danh mục**

- Sơ đồ use case



Hình 3.13 Sơ đồ Use Case quản lý danh mục và sub danh mục

- Đặc tả chi tiết chức năng Thêm – Cập nhật – Xóa danh mục

Bảng 3.23 Đặc tả chi tiết chức năng thêm –cập nhật – xóa danh mục

Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Thêm – Cập nhật – Xóa danh mục
Tác nhân tham gia	Quản trị
Mô tả	Thêm – Cập nhật – Xóa danh mục
Điều kiện cần	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống
Kết quả	Thêm – Cập nhật – Xóa danh mục thành công
Luồng nghiệp vụ chính	1. Người dùng truy cập vào hệ thống quản lý ➤ Xóa

	<p>2. Click chọn quản lý danh mục >> hệ thống chuyển hướng sang trang danh sách danh mục</p> <p>3. Click chọn button Xóa >> hiển thị alert “Xóa hay không” >> Click Ok >> hệ thống xử lý, xóa dữ liệu và hiển thị thông báo “Xóa thành công”</p> <p>4. Kết thúc</p> <p>➤ Cập nhật</p> <p>2. Click chọn quản lý danh mục >> hệ thống chuyển hướng sang trang danh sách danh mục >> Click button Cập nhật >> hệ thống chuyển hướng sang trang edit danh mục</p> <p>➤ Thêm mới</p> <p>2. Click chọn thêm mới danh mục >> hệ thống chuyển hướng sang trang edit danh mục</p> <p>3. Form edit gồm các thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên (*) - Slug (*) - Sub danh mục (*): type multi select - Trạng thái <p>4. Click button gửi >> hệ thống xử lý, lưu dữ liệu và hiển thị thông báo “Thêm mới/Cập nhật thành công”</p> <p>5. Kết thúc</p> <p><i>(*) Các trường có dấu sao là trường bắt buộc nhập</i></p>
Luồng thay thế	N/A

Ngoại lệ	Hệ thống xử lý validate form input và hiển thị thông báo lỗi tương ứng
-----------------	--

- Đặc tả chi tiết chức năng Thêm – Cập nhật – Xóa sub danh mục

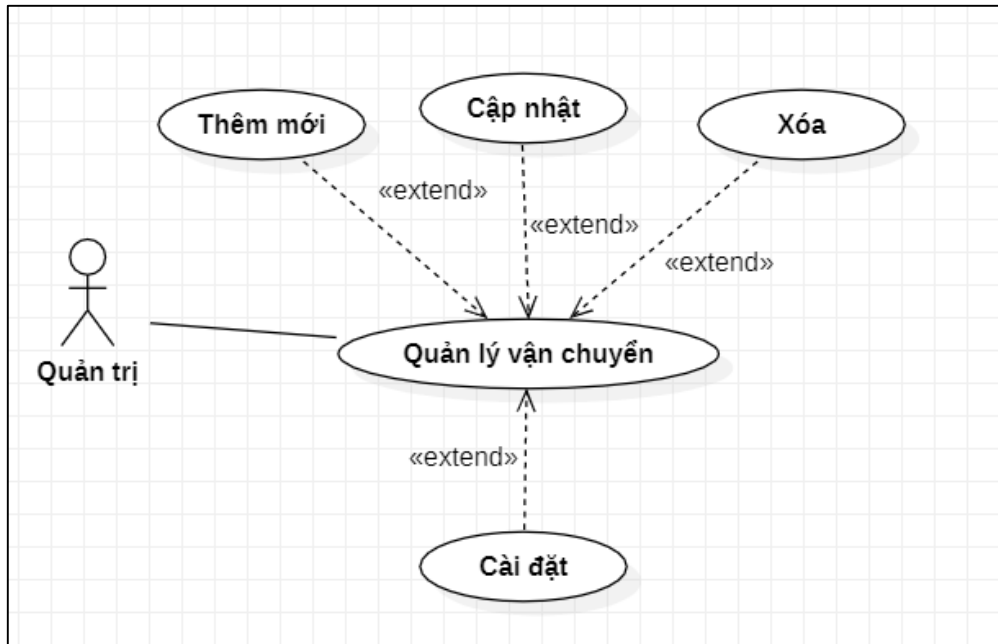
Bảng 3.24 Đặc tả chi tiết chức năng thêm –cập nhật – xóa sub danh mục

Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Thêm – Cập nhật – Xóa sub danh mục
Tác nhân tham gia	Quản trị
Mô tả	Thêm – Cập nhật – Xóa sub danh mục
Điều kiện cần	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống
Kết quả	Thêm – Cập nhật – Xóa sub danh mục thành công
Luồng nghiệp vụ chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập vào hệ thống quản lý <ul style="list-style-type: none"> ➤ Xóa <ol style="list-style-type: none"> 2. Click chọn quản lý sub danh mục >> hệ thống chuyển hướng sang trang danh sách sub danh mục 3. Click chọn button Xóa >> hiển thị alert “Xóa hay không” >> Click Ok >> hệ thống xử lý, xóa dữ liệu và hiển thị thông báo “Xóa thành công” 4. Kết thúc ➤ Cập nhật <ol style="list-style-type: none"> 2. Click chọn quản lý sub danh mục >> hệ thống chuyển hướng sang trang danh sách sub danh mục >> Click

	<p>button Cập nhật >> hệ thống chuyển hướng sang trang edit sub danh mục</p> <p>➤ Thêm mới</p> <p>2. Click chọn thêm mới sub danh mục >> hệ thống chuyển hướng sang trang edit sub danh mục</p> <p>3. Form edit gồm các thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên (*) - Slug (*) - Trạng thái <p>4. Click button gửi >> hệ thống xử lý, lưu dữ liệu và hiển thị thông báo “Thêm mới/Cập nhật thành công”</p> <p>5. Kết thúc</p> <p><i>(*) Các trường có dấu sao là trường bắt buộc nhập</i></p>
Luồng thay thế	N/A
Ngoại lệ	Hệ thống xử lý validate form input và hiển thị thông báo lỗi tương ứng

➤ **Quản lý vận chuyển**

- Sơ đồ use case



Hình 3.14 Sơ đồ Use Case quản lý vận chuyển

- Đặc tả chi tiết chức năng Thêm – Cập nhật – Xóa vận chuyển

Bảng 3.25 Đặc tả chi tiết chức năng thêm –cập nhật – xóa vận chuyển

Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Thêm – Cập nhật – Xóa vận chuyển
Tác nhân tham gia	Quản trị
Mô tả	Thêm – Cập nhật – Xóa vận chuyển
Điều kiện cần	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống
Kết quả	Thêm – Cập nhật – Xóa vận chuyển thành công
Luồng nghiệp vụ chính	1. Người dùng truy cập vào hệ thống quản lý ➤ Xóa

	<ol style="list-style-type: none"> 2. Click chọn quản lý vận chuyển >> hệ thống chuyển hướng sang trang danh sách vận chuyển 3. Click chọn button Xóa >> hiển thị alert “Xóa hay không” >> Click Ok >> hệ thống xử lý, xóa dữ liệu và hiển thị thông báo “Xóa thành công” 4. Kết thúc <p>➤ Cập nhật</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Click chọn quản lý vận chuyển >> hệ thống chuyển hướng sang trang danh sách vận chuyển >> Click button Cập nhật >> hệ thống chuyển hướng sang trang edit vận chuyển <p>➤ Thêm mới</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Click chọn thêm mới vận chuyển >> hệ thống chuyển hướng sang trang edit vận chuyển 3. Form edit gồm các thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh - Họ và Tên (*) - Số điện thoại (*) - Email - CCCD/CMND (*) - Địa chỉ (*) - Tỉnh/Thành phố (*) - Quận/Huyện (*) - Phường/Xã (*) - Slug (*) - Sub danh mục (*): type multi select - Trạng thái
--	---

	<p>4. Click button gửi >> hệ thống xử lý, lưu dữ liệu và hiển thị thông báo “Thêm mới/Cập nhật thành công”</p> <p>5. Kết thúc</p> <p><i>(*) Các trường có dấu sao là trường bắt buộc nhập</i></p>
Luồng thay thế	N/A
Ngoại lệ	Hệ thống xử lý validate form input và hiển thị thông báo lỗi tương ứng

- Đặc tả chi tiết chức năng cài đặt vận chuyển

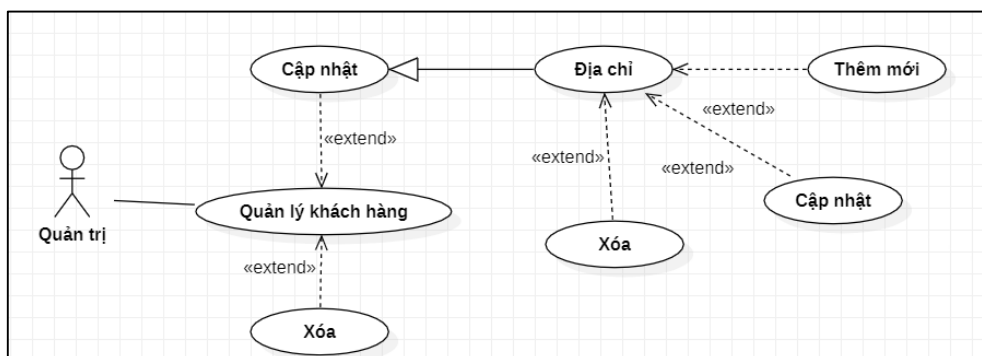
Bảng 3.26 Đặc tả chi tiết chức năng cài đặt vận chuyển

Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Cài đặt vận chuyển
Tác nhân tham gia	Quản trị
Mô tả	Cài đặt phương thức tính khoảng cách cho vận chuyển
Điều kiện cần	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống
Kết quả	Cài đặt vận chuyển thành công
Luồng nghiệp vụ chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập vào hệ thống quản lý 2. Chọn tab vận chuyển >> chọn cài đặt >> hệ thống chuyển hướng sang trang cài đặt vận chuyển, gồm các thông tin: <ul style="list-style-type: none"> - Phương thức tính khoảng cách (*) <ul style="list-style-type: none"> • Goong Distance Matrix

	<ul style="list-style-type: none"> • Haversine Formula (tạm thời không dùng đến) - Goong key <p>3. Click button gửi >> hệ thống xử lý >> lưu dữ liệu và hiển thị thông báo “Cập nhật thành công”</p> <p>4. Kết thúc</p> <p>(*) Các trường có dấu sao là trường bắt buộc nhập</p>
Luồng thay thế	N/A
Ngoại lệ	Hệ thống xử lý validate form input và hiển thị thông báo lỗi tương ứng

➤ **Quản lý khách hàng**

- Sơ đồ use case



Hình 3.15 Sơ đồ Use Case quản lý khách hàng

- Đặc tả chi tiết chức năng Cập nhật – Xóa khách hàng

Bảng 3.27 Đặc tả chi tiết chức năng cập nhật – xóa khách hàng

Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Cập nhật – Xóa khách hàng

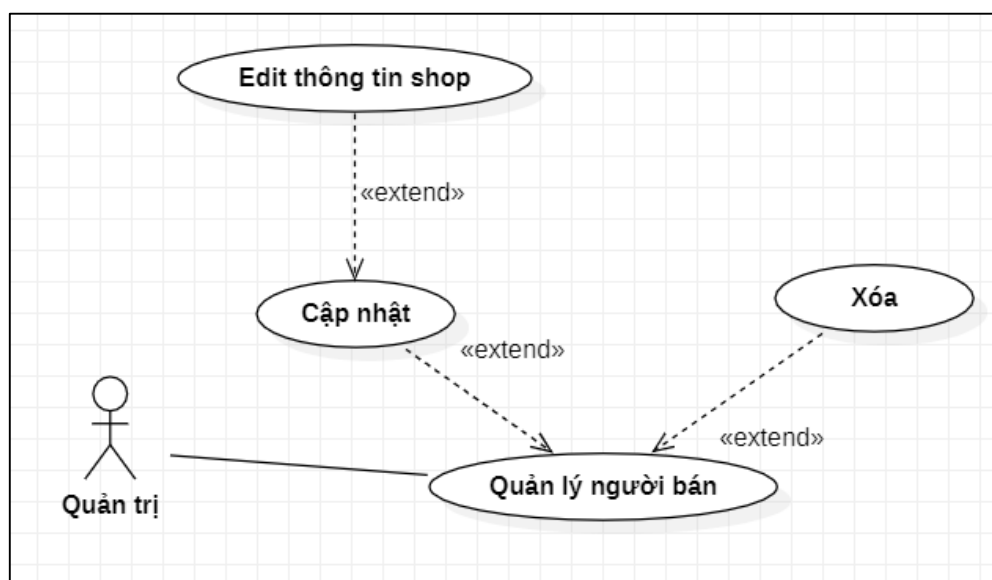
Tác nhân tham gia	Quản trị
Mô tả	Cập nhật – Xóa khách hàng
Điều kiện cần	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống
Kết quả	Cập nhật – Xóa khách hàng thành công
Luồng nghiệp vụ chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập vào hệ thống quản lý 2. Click chọn quản lý khách hàng >> hệ thống chuyển hướng sang trang danh sách khách hàng <ul style="list-style-type: none"> ➤ Xóa <ol style="list-style-type: none"> 3. Click chọn button Xóa >> hiển thị alert “Xóa hay không” >> Click Ok >> hệ thống xử lý, xóa dữ liệu và hiển thị thông báo “Xóa thành công” 4. Kết thúc ➤ Cập nhật <ol style="list-style-type: none"> 3. Click button Cập nhật >> hệ thống chuyển hướng sang trang edit khách hàng, gồm các thông tin: <ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên (*) - Số điện thoại - Email (*) - Giới tính - Xu - Trạng thái - Table danh sách địa chỉ

	<p>4. Click button lưu >> hệ thống xử lý, lưu dữ liệu và hiển thị thông báo lưu thành công</p> <p>5. Kết thúc</p> <p><i>(*) Các trường có dấu sao là trường bắt buộc nhập</i></p>
<p>Luồng thay thế</p>	<p>➤ Table danh sách địa chỉ (có các chức năng: thêm mới – cập nhật - xóa)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Xóa <ol style="list-style-type: none"> 1. Click chọn xóa >> hiển thị alert “Xóa hay không” >> click Ok >> hệ thống xử lý, xóa dữ liệu và hiển thị thông báo “Xóa thành công” 2. Kết thúc • Cập nhật <ol style="list-style-type: none"> 1. Click chọn button cập nhật • Thêm mới <ol style="list-style-type: none"> 1. Click chọn button thêm mới 2. Hiển thị popup, gồm các thông tin: <ul style="list-style-type: none"> - Header: Hiển thị title Địa chỉ mới - Body <ul style="list-style-type: none"> ○ Họ và tên (*) ○ Số điện thoại (*) ○ Tỉnh/Thành phố (*) ○ Quận/huyện (*) ○ Phường/Xã (*) ○ Địa chỉ cụ thể (*) ○ Trạng thái - Footer <ul style="list-style-type: none"> ○ Button trở lại, click đóng popup

	<ul style="list-style-type: none"> ○ Button lưu, click lưu dữ liệu <p>3. Click button lưu >> hệ thống xử lý, lưu dữ liệu và hiển thị thông báo “Thêm mới/Cập nhật thành công”</p> <p>4. Kết thúc</p>
Ngoại lệ	Hệ thống xử lý validate form input và hiển thị thông báo lỗi tương ứng

➤ **Quản lý người bán**

- Sơ đồ use case



Hình 3.16 Sơ đồ Use Case quản lý người bán

- Đặc tả chi tiết chức năng Cập nhật – Xóa người bán

Bảng 3.28 Đặc tả chi tiết chức năng cập nhật – xóa người bán

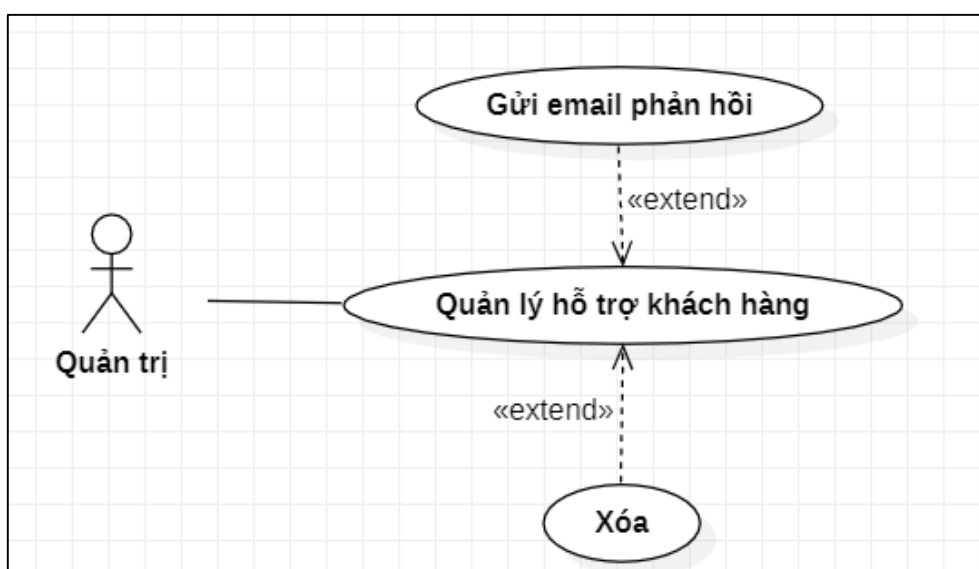
Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Cập nhật – Xóa người bán
Tác nhân tham gia	Quản trị
Mô tả	Cập nhật – Xóa người bán

Điều kiện cần	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống
Kết quả	Cập nhật – Xóa người bán thành công
Luồng nghiệp vụ chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập vào hệ thống quản lý 2. Click chọn quản lý người bán >> hệ thống chuyển hướng sang trang danh sách người bán <p>➤ Xóa</p> <ol style="list-style-type: none"> 3. Click chọn button Xóa >> hiển thị alert “Xóa hay không” >> Click Ok >> hệ thống xử lý, xóa dữ liệu và hiển thị thông báo “Xóa thành công” 4. Kết thúc <p>➤ Cập nhật</p> <ol style="list-style-type: none"> 3. Click button Cập nhật >> hệ thống chuyển hướng sang trang edit người bán, gồm các thông tin: <ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên (*) - Số điện thoại - Email (*) - Trạng thái 4. Click button lưu >> hệ thống xử lý, lưu dữ liệu và hiển thị thông báo lưu thành công 5. Kết thúc <p><i>(*) Các trường có dấu sao là trường bắt buộc nhập</i></p>
Luồng thay thế	➤ Chức năng thông tin shop khi edit

	- Click button thông tin shop >> hệ thống chuyển hướng sang trang edit thông tin shop (use case tương tự edit thông tin shop)
Ngoại lệ	Hệ thống xử lý validate form input và hiển thị thông báo lỗi tương ứng

➤ **Quản lý hỗ trợ khách hàng**

- Sơ đồ use case



Hình 3.17 Sơ đồ Use Case quản lý hỗ trợ khách hàng

- Đặc tả chi tiết chức năng quản lý hỗ trợ khách hàng

Bảng 3.29 Đặc tả chi tiết chức năng hỗ trợ khách hàng

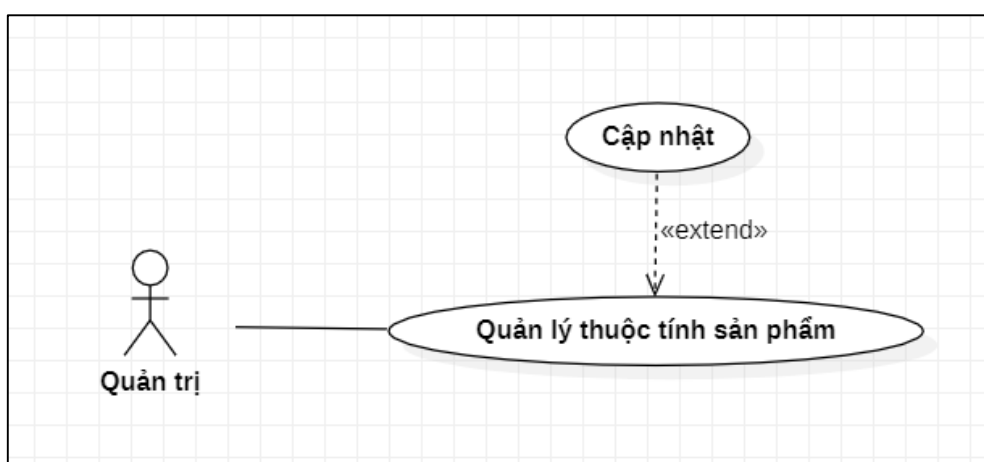
Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Quản lý hỗ trợ khách hàng
Tác nhân tham gia	Quản trị
Mô tả	Gửi mail phản hồi hoặc xóa yêu cầu hỗ trợ
Điều kiện cần	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống

Kết quả	Gửi mail phản hồi hoặc xóa yêu cầu hỗ trợ thành công
Luồng nghiệp vụ chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập vào hệ thống quản lý 2. Chọn tab khách hàng >> click chọn hỗ trợ >> hệ thống chuyển hướng sang trang danh yêu cầu hỗ trợ <ul style="list-style-type: none"> ➤ Xóa <ol style="list-style-type: none"> 3. Click chọn button Xóa >> hiển thị alert “Xóa hay không” >> Click Ok >> hệ thống xử lý, xóa dữ liệu và hiển thị thông báo “Xóa thành công” 4. Kết thúc ➤ Gửi mail phản hồi <ol style="list-style-type: none"> 3. Click button gửi mail >> hiển thị popup, gồm các thông tin: <ul style="list-style-type: none"> - Header: Hiển thị title “Gửi email” - Body: <ul style="list-style-type: none"> • Text: Hiển thị email cần gửi • Nội dung phản hồi (type textarea) - Footer: <ul style="list-style-type: none"> • Button Trở lại: click đóng popup • Button Gửi: click gửi mail phản hồi tới khách hàng 4. Click button Gửi>> hệ thống xử lý, lưu dữ liệu, gửi mail phản hồi tới khách hàng và hiển thị thông báo “gửi mail thành công”

	5. Kết thúc <i>(*) Các trường có dấu sao là trường bắt buộc nhập</i>
Luồng thay thế	N/A
Ngoại lệ	N/A

➤ **Quản lý thuộc tính sản phẩm**

- Sơ đồ use case



Hình 3.18 Sơ đồ Use Case quản lý thuộc tính sản phẩm

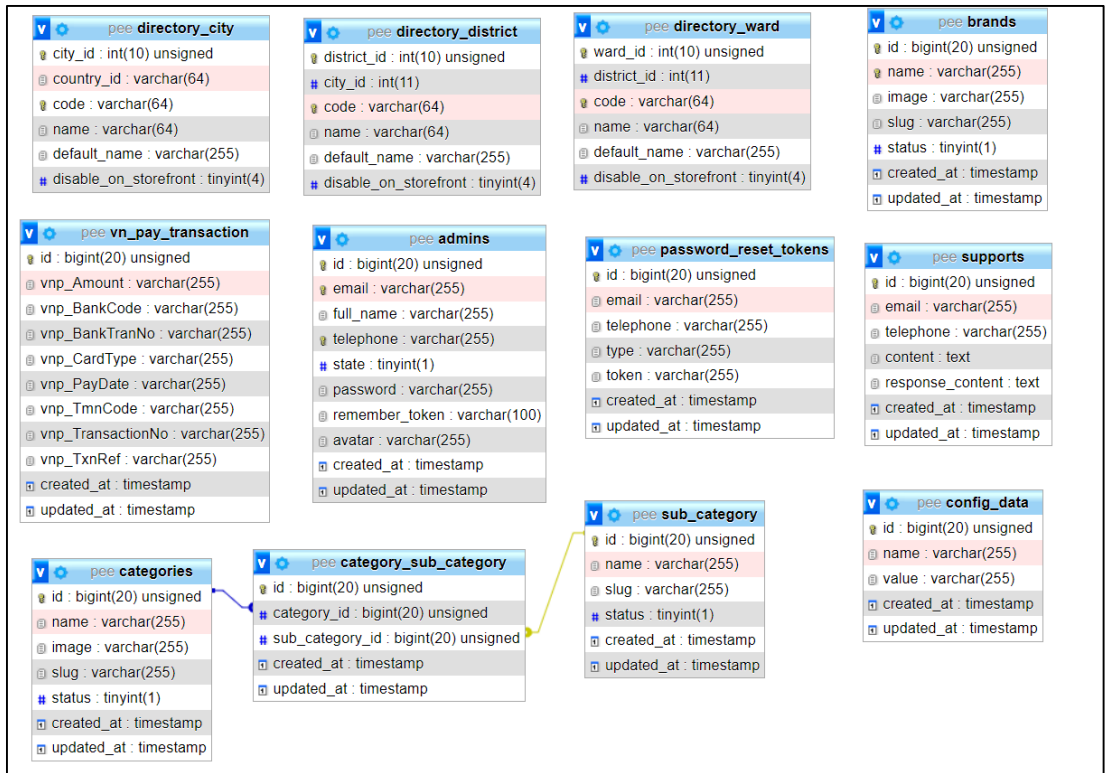
- Đặc tả chi tiết chức năng quản lý thuộc tính sản phẩm

Bảng 3.30 Đặc tả chi tiết chức năng quản lý thuộc tính sản phẩm

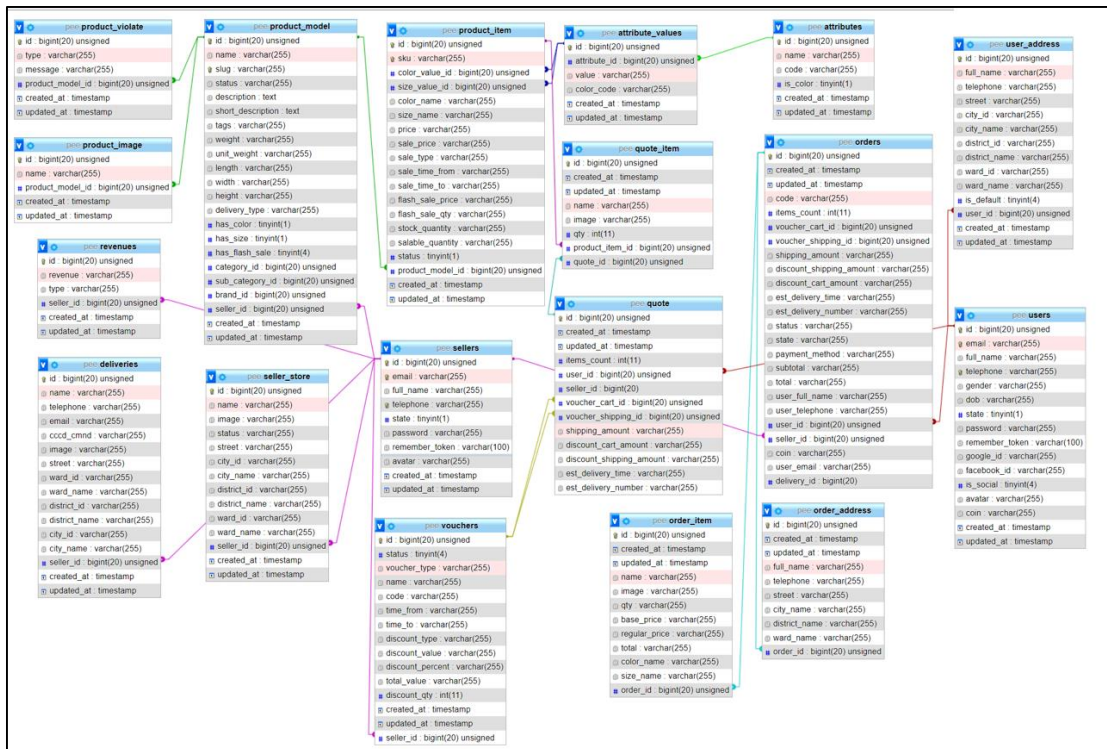
Tiêu đề	Nội dung
Tên Use - Case	Quản lý thuộc tính sản phẩm
Tác nhân tham gia	Quản trị
Mô tả	Cập nhật giá trị cho thuộc tính sản phẩm
Điều kiện cần	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống

Kết quả	Cập nhật giá trị cho thuộc tính sản phẩm thành công
Luồng nghiệp vụ chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập vào hệ thống quản lý 2. Chọn tab sản phẩm >> click chọn thuộc tính >> hệ thống chuyển hướng sang trang danh thuộc tính (hiện tại hệ thống chỉ hỗ trợ 2 thuộc tính là size và color) 3. Click chọn button Cập nhật >> chuyển hướng sang trang edit thông tin thuộc tính, gồm các field sau: <ul style="list-style-type: none"> - Tên (*) - Code (*) - Is Corlor - Giá trị: có thể tạo thêm row để nhập giá trị tùy ý, gồm các field: <ul style="list-style-type: none"> • Tên giá trị • Màu sắc (nếu is color = true) 4. Click button gửi hệ thống xử lý lưu dữ liệu và hiển thị thông báo “Cập nhật thành công” 5. Kết thúc <p><i>(*) Các trường có dấu sao là trường bắt buộc nhập</i></p>
Luồng thay thế	N/A
Ngoại lệ	N/A

3.3. Xây dựng và phân tích CSDL



Hình 3.19 Lược đồ CSDL quan hệ (1)



Hình 3.20 Lược đồ CSDL quan hệ (2)

CHƯƠNG 4: THỰC NGHIỆM VÀ TRIỂN KHAI

4.1. Giới thiệu hệ thống

Ashion website là hệ thống mua bán sản phẩm thời trang online trên toàn quốc. Với giao diện theo phong cách mới mẻ, trẻ trung được thiết kế theo xu hướng hiện đại bắt mắt thu hút khách hàng. Không những thế website mang đến sự trải nghiệm thú vị, độc đáo và tuyệt vời cho người sử dụng.

Về phía người dùng (user), website có các trang như Trang chủ, trang danh mục, trang sản phẩm, trang cart, trang checkout, trang my account, trang flash sale, trang tìm kiếm,... đáp ứng được đủ các giao diện của một website kinh doanh thời trang. Hệ thống đáp ứng được các chức năng như: thêm sản phẩm vào giỏ hàng, cập nhật giỏ hàng, xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng, tìm kiếm sản phẩm, xem thông tin sản phẩm, xem lịch sử đơn hàng, xử lý checkout, áp dụng các mã voucher, đăng nhập, đăng ký, social login, ... Website có sử dụng phương thức thanh toán online là VNPay hỗ trợ khách hàng thanh toán một cách nhanh chóng và tiện lợi. Độ bảo mật, an toàn tuyệt đối không gây ảnh hưởng đến người dùng. Ngoài ra website còn có chương trình flash sale, giúp cho khách hàng săn được các sản phẩm với giá ưu đãi tốt nhất từ các seller.

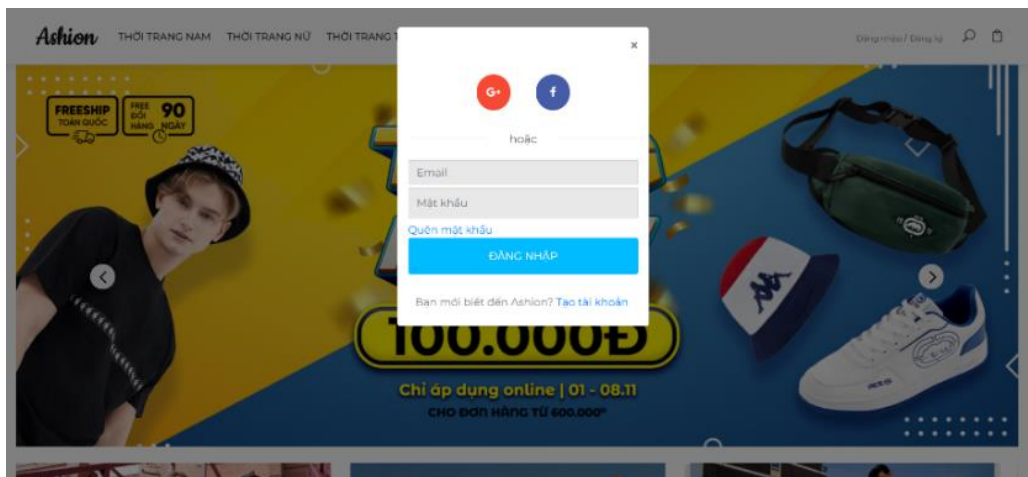
Đối với Seller, hệ thống cho phép seller đăng ký bán hàng trên hệ thống. Hệ thống hỗ trợ cho phép các seller tạo các sản phẩm configurable (là 1 sản phẩm có các sản phẩm con tương ứng với option đã chọn, option là size và color), seller có thể setting giá của các sản phẩm khác nhau (final price, sale price, flash sale price), ngoài ra một sản phẩm có thể chứa tối đa 5 – 6 hình ảnh thuận lợi cho việc hiển thị ngoài giao diện người dùng, góp phần làm nổi bật, thu hút từ sản phẩm. Seller có thể theo dõi quản lý các sản phẩm đã tạo, hệ thống hỗ trợ export sản phẩm khi cần để thống kê. Seller có thể theo dõi các đơn hàng đến từ người dùng, thực hiện các hành động cho đơn hàng như update trạng thái đơn hàng (đang xử lý, đang vận chuyển, hoàn thành đơn hàng, hủy đơn hàng), hệ thống hỗ trợ xử lý xuất hóa đơn cho đơn hàng. Ngoài ra seller có thể tạo các voucher giảm giá như giảm giá giỏ hàng và giảm giá vận chuyển góp phần thu hút lượng order từ khách hàng. Hệ thống hỗ trợ thống

kê các dữ liệu ngoài dashboard giúp cho seller dễ dàng theo dõi tình trạng của shop.

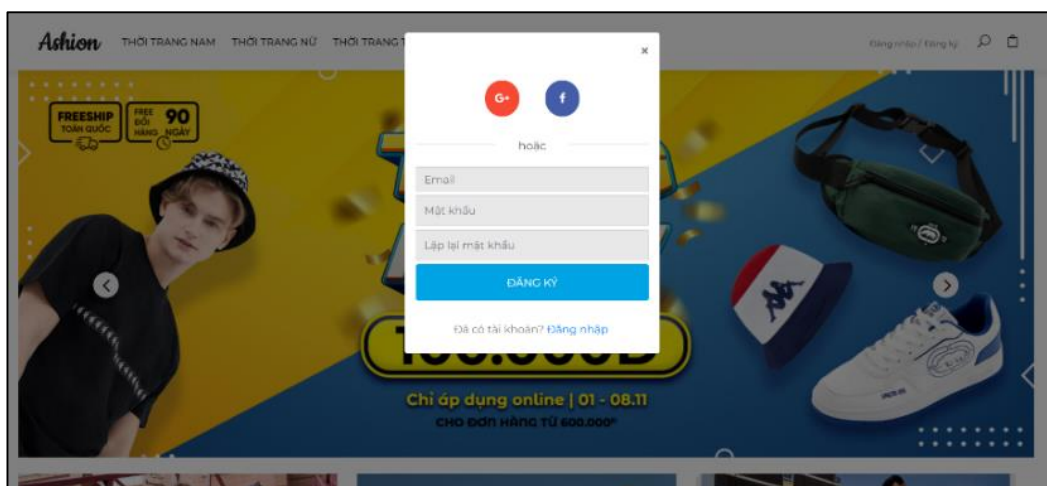
Đối với Admin(quản trị hệ thống), Admin có thể quản lý các chức năng như thương hiệu, danh mục, sản phẩm, đơn hàng, vận chuyển, khách hàng, người bán, công cụ marketing. Admin có thể đăng bán sản phẩm trên hệ thống website, theo dõi tình trạng của đơn hàng, đánh giá các sản phẩm từ seller có hợp lệ hay không. Hệ thống hỗ trợ cho phép theo dõi thống kê dữ liệu ngoài trang dashboard.

4.2. Hệ thống giao diện website

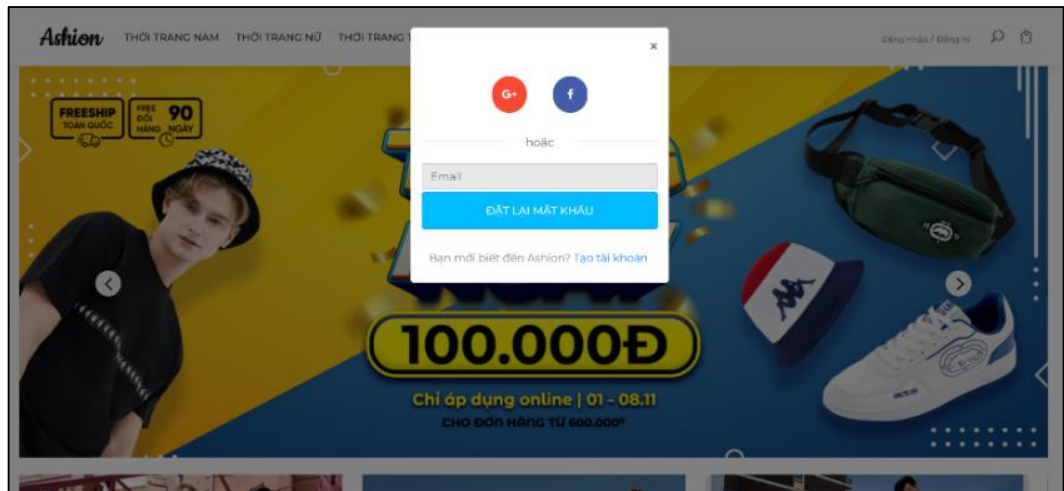
4.2.1. FrontEnd



Hình 4.1 Popup đăng nhập



Hình 4.2 Popup đăng ký



Hình 4.3 Popup quên mật khẩu

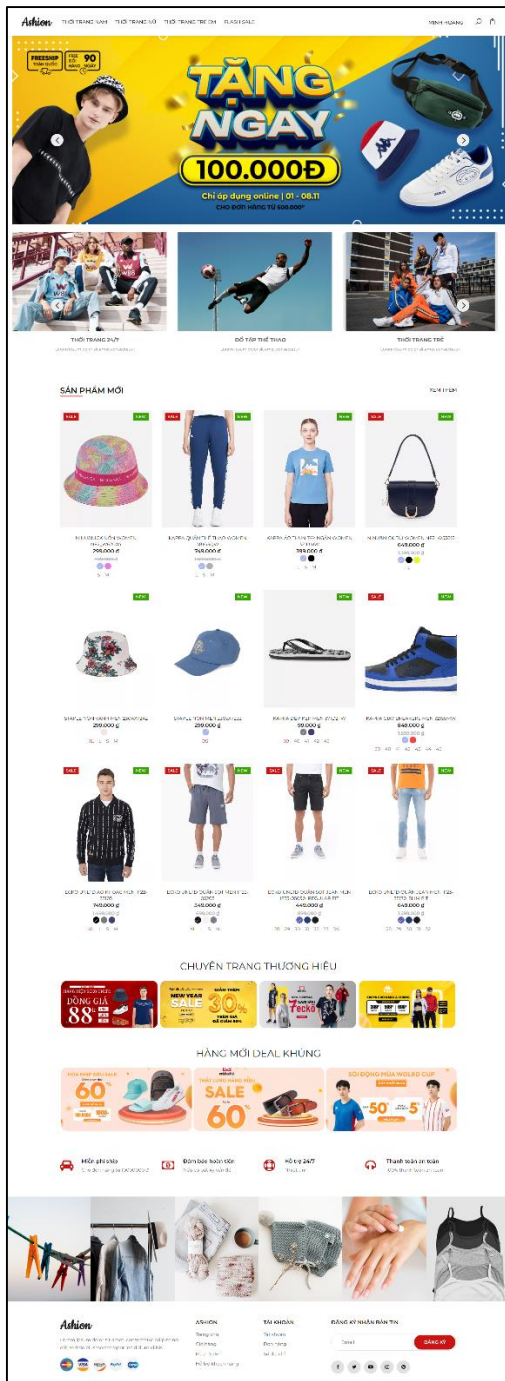
Đặt lại mật khẩu

Mật khẩu

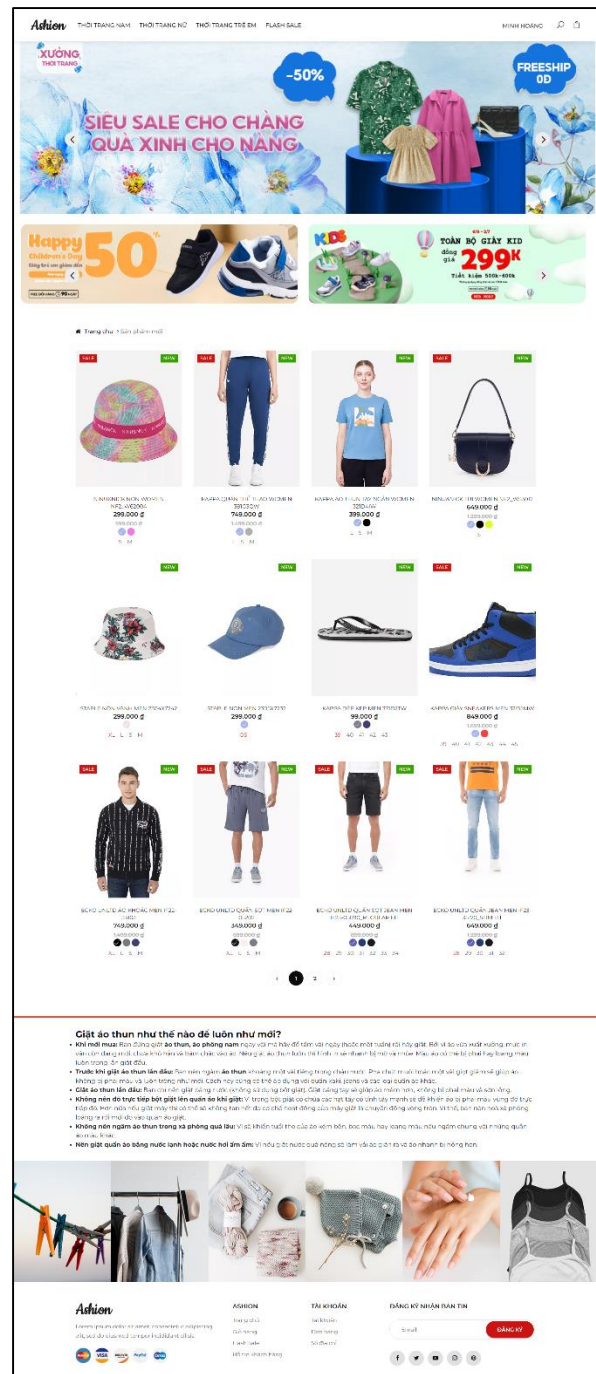
Lặp lại mật khẩu

Gửi

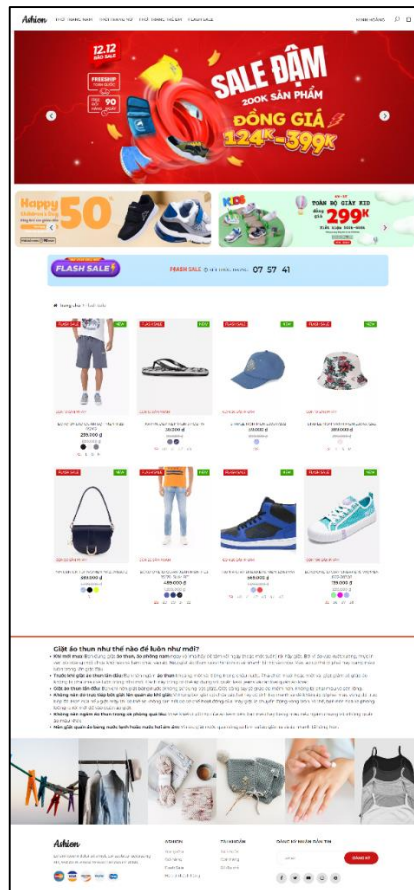
Hình 4.4 Trang đặt lại mật khẩu



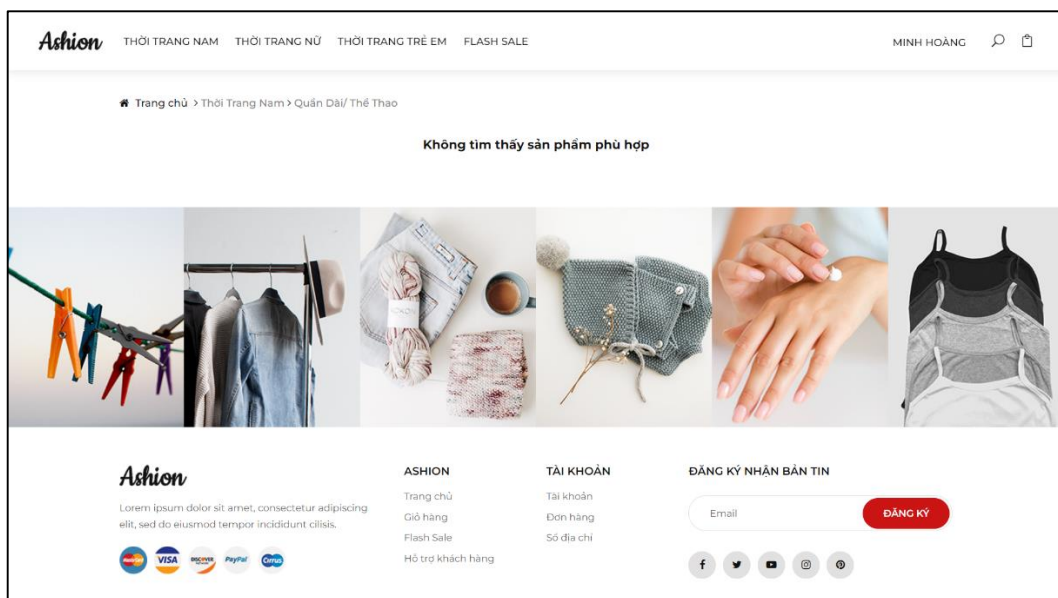
Hình 4.5 Giao diện trang chủ



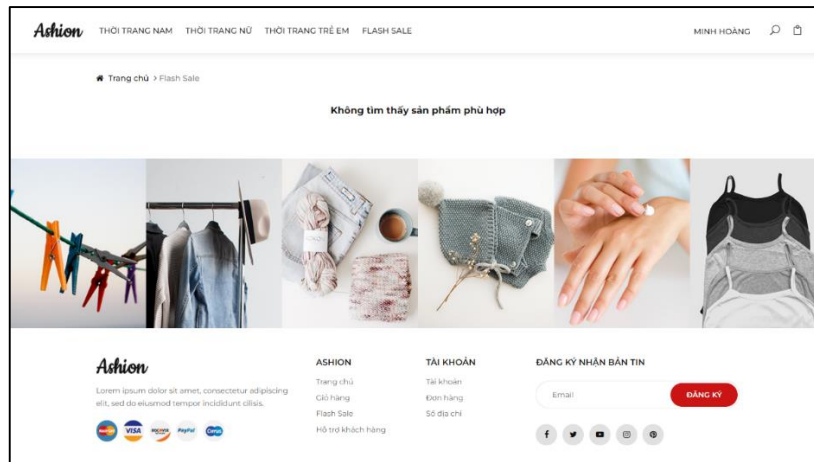
Hình 4.6 Giao diện trang danh mục



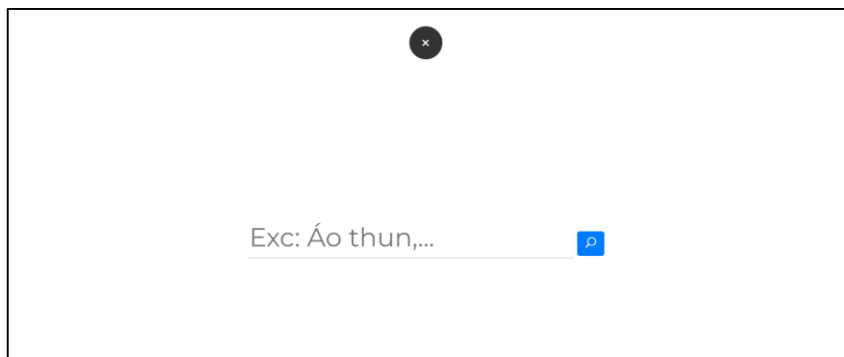
Hình 4.7 Giao diện trang flash sale



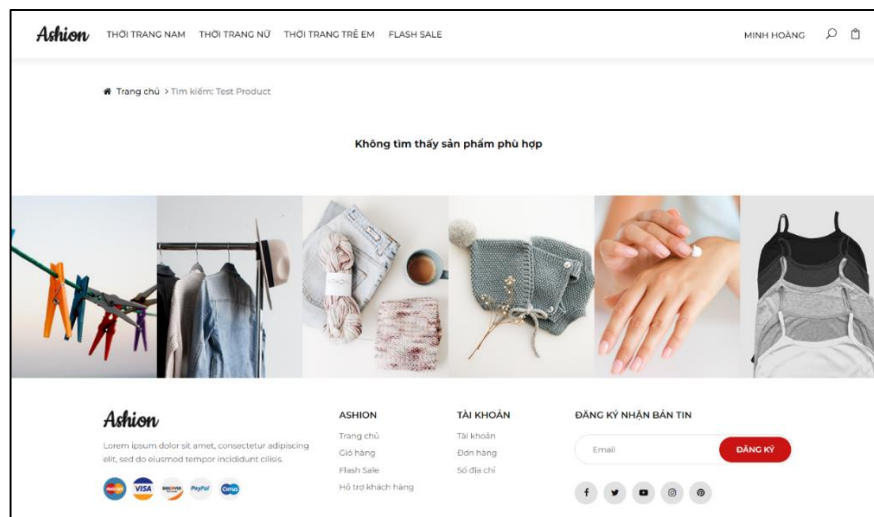
Hình 4.8 Giao diện trang danh mục trống



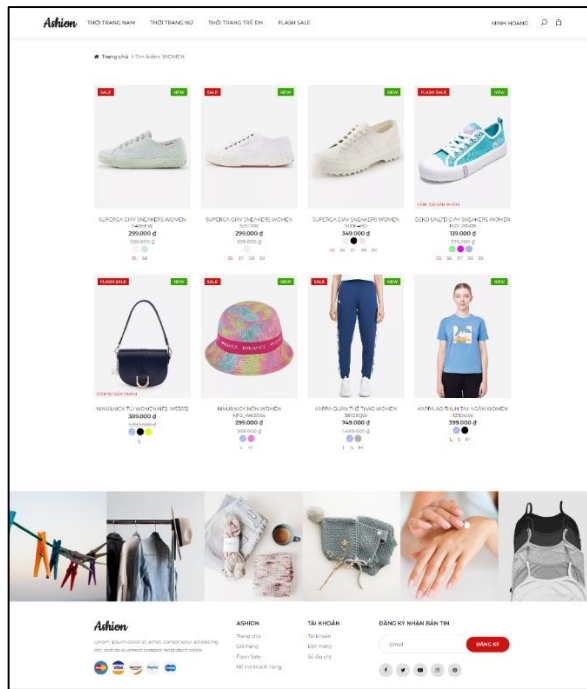
Hình 4.9 Giao diện trang flash sale trống



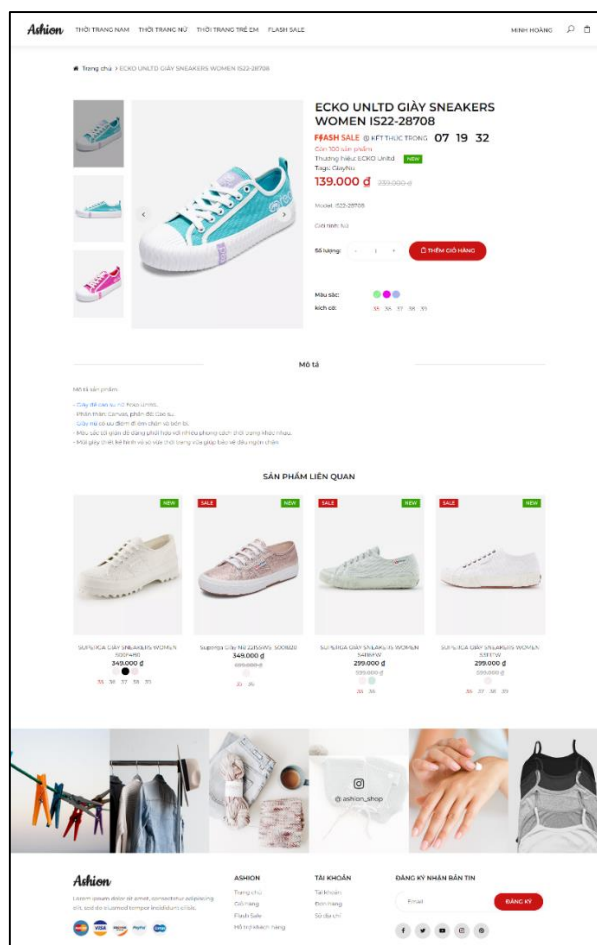
Hình 4.10 Popup tìm kiếm sản phẩm



Hình 4.11 Giao diện trang tìm kiếm không có sản phẩm



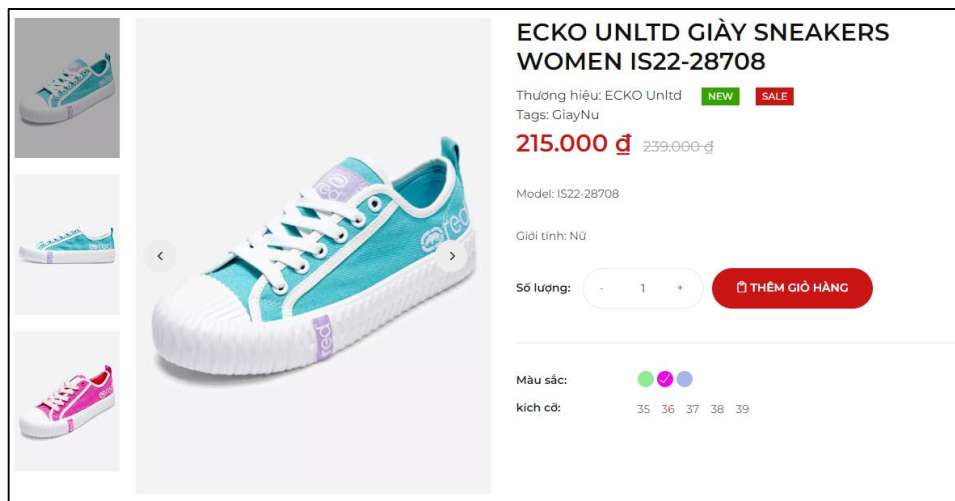
Hình 4.12 Giao diện trang tìm kiếm có sản phẩm



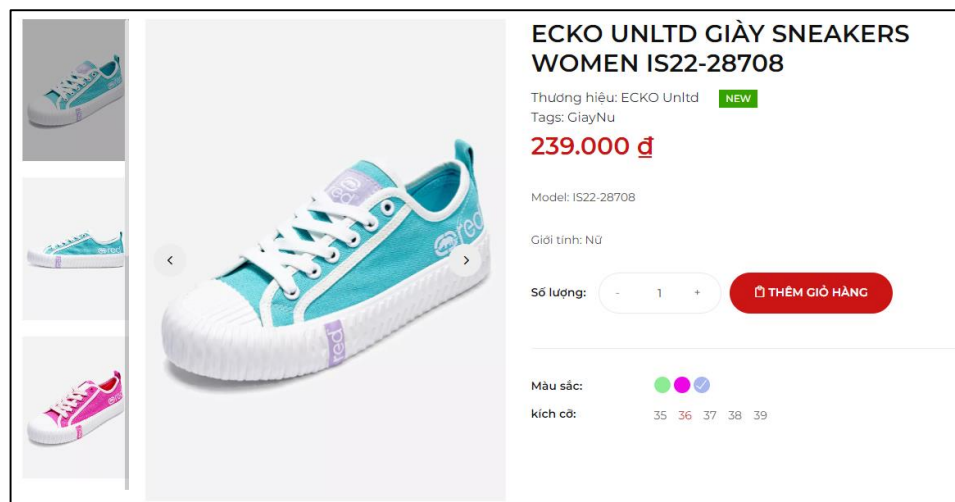
Hình 4.13 Giao diện trang chi tiết sản phẩm



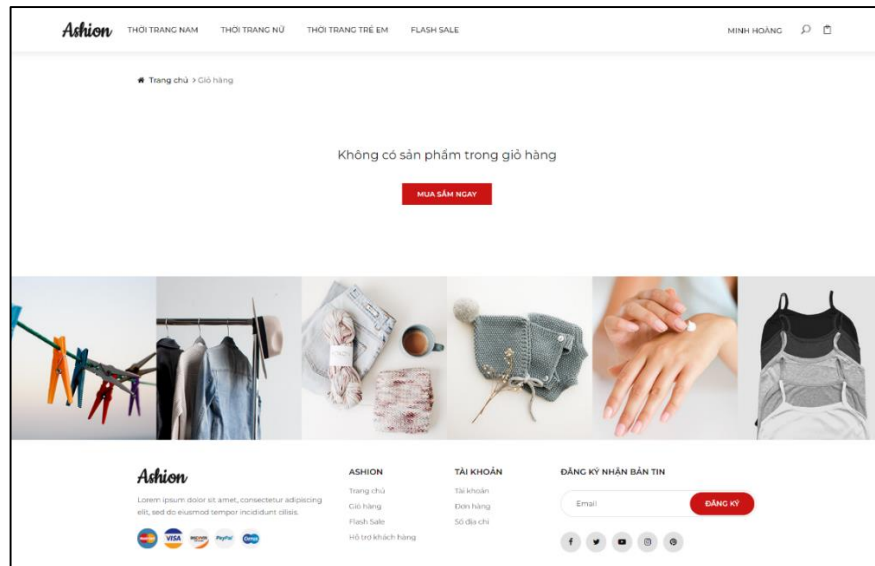
Hình 4.14 Giao diện trang chi tiết sản phẩm khi có flash sale



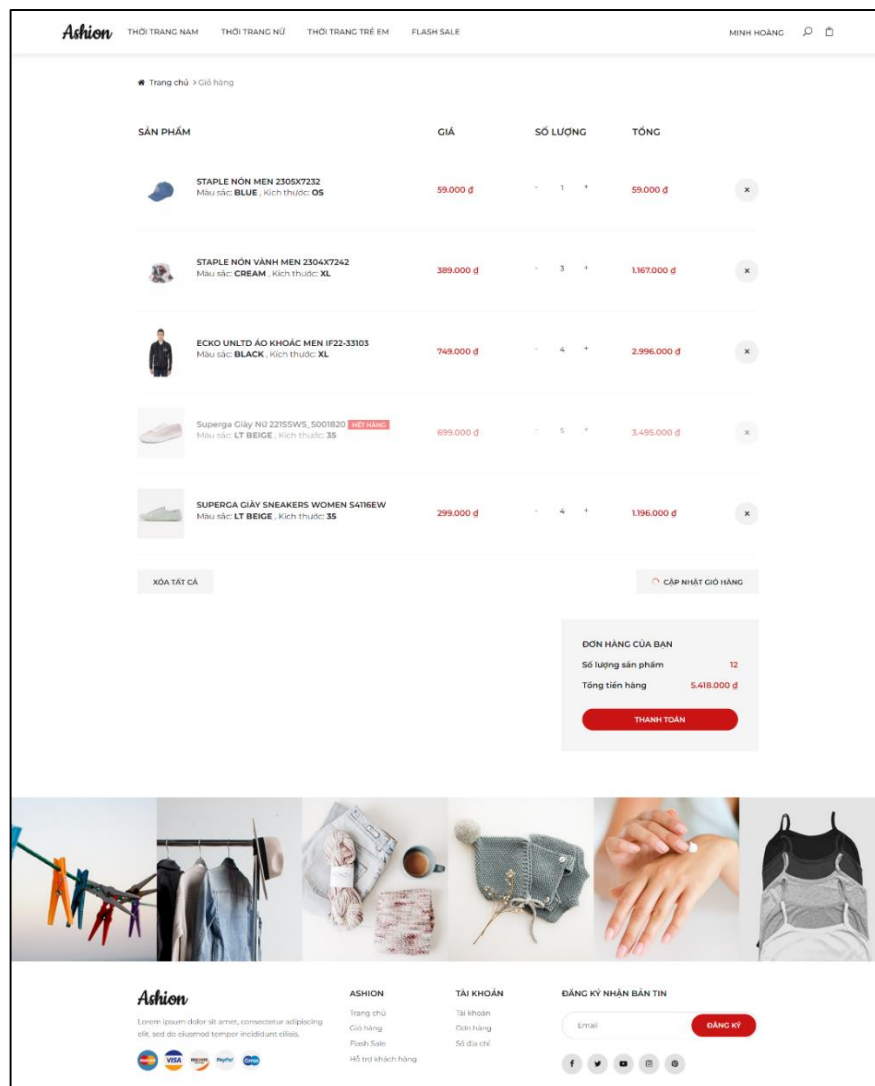
Hình 4.15 Giao diện trang chi tiết sản phẩm khi có giá sale



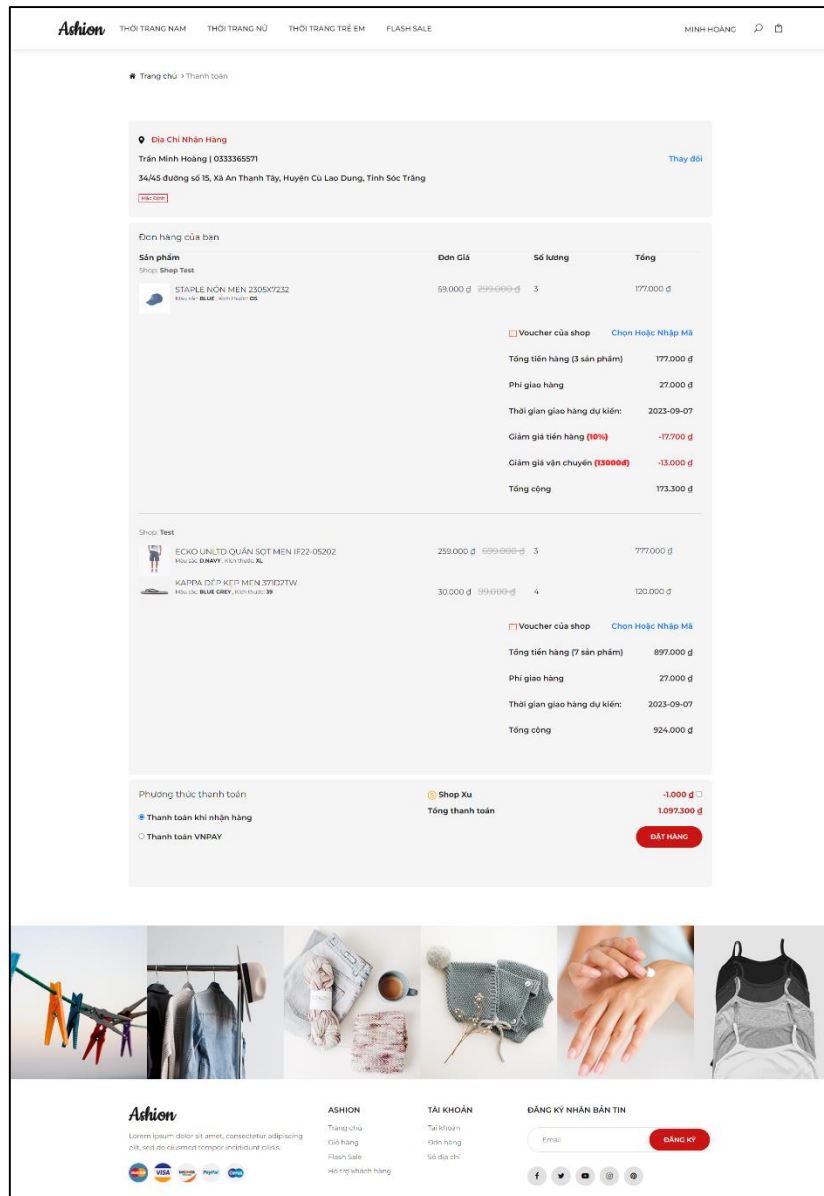
Hình 4.16 Giao diện trang chi tiết sản phẩm với giá bình thường



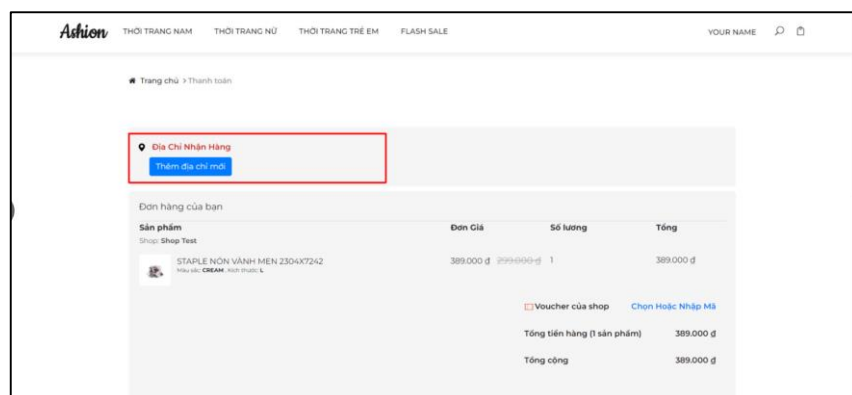
Hình 4.17 Giao diện trang giỏ hàng trống



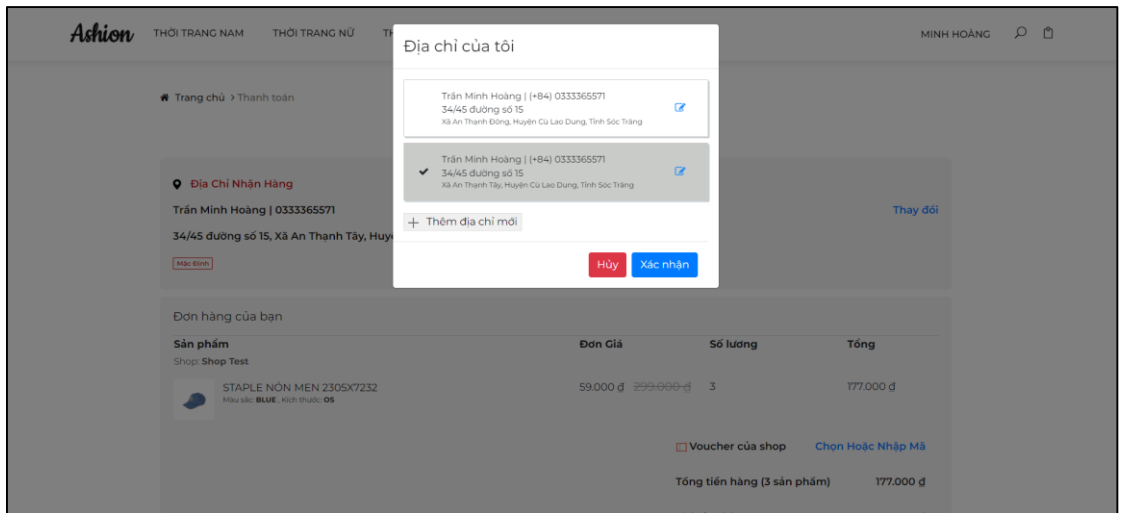
Hình 4.18 Giao diện trang giỏ hàng có sản phẩm



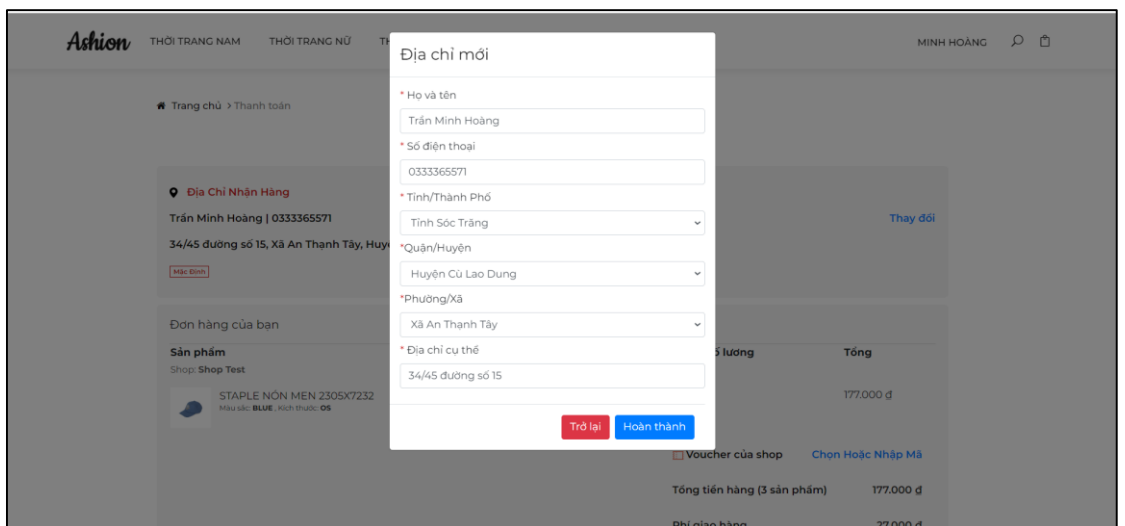
Hình 4.19 Giao diện trang thanh toán



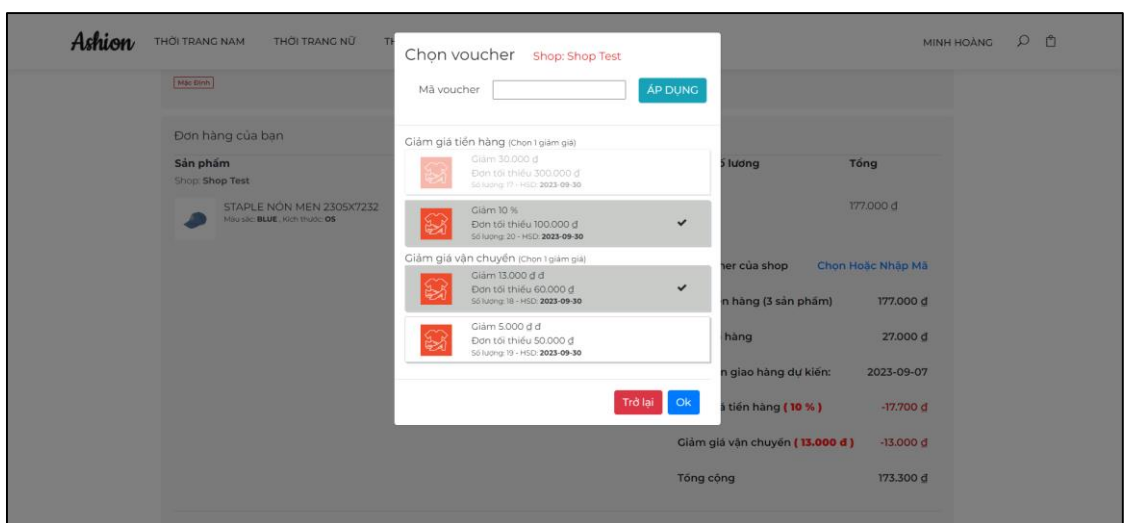
Hình 4.20 Button thêm mới địa chỉ (hiển thị khi không tồn tại địa chỉ nhận hàng)



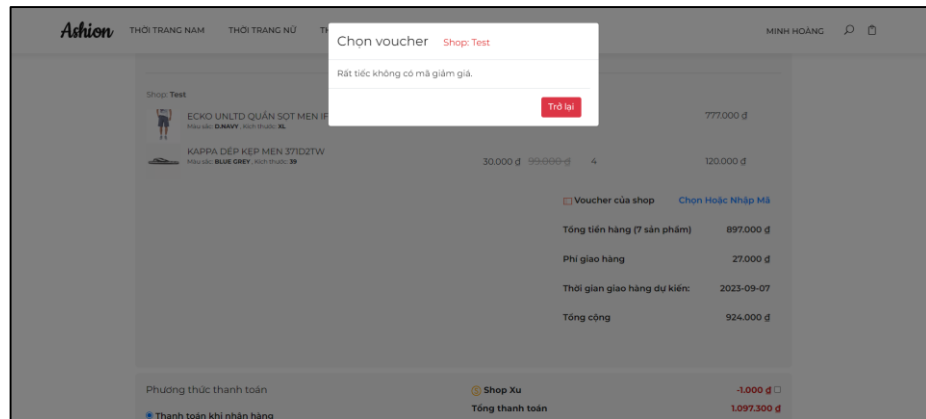
Hình 4.21 Popup thay đổi địa chỉ nhận hàng



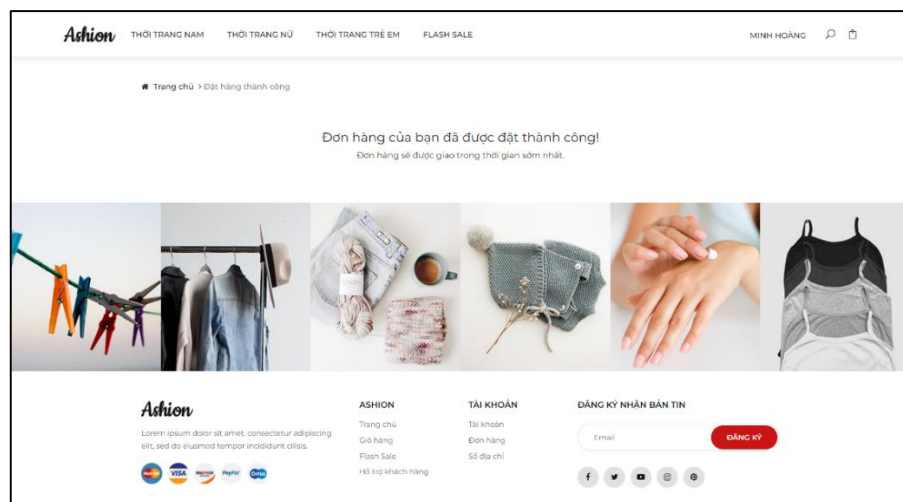
Hình 4.22 Popup edit địa chỉ nhận hàng



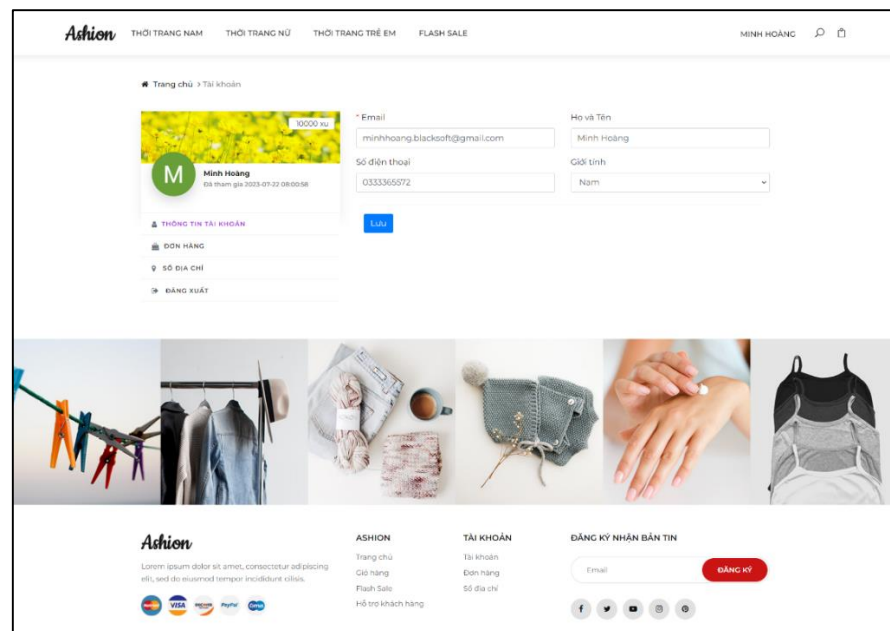
Hình 4.23 Popup chọn voucher khi có discount



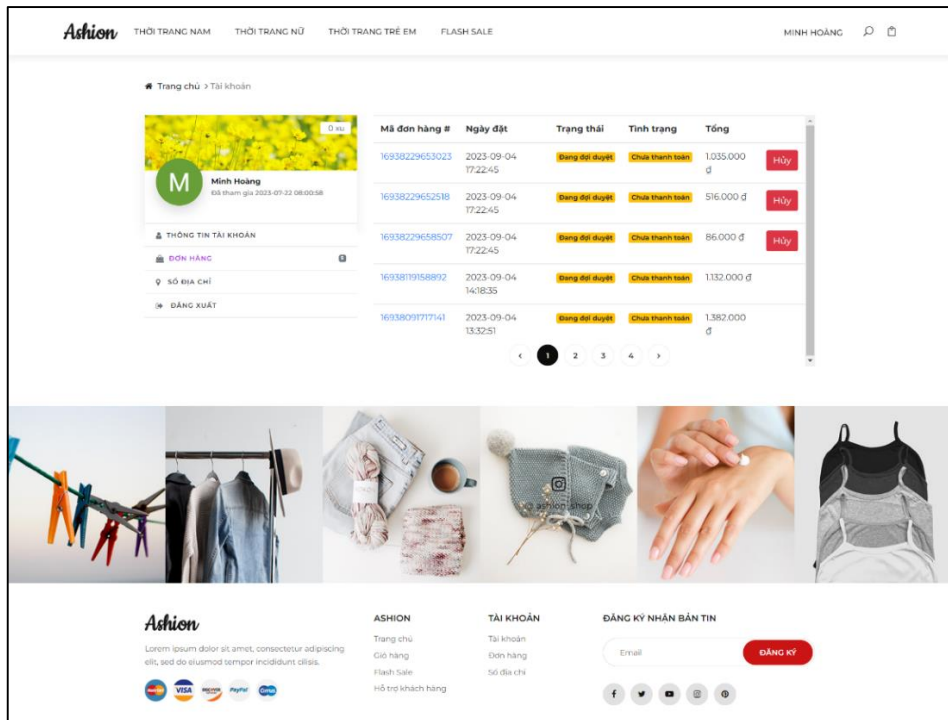
Hình 4.24 Popup chọn voucher khi không có discount



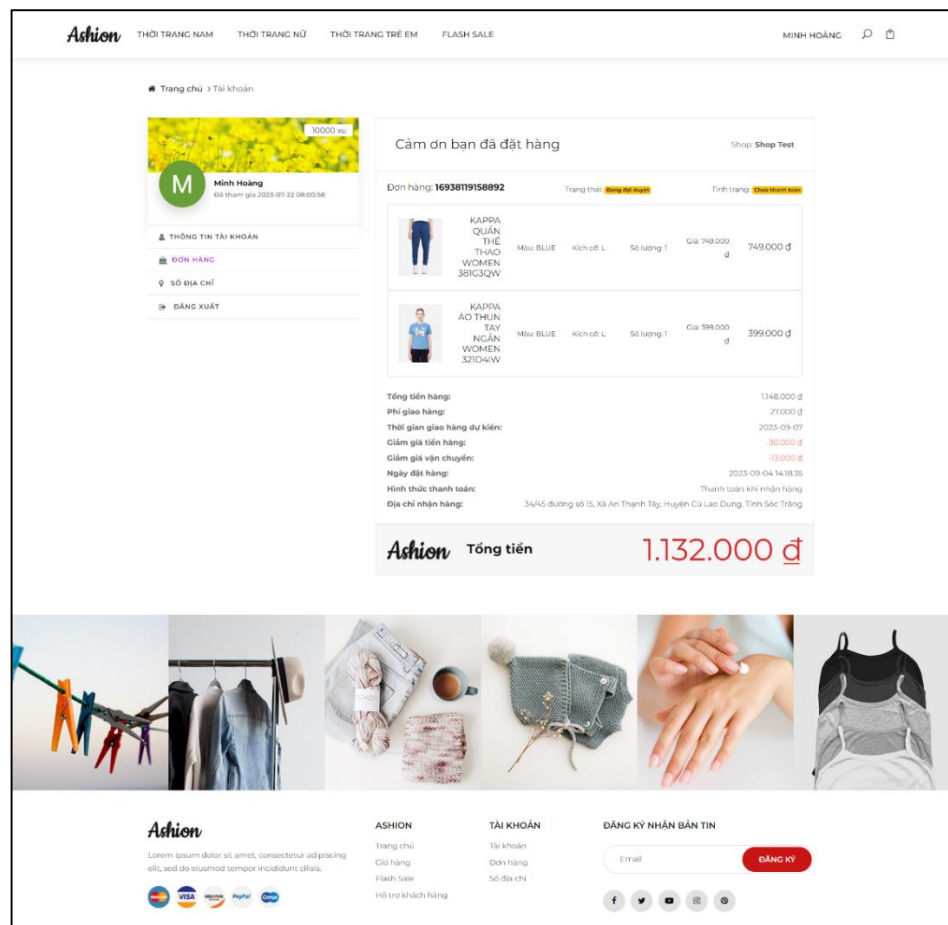
Hình 4.25 Giao diện trang đặt hàng thành công



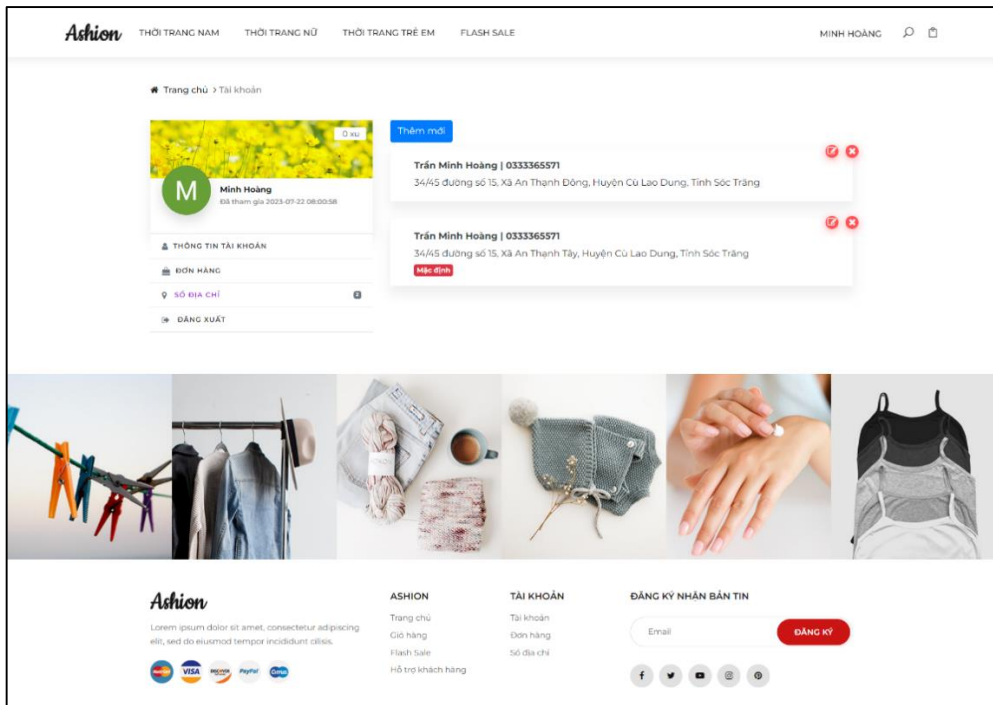
Hình 4.26 Giao diện trang thông tin tài khoản



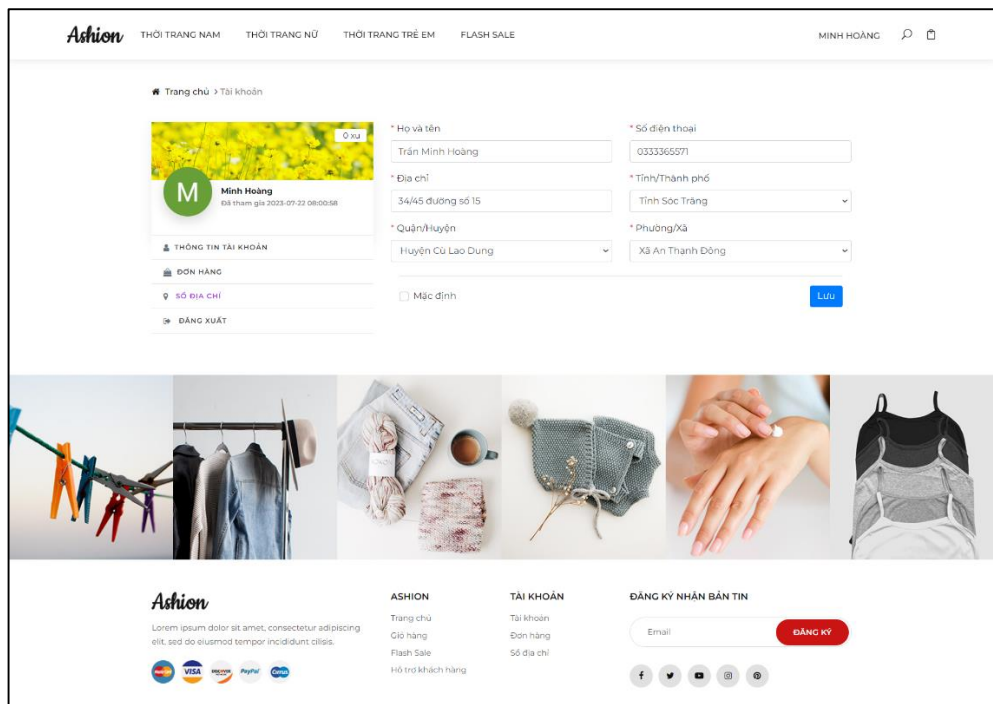
Hình 4.27 Giao diện trang danh sách đơn hàng



Hình 4.28 Giao diện trang chi tiết đơn hàng

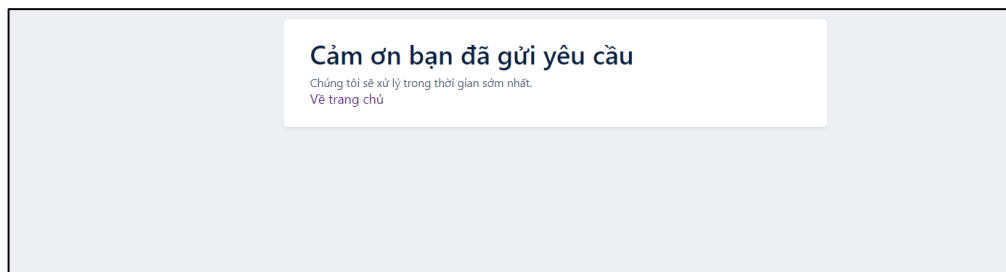


Hình 4.29 Giao diện trang số địa chỉ



Hình 4.30 Giao diện edit thông tin địa chỉ

Hình 4.31 Giao diện trang hỗ trợ khách hàng

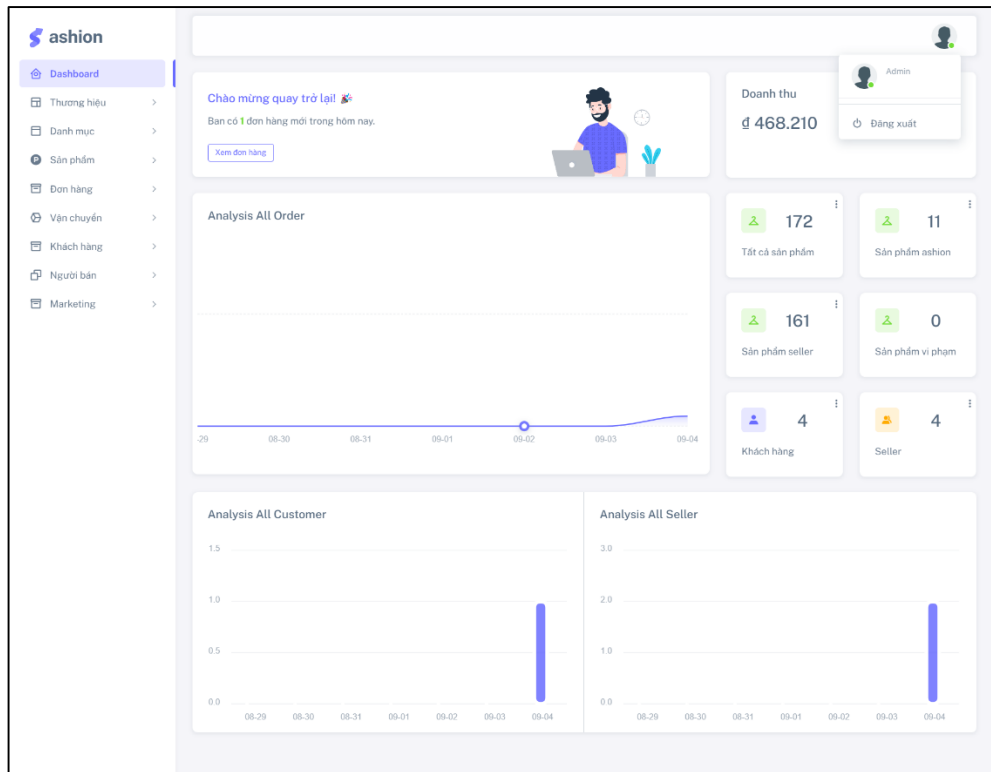


Hình 4.32 Giao diện trang gửi yêu cầu hỗ trợ thành công

4.2.2. BackEnd

4.2.2.1. Quản trị

Hình 4.33 Giao diện trang đăng nhập



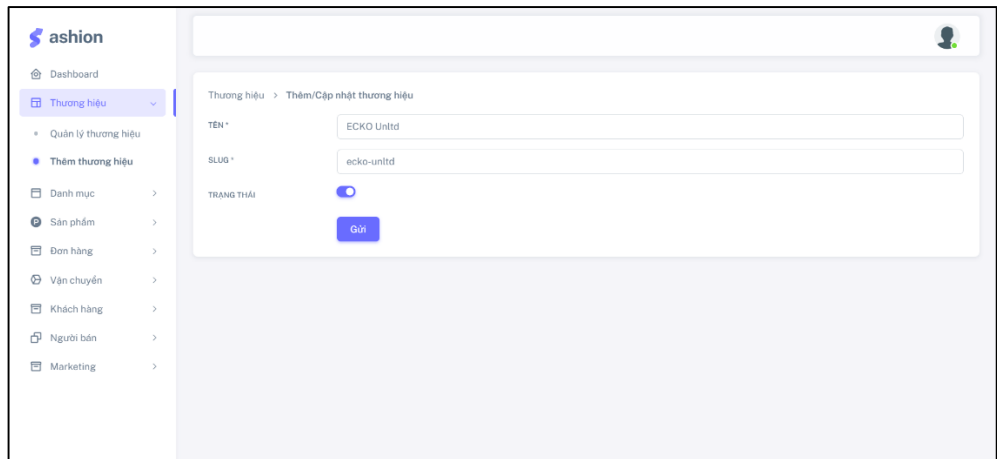
Hình 4.34 Giao diện trang dashboard

The brand management interface shows a table of brands under the heading "Thương hiệu > Quản lý thương hiệu". A search bar is available. The table contains the following data:

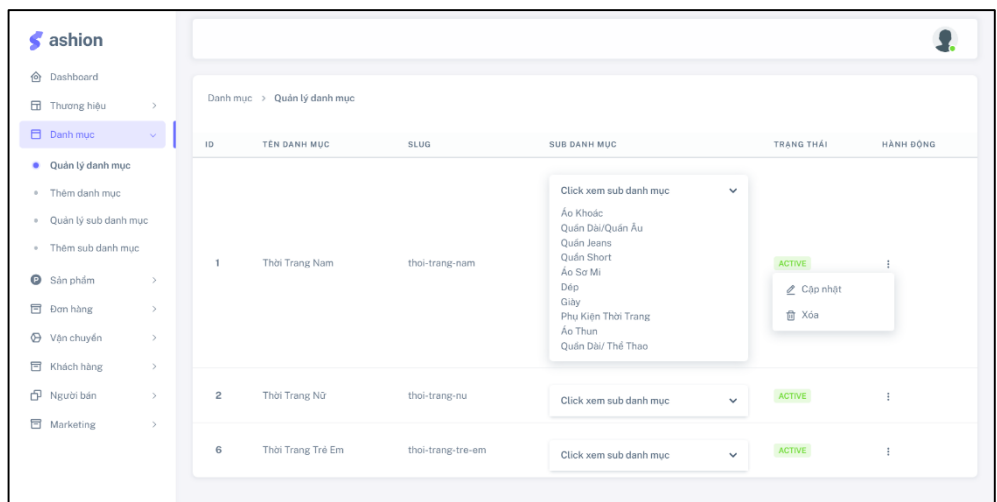
ID	TÊN THƯƠNG HIỆU	SLUG	TRẠNG THÁI	HÀNH ĐỘNG
2	SKMEI	skmei	ACTIVE	⋮
3	ECKO Unltd	ecko-unltd	ACTIVE	⋮
4	Kappa	kappa	ACTIVE	⋮
5	Superga	superga	ACTIVE	⋮
6	Staple	staple	ACTIVE	⋮
7	NINU&NICK	ninunick	ACTIVE	⋮

A context menu is open over the first row, showing options: "Cập nhật" (Update) and "Xóa" (Delete).

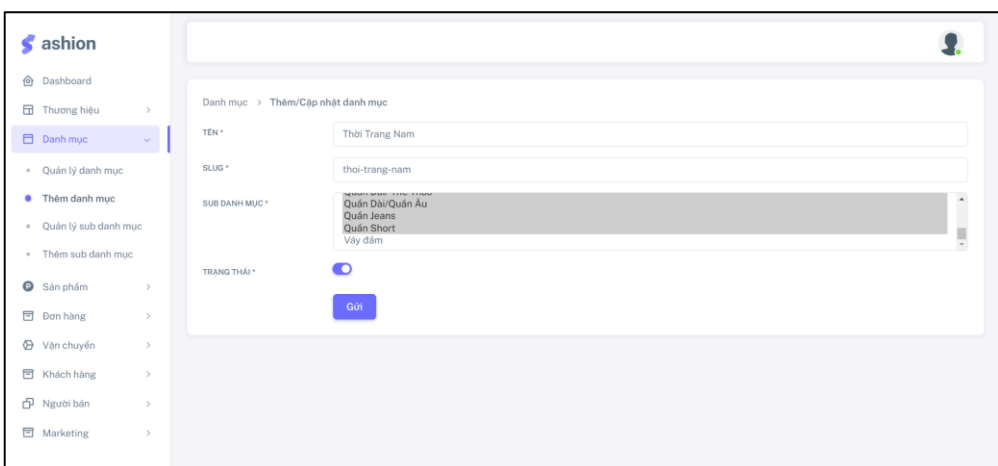
Hình 4.35 Giao diện trang quản lý thương hiệu



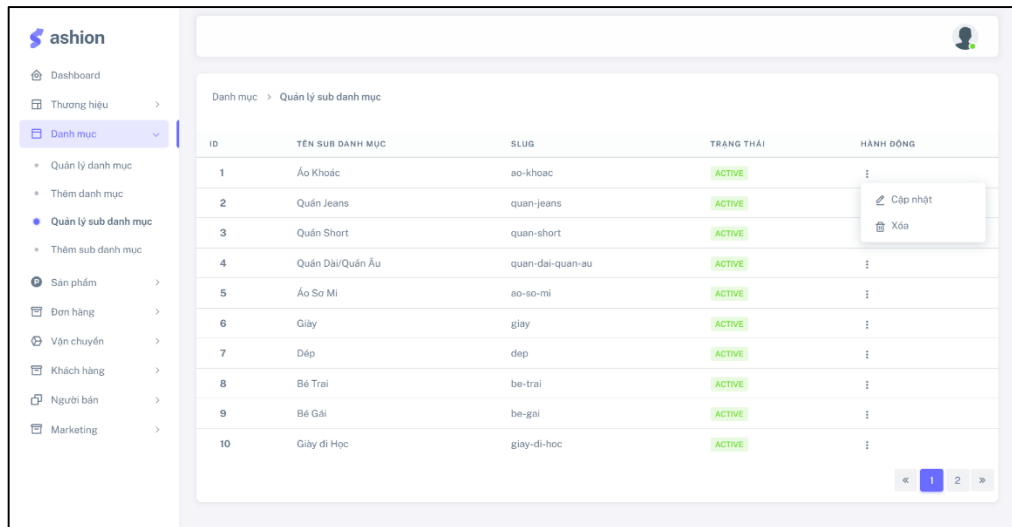
Hình 4.36 Giao diện trang edit thương hiệu



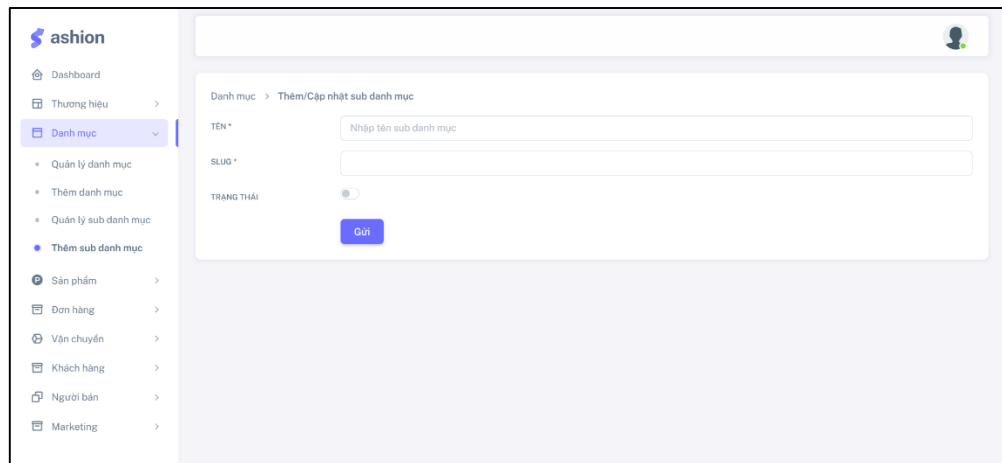
Hình 4.37 Giao diện trang quản lý danh mục



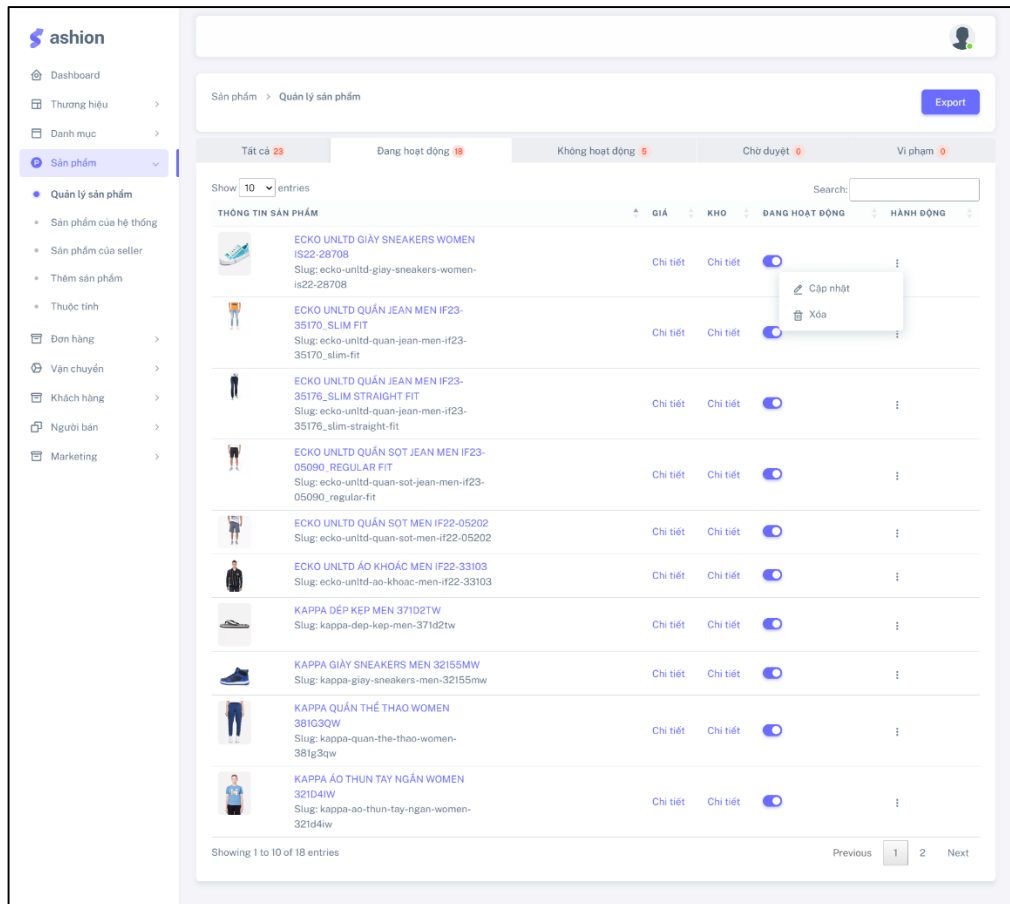
Hình 4.38 Giao diện trang edit danh mục



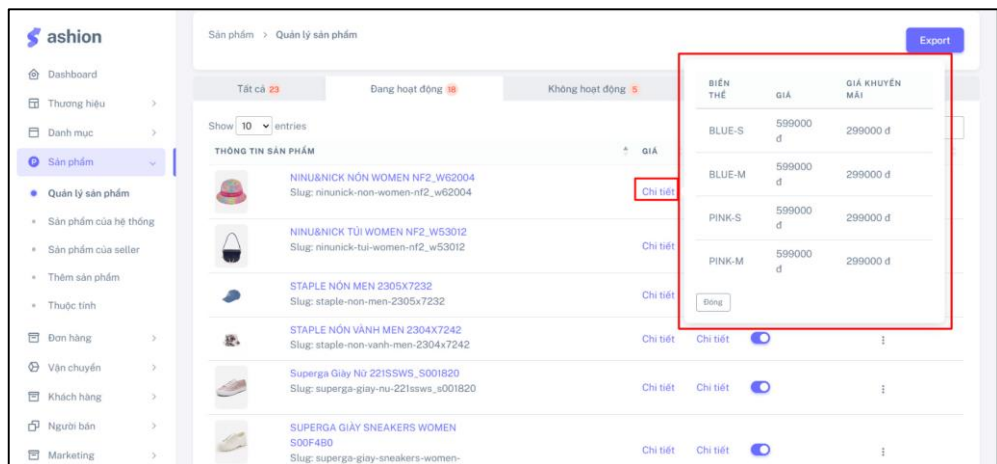
Hình 4.39 Giao diện trang quản lý sub danh mục



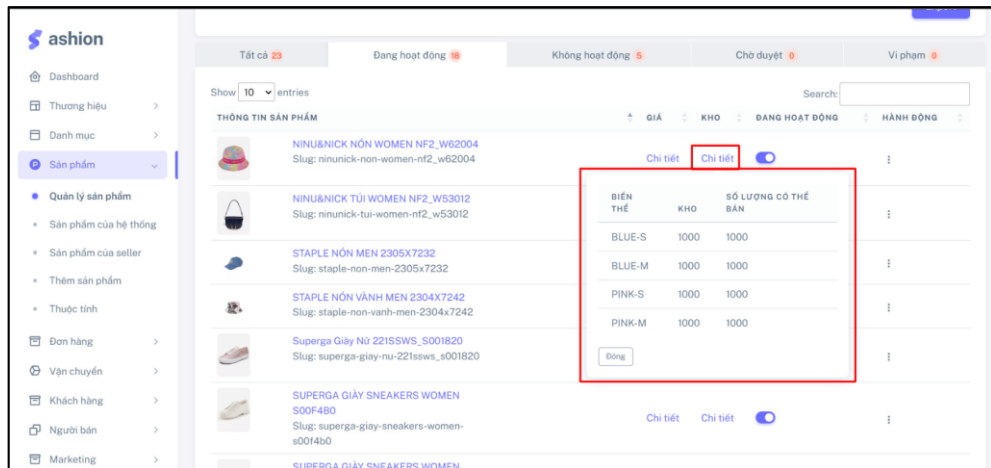
Hình 4.40 Giao diện trang edit sub danh mục



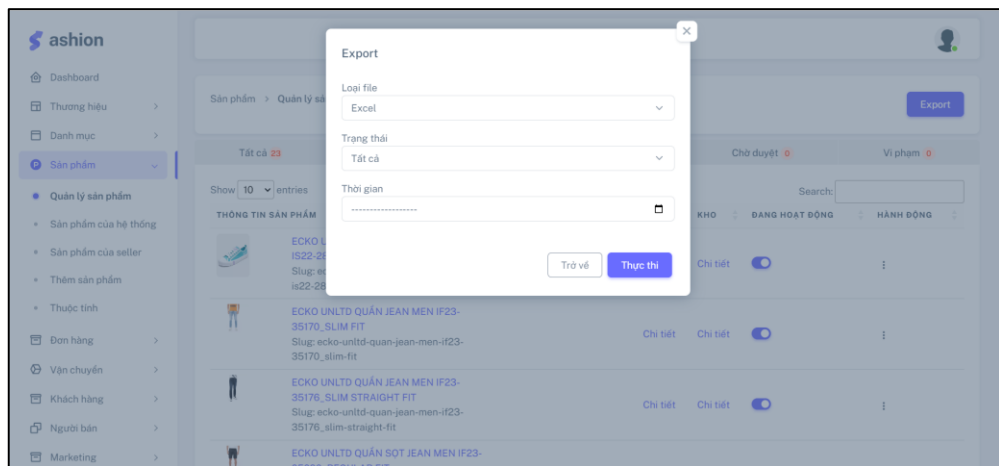
Hình 4.41 Giao diện trang quản lý sản phẩm



Hình 4.42 Chi tiết giá của sản phẩm



Hình 4.43 Chi tiết số lượng kho của sản phẩm



Hình 4.44 Popup export sản phẩm

ashion

- Dashboard
- Thương hiệu >
- Danh mục >
- Sản phẩm >**
 - Quản lý sản phẩm
 - Sản phẩm của hệ thống
 - Sản phẩm của seller
 - Thêm sản phẩm**
 - Thuộc tính
- Đơn hàng >
- Vận chuyển >
- Khách hàng >
- Người bán >
- Marketing >

Trang thái: Đang hoạt động
Vi phạm Duyệt

Thông tin cơ bản

* Ảnh sản phẩm

* Tên sản phẩm
NINU&NICK NÓN WOMEN NF2_W62004

* Slug
ninunick-non-women-nf2_w62004

* Danh mục ngành hàng
Thời Trang Nữ Phụ Kiện Thời Trang

Tags
Non * Thương hiệu
NINU&NICK

Giá bán, Kho hàng

Màu sắc

BLUE
PINK

Kích cỡ

S
M

BIẾN THỂ	GIÁ *	GIÁ KHUYẾN MÃI	FLASH SALE	KHO	SKU	MÔ BÁN
BLUE-S	599000	299000	Thêm	1000	feDuFHLInqCB	<input checked="" type="checkbox"/>
BLUE-M	599000	299000	Thêm	1000	gB079I565bu4	<input checked="" type="checkbox"/>
PINK-S	599000	299000	Thêm	1000	EGr2rVWbU5HG	<input checked="" type="checkbox"/>
PINK-M	599000	299000	Thêm	1000	fsjNcbOXvBD2	<input checked="" type="checkbox"/>

Mô tả sản phẩm

Mô tả ngắn

Model: NF2_W62004

Giới tính: Nữ

Mô tả chi tiết

Mô tả sản phẩm

- [Ninu&Nick](#)

- Chất liệu: 40% nylon, 60% polyester, thoáng khí

- Kiểu dáng: Bucket

Vận chuyển

* Khối lượng kiện hàng
1 g

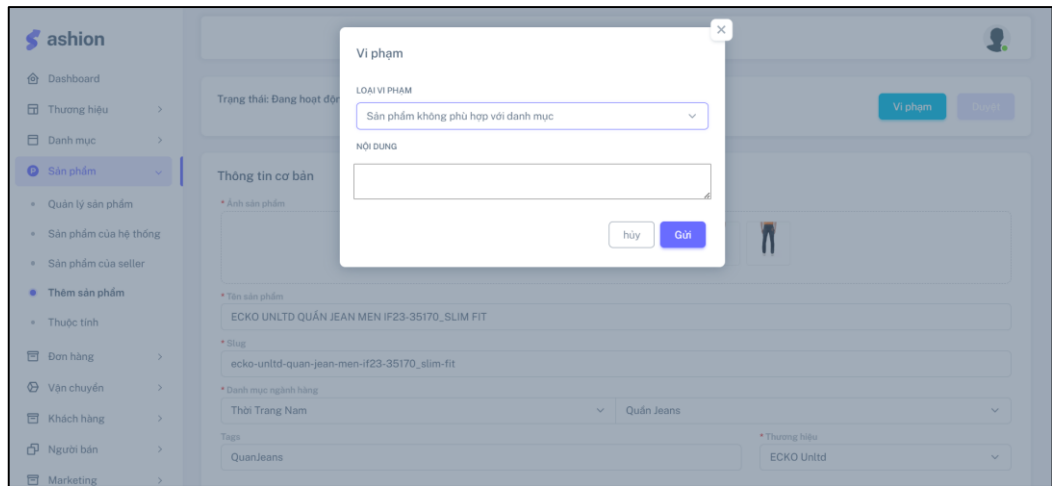
* Kích thước kiện hàng (cm): Dài * Rộng * Cao
1 x 1 x 1

Tùy chọn vận chuyển

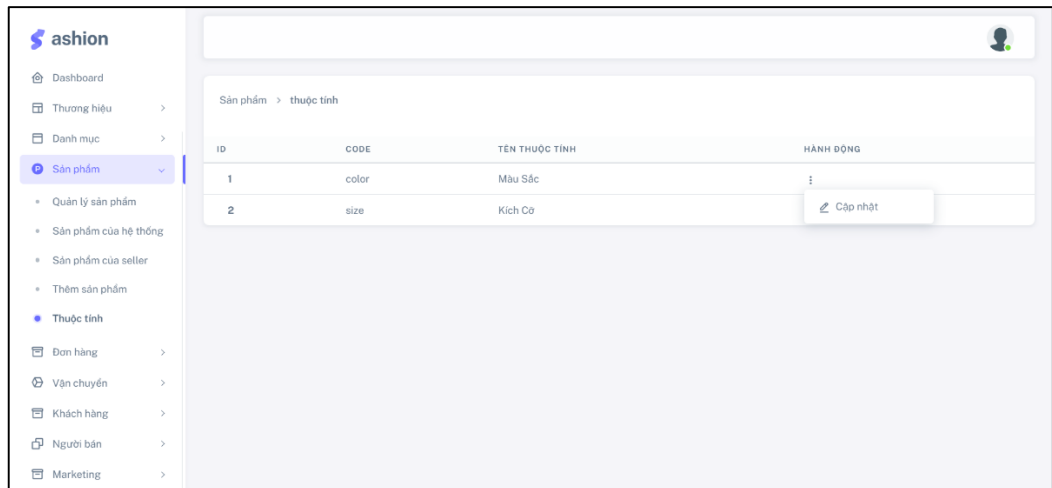
Vận chuyển bởi Ashion Vận chuyển bởi Nhà bán hàng

Gửi

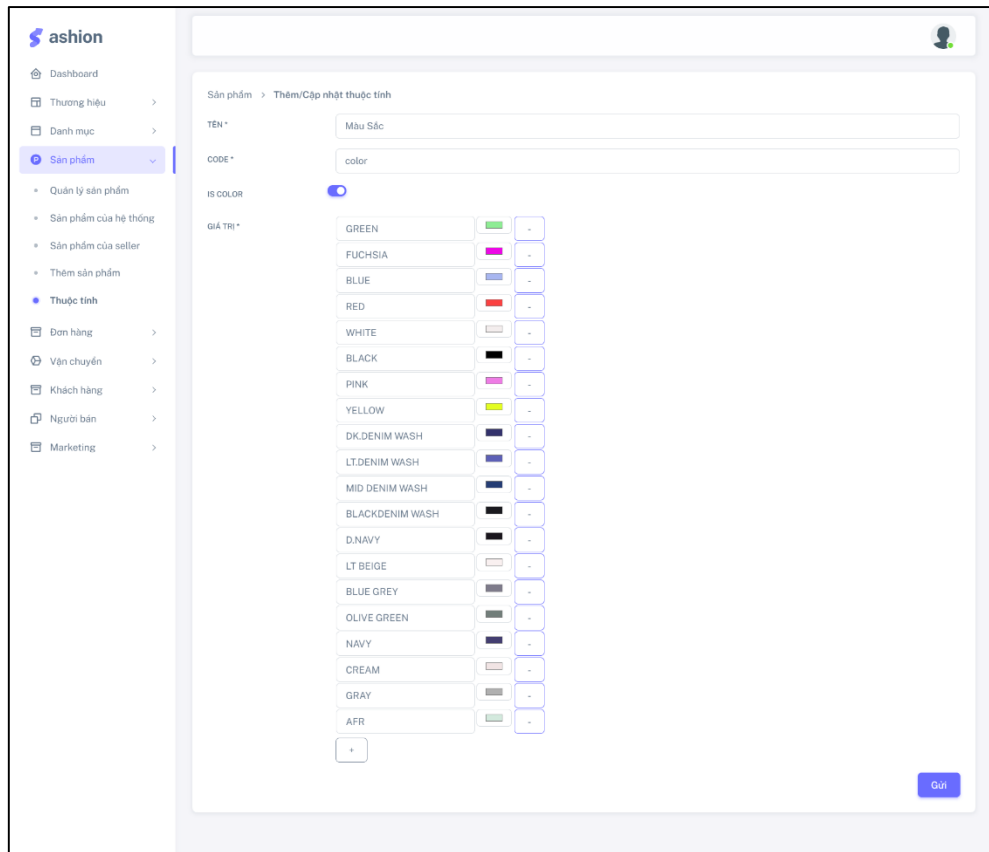
Hình 4.45 Giao diện trang edit thông tin sản phẩm



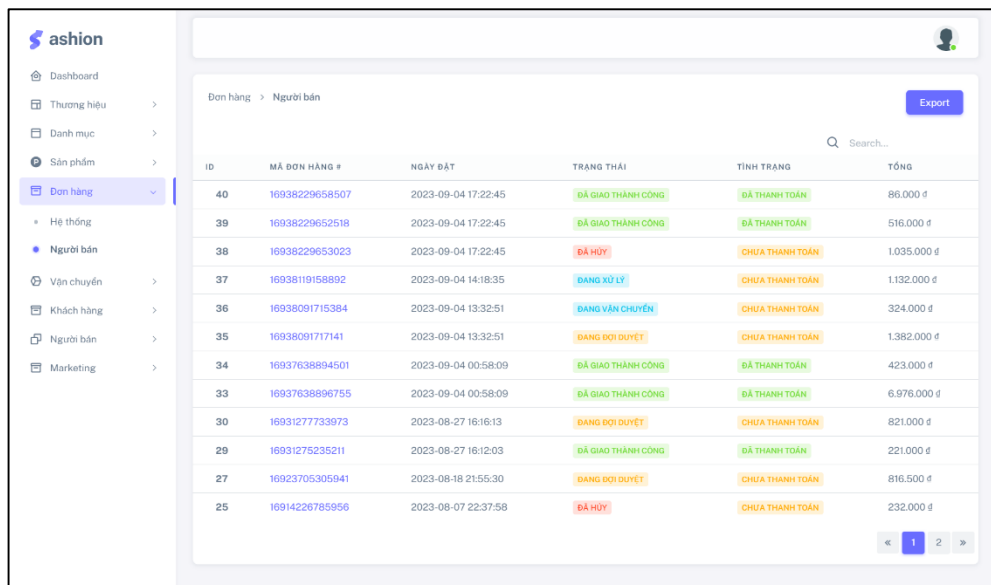
Hình 4.46 Popup xét vi phạm cho sản phẩm



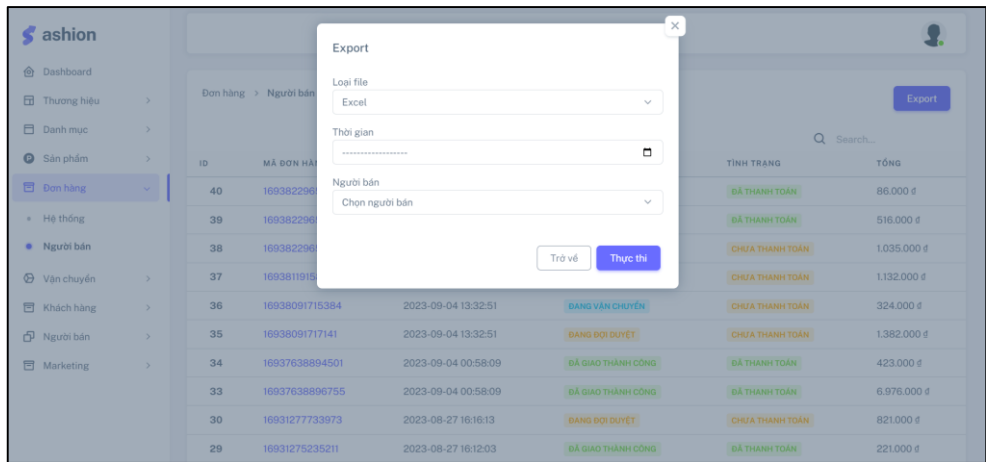
Hình 4.47 Giao diện trang quản lý thuộc tính



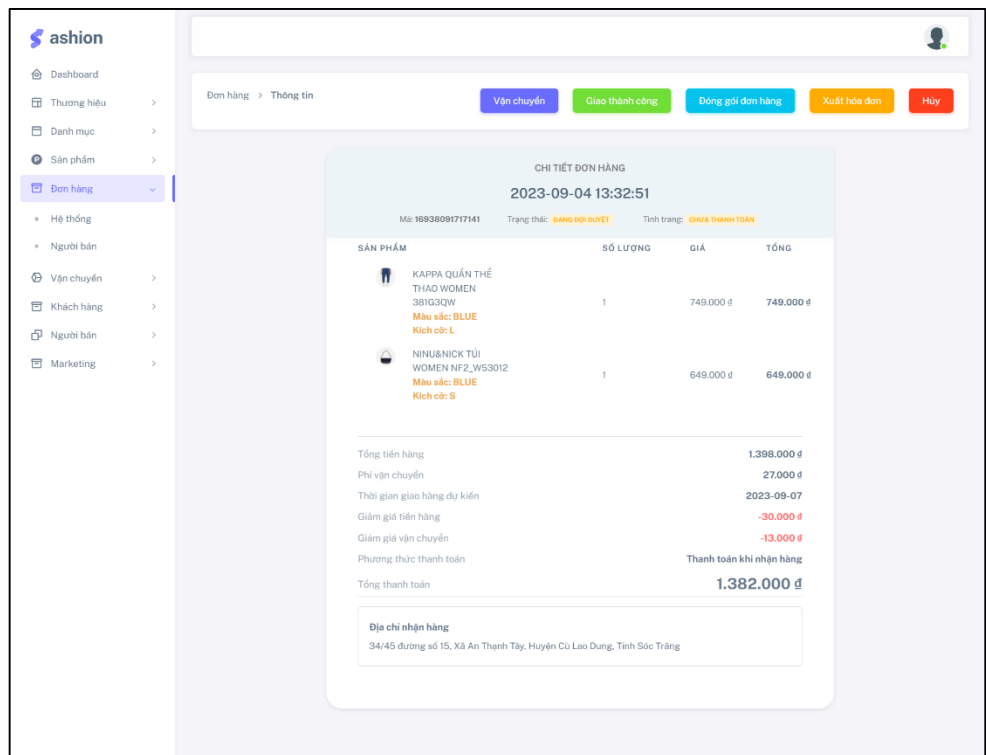
Hình 4.48 Giao diện trang edit thuộc tính



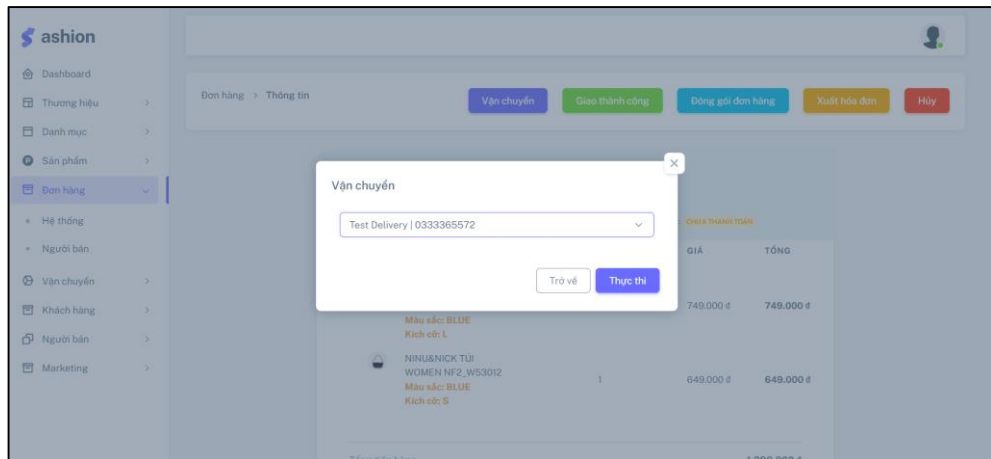
Hình 4.49 Giao diện trang quản lý đơn hàng



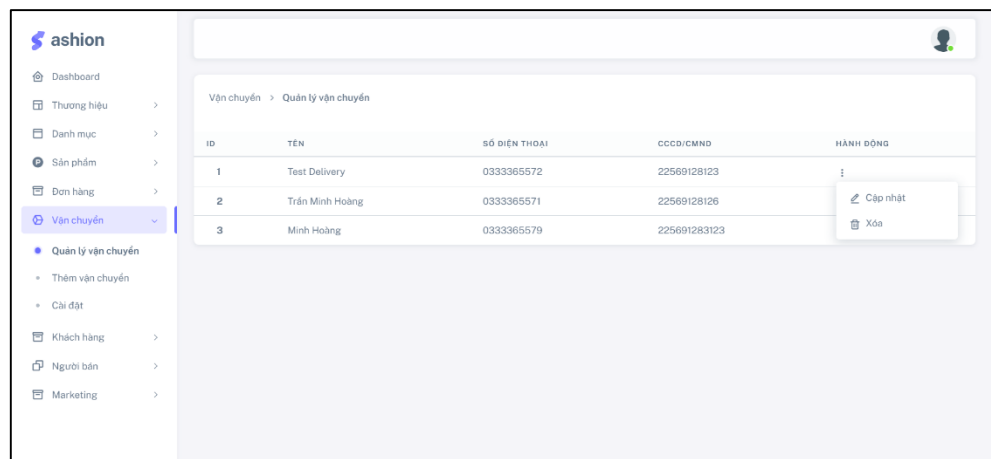
Hình 4.50 Popup export đơn hàng



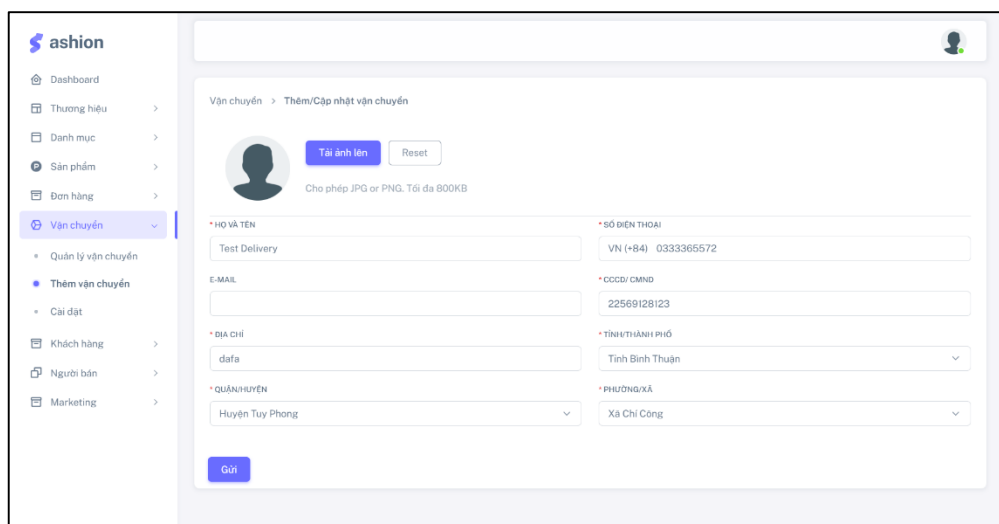
Hình 4.51 Giao diện trang chi tiết đơn hàng



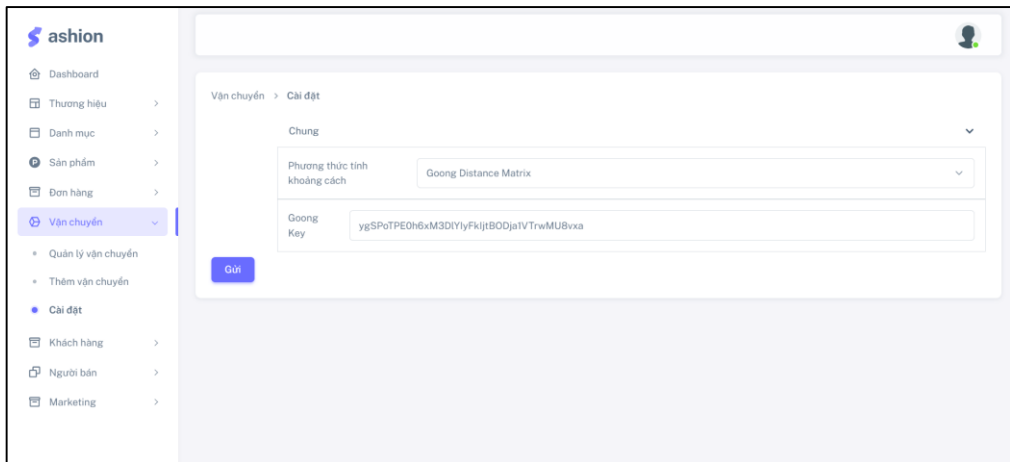
Hình 4.52 Popup chọn vận chuyển cho đơn hàng



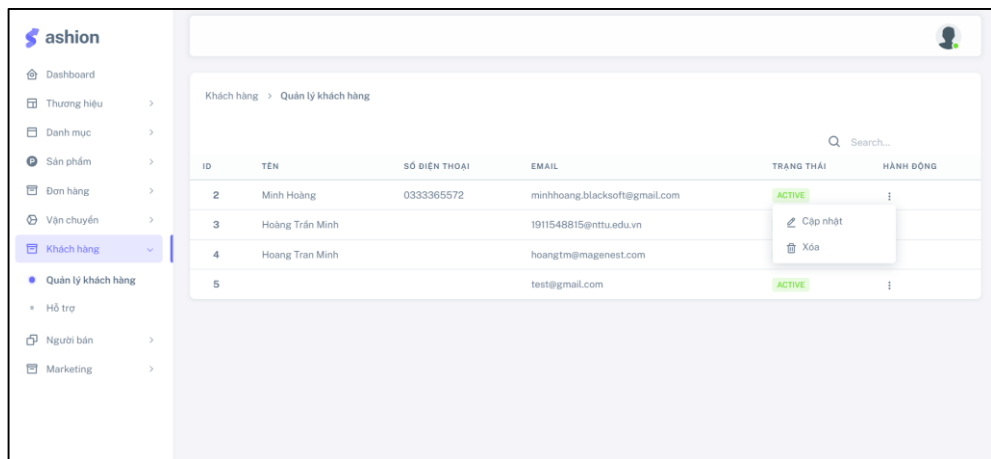
Hình 4.53 Giao diện trang quản lý vận chuyển



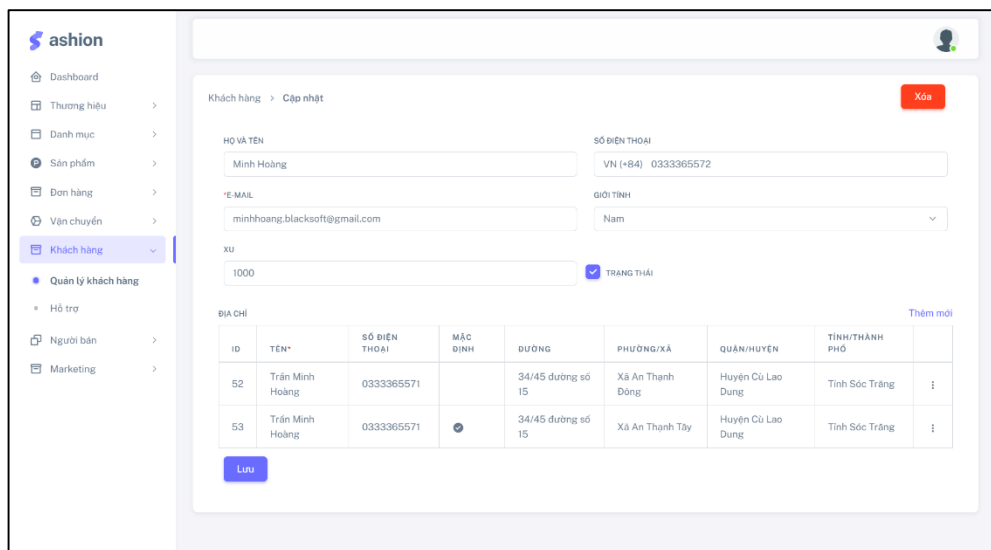
Hình 4.54 Giao diện trang edit vận chuyển



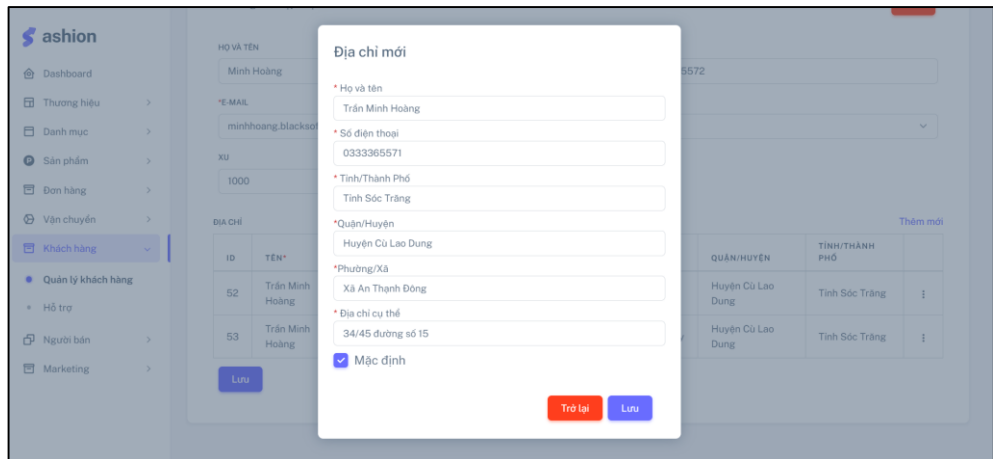
Hình 4.55 Giao diện trang cài đặt vận chuyển



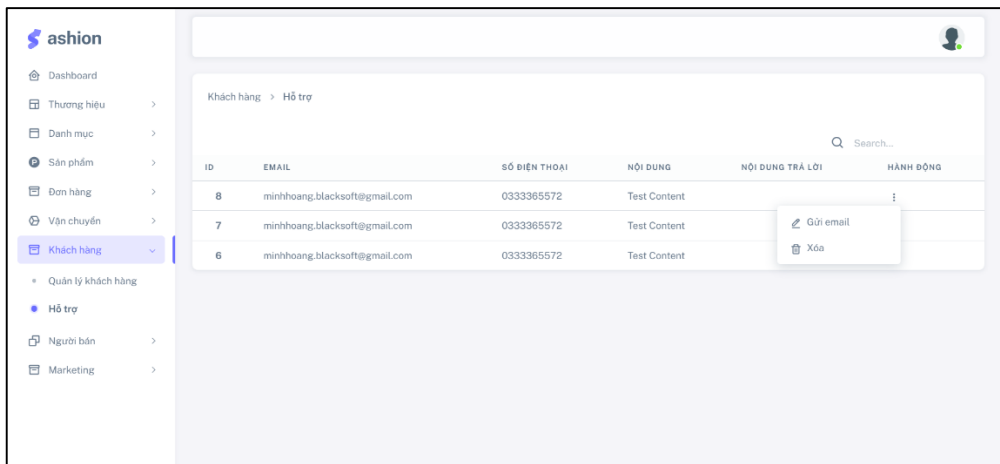
Hình 4.56 Giao diện trang quản lý khách hàng



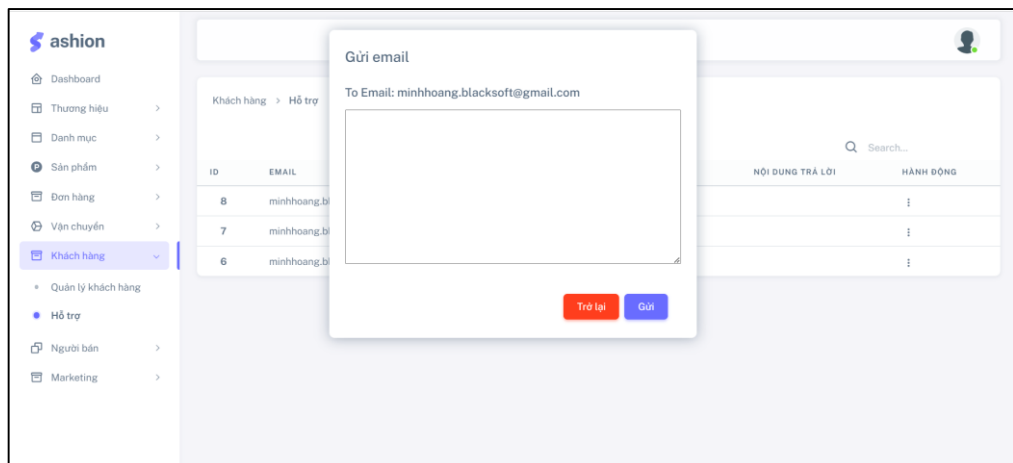
Hình 4.57 Giao diện edit thông tin khách hàng



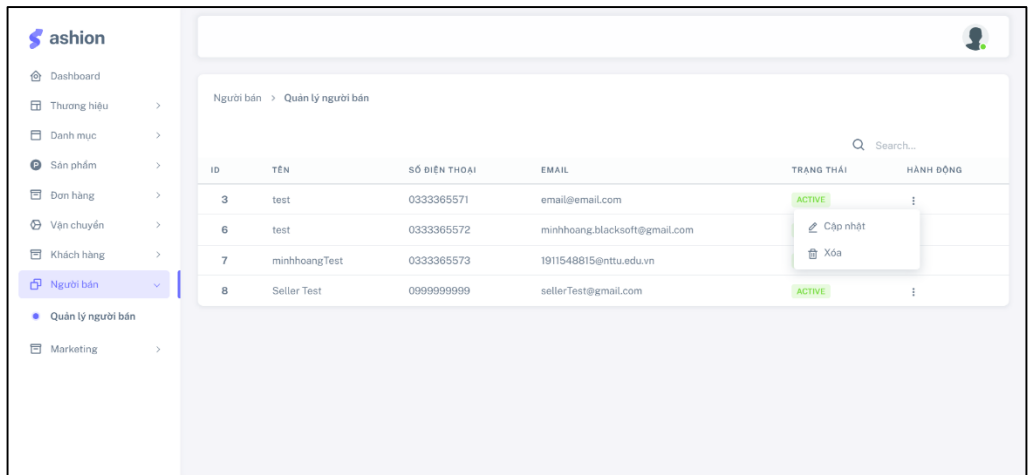
Hình 4.58 Popup edit thông tin địa chỉ nhận hàng



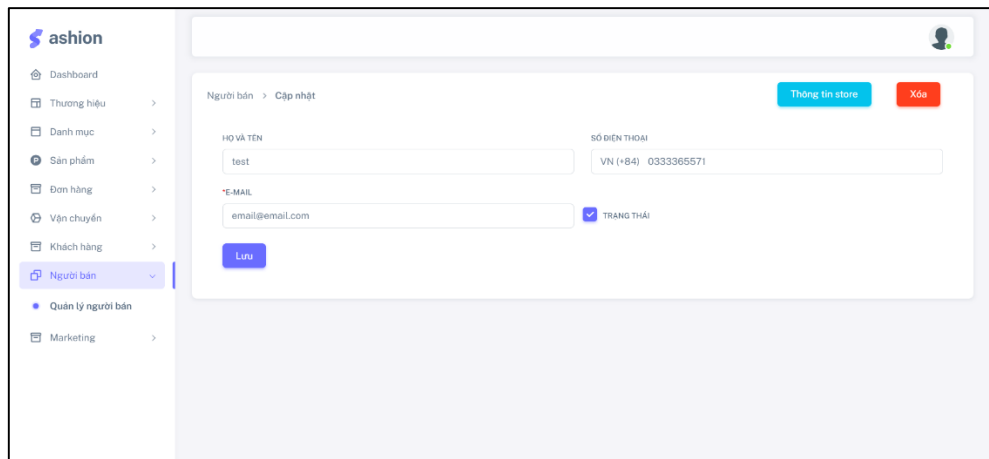
Hình 4.59 Giao diện trang quản lý hỗ trợ khách hàng



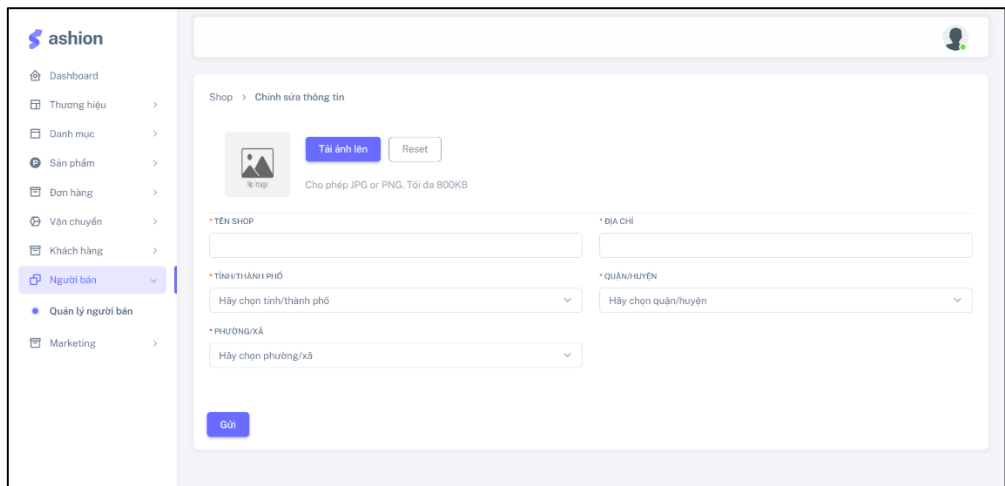
Hình 4.60 Popup gửi mail phản hồi hỗ trợ khách hàng



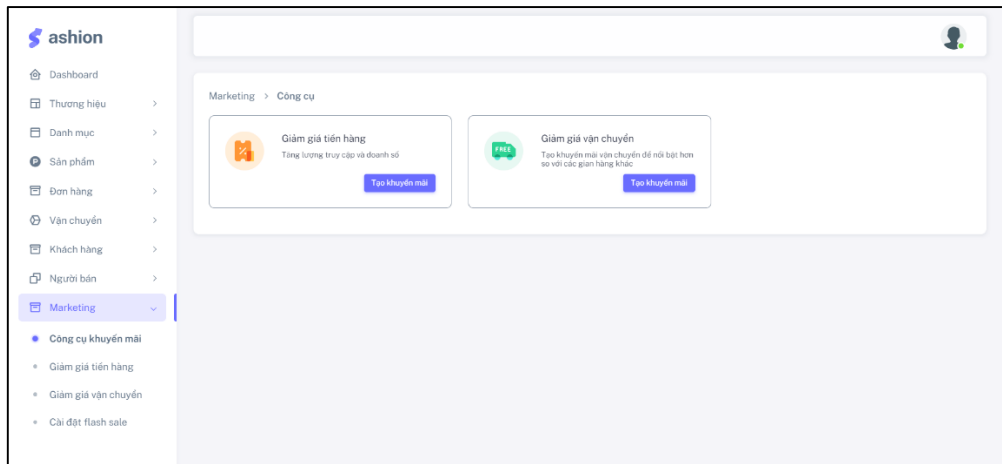
Hình 4.61 Giao diện trang quản lý người bán



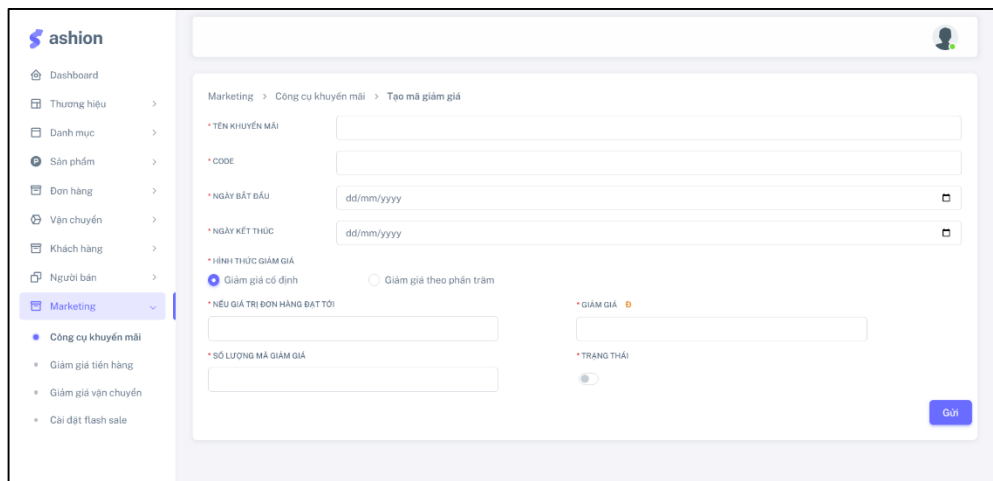
Hình 4.62 Giao diện trang edit thông tin người bán



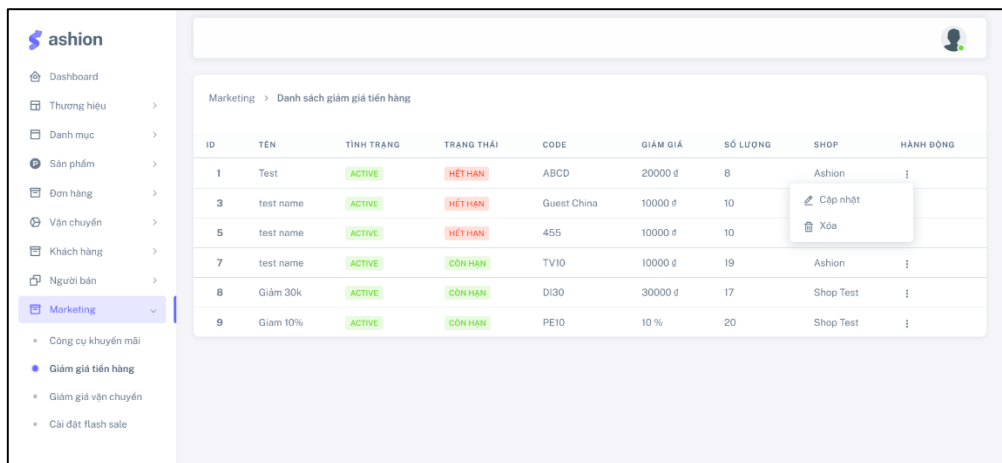
Hình 4.63 Giao diện trang edit thông tin shop của người bán



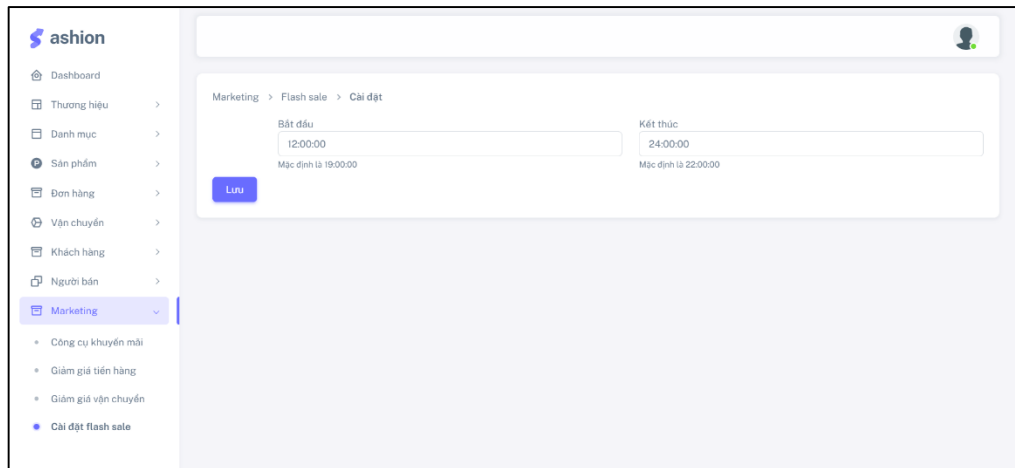
Hình 4.64 Giao diện trang công cụ khuyến mãi



Hình 4.65 Giao diện tạo khuyến mãi giảm giá

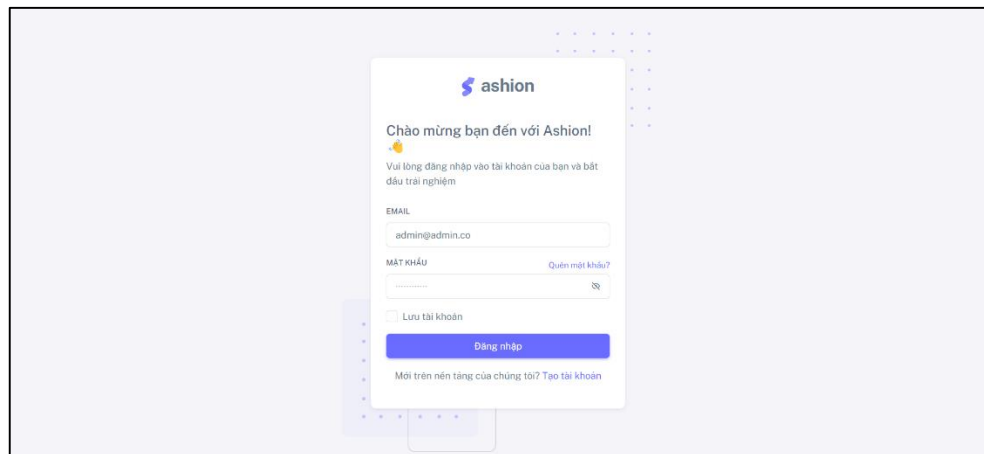


Hình 4.66 Giao diện trang quản lý voucher khuyến mãi

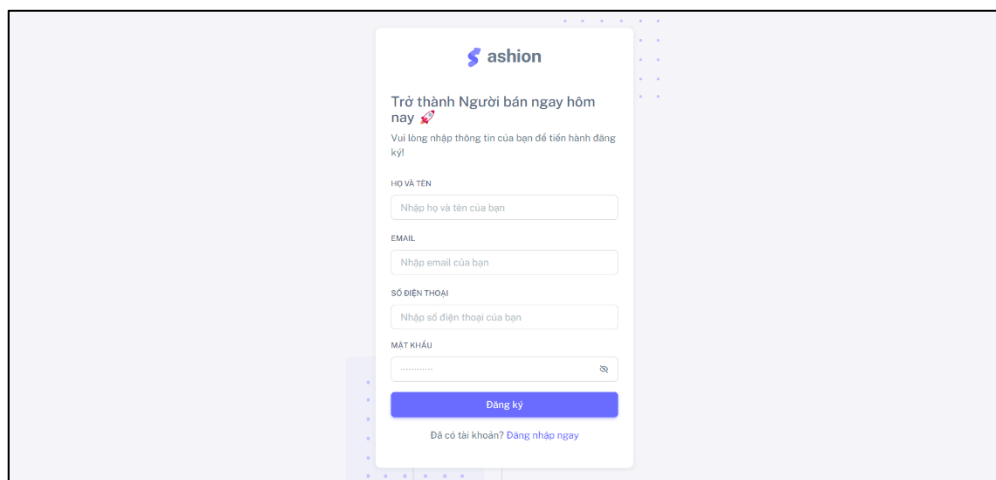


Hình 4.67 Giao diện trang cài đặt flash sale

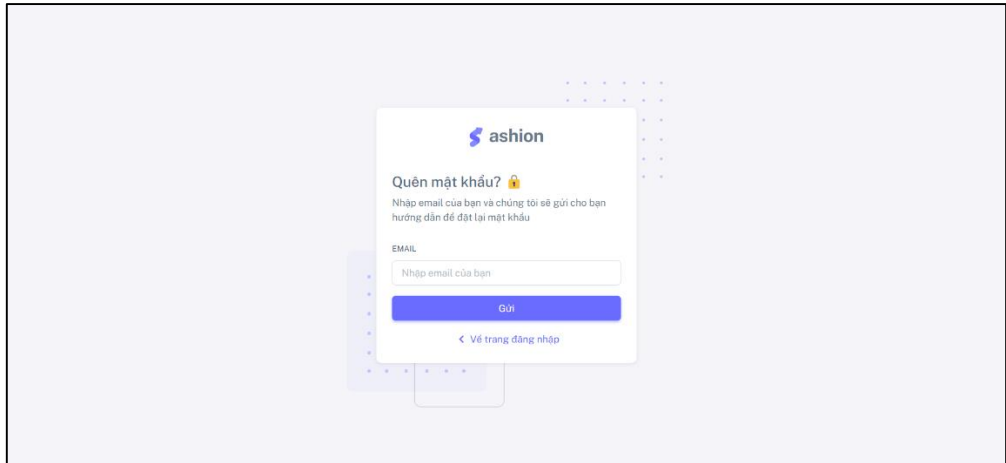
4.2.2.2. Người bán



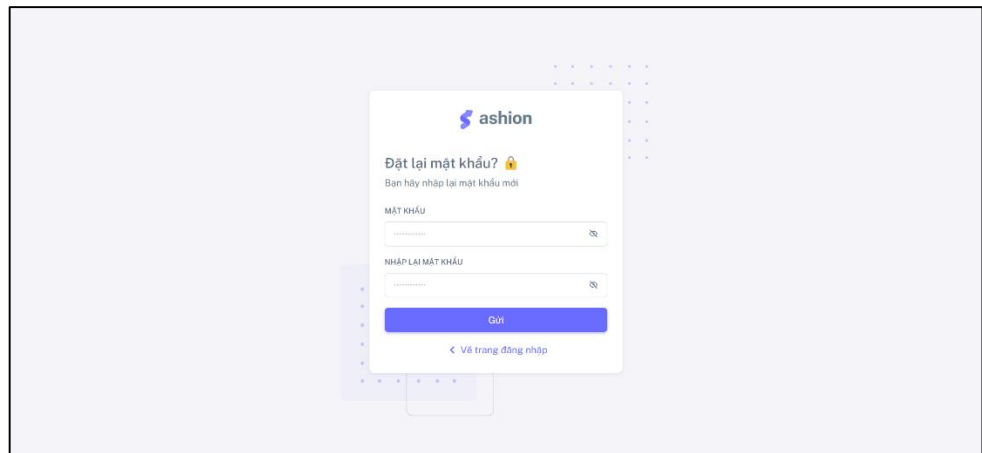
Hình 4.68 Giao diện trang đăng nhập



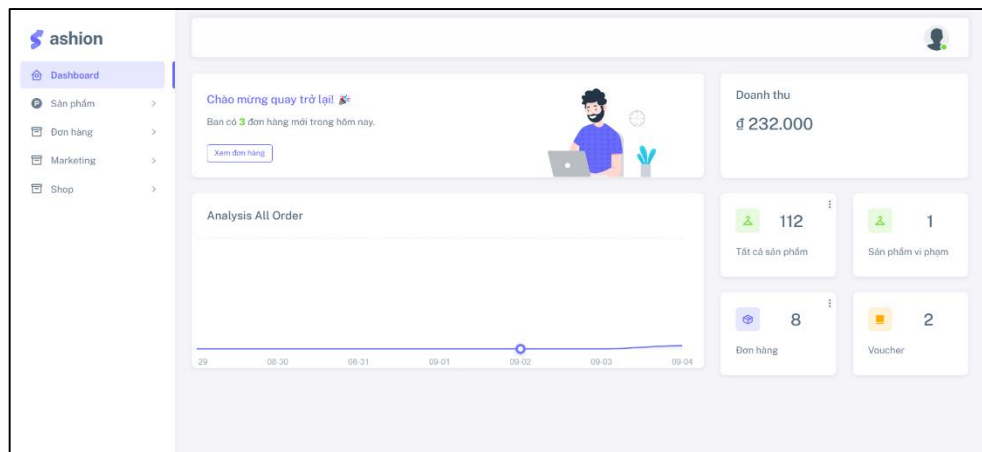
Hình 4.69 Giao diện trang đăng ký



Hình 4.70 Giao diện trang quên mật khẩu



Hình 4.71 Giao diện trang đặt lại mật khẩu

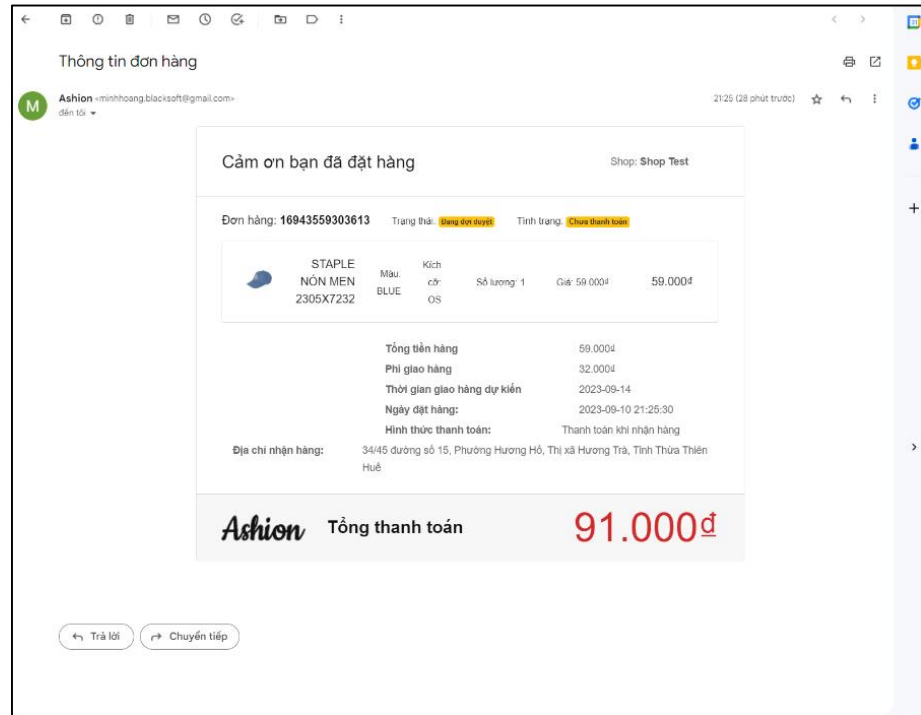


Hình 4.72 Giao diện trang dashboard

❖ Các giao diện khác(sản phẩm, đơn hàng,...) sẽ tương tự như quản trị

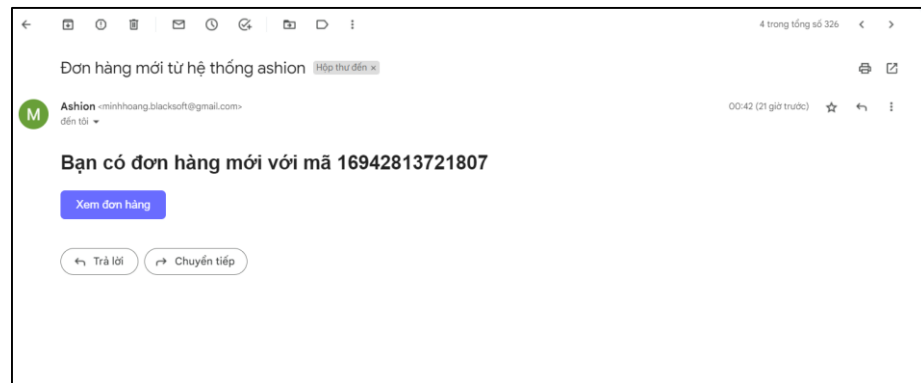
4.2.3. Email Template

4.2.3.1. Email đơn hàng thông báo đến khách hàng



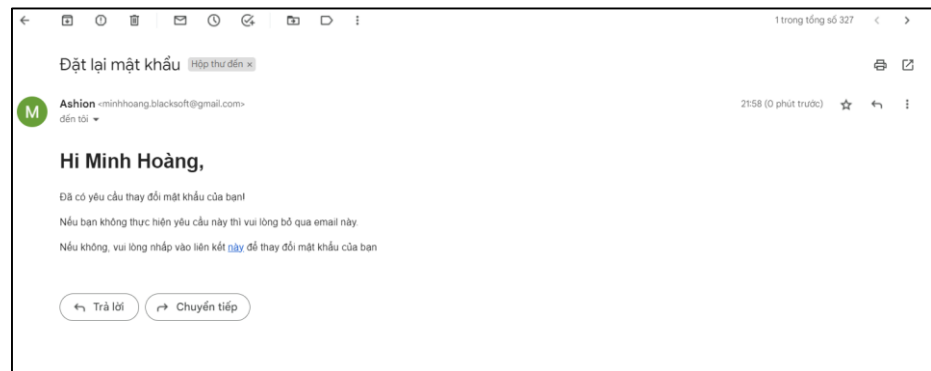
Hình 4.73 Email đơn hàng thông báo đến khách hàng

4.2.3.2. Email thông báo đến người bán khi có đơn mới



Hình 4.74 Email thông báo đến người bán khi có đơn mới

4.2.3.3. Email đặt lại mật khẩu



Hình 4.75 Email đặt lại mật khẩu

4.3. Vận hành website

4.3.1. Cấu hình máy

- Hệ xử lý: 11th Gen Intel(R) Core(TM) i5, 2.40GHz - 2.42 GHz
- Ram: 8 GB trở lên
- Hệ điều hành 64-bit
- Dung lượng ổ đĩa > 200MB
- Băng thông: 5GB

4.3.2. Hệ điều hành

- Sử dụng hệ điều hành windows 10/11 hoặc linux

4.3.3. Các phần mềm và framework liên quan

4.3.3.1. Đối với local

- Phần mềm XAMPP hoặc Laragon
- Apache hoặc Nginx
- Laravel FrameWork

4.3.3.2. Đối với hosting

- Phần mềm FileZilla Client (FTP) – hỗ trợ tải file lên server

4.3.4. Cách thức cài đặt

❖ Đảm bảo hệ thống sử dụng:

- PHP version 8.1 trở lên
- Apache/2 (Win64) OpenSSL/1.1.1m PHP/8.1.1
- Database client version: libmysql - mysqlnd 8.1.1
- PHP extension: mysqli, curl, mbstring

- Server version: 10.4.22-MariaDB

4.3.4.1. Đối với local

- B1: Cài đặt framework Laravel (Chương 2 - mục 2.2)
- B2: Copy source vào xampp/htdocs
- B3: Tạo mới database và import database
- B4: Cấu hình file .env
- B5: Bật Apache và MySQL trên phần mềm XAMPP
- B6: Vào source code >> Mở Terminal chạy lệnh “php artisan serve”
- B7: Mở trình duyệt và truy cập http://127.0.0.1:8000/

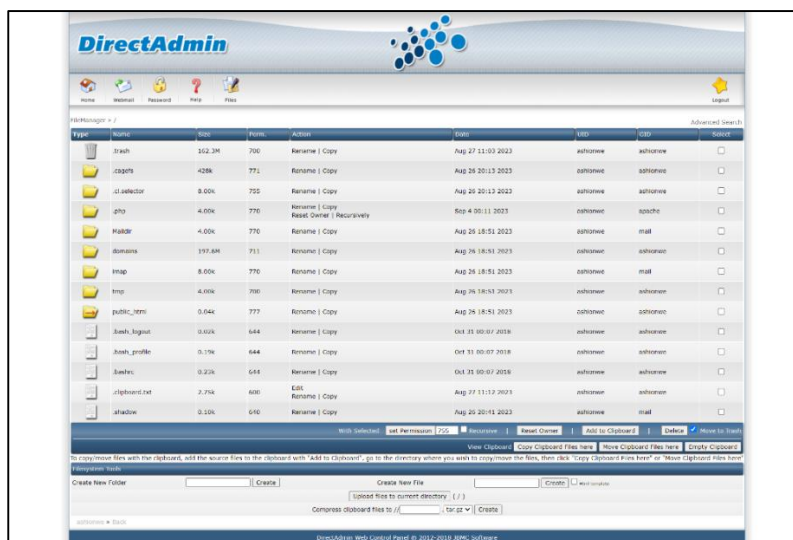
4.3.4.2. Đối với hosting

Chọn đối tác PAVIETNAM là đơn vị cung cấp hosting-domain hàng đầu hiện nay để thực hiện đưa website lên server thực tế.



Hình 4.76 Giao diện quản lý source

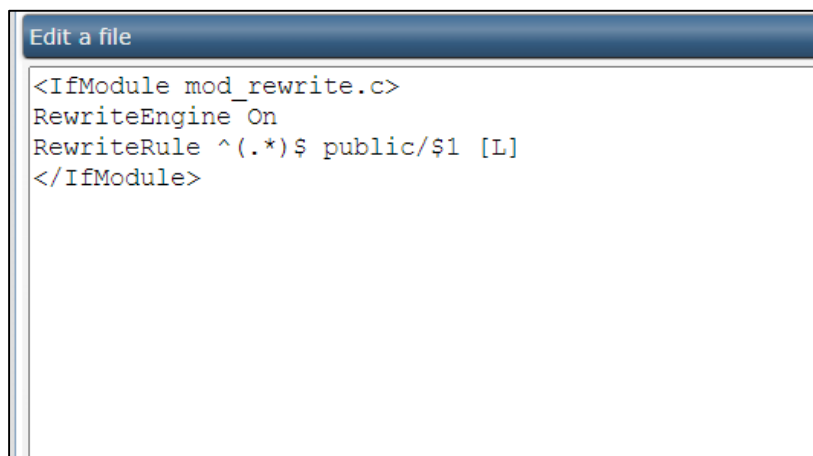
Tiến hành upload file vào thư mục public_html thông qua phần mềm FTP hoặc upload trực tiếp trên host



Hình 4.77 Giao diện quản lý file (upload file)

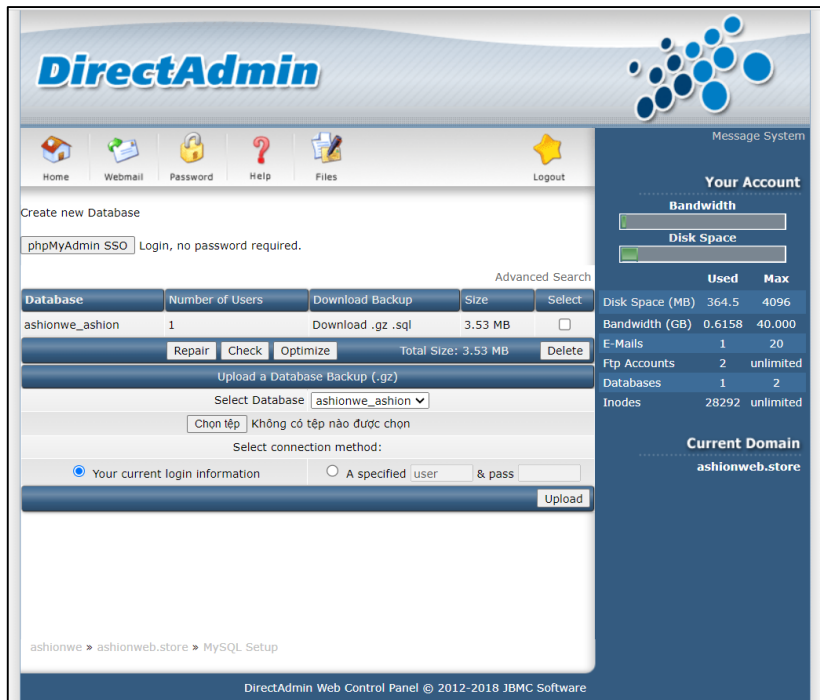
Cấu hình file .env phù hợp với database

Tạo file .htaccess trong public_html trở đường dẫn vào thư mục public của source



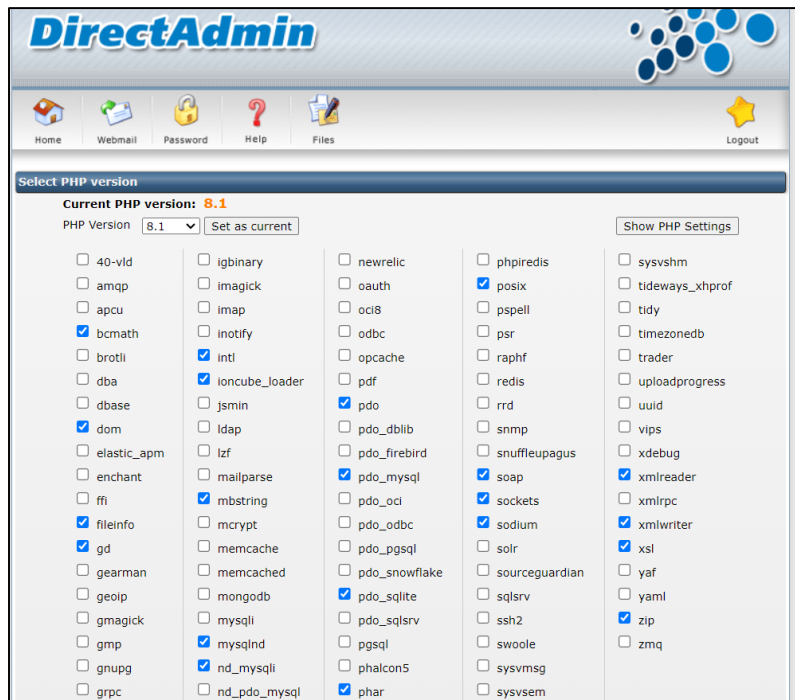
Hình 4.78 Giao diện edit file trên host

Tạo mới database và upload database lên server



Hình 4.79 Giao diện quản lý database (upload database)

Cấu hình PHP phù hợp với hệ thống



Hình 4.80 Giao diện cấu hình php

Cấu hình SSL cho hệ thống

SSL is currently **enabled** for this domain. You can disable it **here**.

SSL Certificates

- Use the server's certificate
- Use the server's shared signed certificate.
- Create your own self signed certificate
- Create A Certificate Request
- Free & automatic certificate from Let's Encrypt

2 Letter Country Code:

State/Province:

City:

Company:

Company Division:

Common Name:

E-Mail:

Key Size (bits):

Certificate Type:

Paste a pre-generated certificate and key

```
-----BEGIN EC PRIVATE KEY-----
MIGKAgEBBDAQjYsLAbErsWdyTLXLN7jXfjTthdte011FzF9sw2ToQyLXSUPAv9a4
NrLLO/JSN8ugBwYFK4EBACKhZANIATU6Yek+AthKYqXg6fcob2H3tIBOWCWY3S5
vLLAnaNDdEhgWZ+wbQuyeg9Xv2Q5H+gyVbXLCps/6XUJ7Qb+1ZMQLRQ1qffhKDYr
qJcXukBoc4BH2+jz+ZLIgnQU67VVirU=
-----END EC PRIVATE KEY-----
-----BEGIN CERTIFICATE-----
MIIEHzCCA7mgAwIBAgIQayFT6Ub7hLdFxxvmmDQEMoTAKBggqhkjOPQQDAzBIMQsw
CQYDQQQSEWJWVDEQMA4GA1UEChMHMmVyb1NTTCEfMCgGA1UEAxMhMmVyb1NTTCEf
QOMgRG9tYWluIFN1Y3V5ZSBTaXRIENBMB4XDTEzMDgyNzAwMDAwMFoXDTEzMDTEy
```

Hình 4.81 Giao diện cấu hình SSL

Link Website: <https://www.ashionweb.store/>

Link login của quản trị:

<https://www.ashionweb.store/ashion/admin/login>

Tài khoản: admin@admin.com - admin@123

Link login của người bán:

<https://www.ashionweb.store/ashion/seller/login>

KẾT LUẬN

1. Kết quả đạt được

- Xây dựng thiết kế thành công website quản lý kinh doanh online
- Phân tích được các chức năng của hệ thống
- Phân tích và thiết kế tương đối đầy đủ và hoàn thiện CSDL
- Thiết kế thành công giao diện cho website
- Xây dựng được các chức năng nổi bật và chủ yếu của website kinh doanh về thời trang
- Rèn luyện được kỹ năng tìm kiếm, giải quyết vấn đề
- Rèn luyện được tư duy xử lý logic code
- Học được các kiến thức mới để áp dụng cho công việc
- Rèn luyện được khả năng tự học

2. Hạn chế

- Website vẫn còn 1 một số bug nhỏ (không đáng kể)
- Vẫn còn thiếu sót trong quá trình thực hiện và viết báo cáo
- Có một số template chưa được đẹp đối với người dùng

3. Hướng phát triển

- Tiếp tục nghiên cứu mở rộng thêm các chức năng cho website
- Sẽ cố gắng tìm hiểu và học hỏi nhiều hơn để xây dựng hoàn thiện một website hoàn chỉnh để phục vụ cho công việc
- Sẽ áp dụng các kiến thức đã nghiên cứu từ khóa luận vào công việc hiện tại
- Mở rộng thêm CSDL

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] The PHP Group (2001), PHP Document, địa chỉ: <https://www.php.net/docs.php>, truy cập : 07,08,09/2023
- [2] Stack Exchange (2008), Stack Overflow, <https://stackoverflow.com/> (07,08,09/2023)
- [3] Taylor Otwell (2011), Laravel Document, địa chỉ: <https://laravel.com/docs/10.x>, truy cập: 07,08,09/2023
- [4] Vietnv (2021), Login With google Laravel 8, địa chỉ: <https://blog.haposoft.com/dang-nhap-tai-khoan-google-laravel/>, truy cập: 07/2023
- [5] Krunal (2022), How to Export in Excel and CSV in Laravel, địa chỉ: <https://appdividend.com/2022/02/28/how-to-import-and-export-data-in-csv-excel-in-laravel/>, truy cập: 09/2023
- [6] Krunal05, how to handle "405 Method Not Allowed" error in laravel 8? ,địa chỉ: <https://laracasts.com/discuss/channels/laravel/how-to-handle-405-method-not-allowed-error-in-laravel-8>, truy cập: 07/2-23
- [7] Thinhnotes, Use Case Diagram và 5 sai lầm thường gặp, địa chỉ: <https://thinhnotes.com/chuyen-nghe-ba/use-case-diagram-va-5-sai-lam-thuong-gap/>, truy cập: 09/2023
- [8] TopDev, Xây dựng truy vấn bằng Laravel Query Builder, địa chỉ: <https://topdev.vn/blog/xay-dung-truy-van-bang-laravel-query-builder/>, truy cập: 07/2023